KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
VŨ THỊ THANH HƯƠNG – HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

Vở thực hành TOÁN

TẬP MỘT

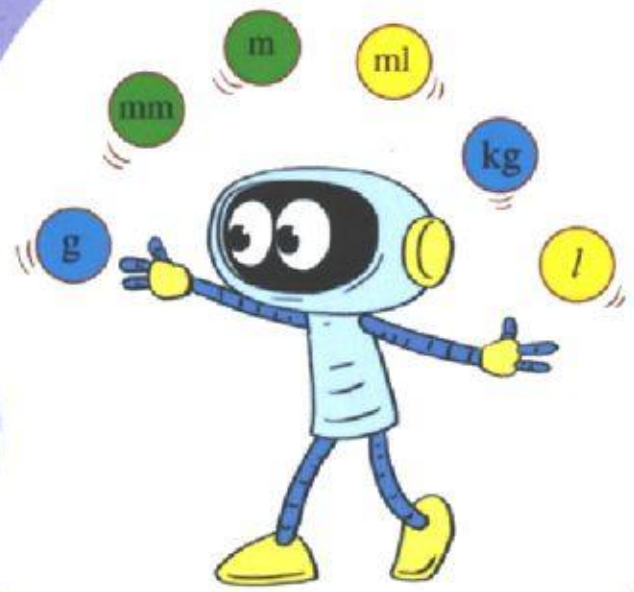
5

Trường: .....

Lớp: .....

Họ và tên: .....

Năm học: .....



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
VŨ THỊ THANH HƯƠNG – HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

Vở thực hành TOÁN 5

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

Bài 1. Ôn tập số tự nhiên 4
Bài 2. Ôn tập các phép tính với số tự nhiên 7
Bài 3. Ôn tập phân số 10
Bài 4. Phân số thập phân 13
Bài 5. Ôn tập các phép tính với phân số 14
Bài 6. Cộng, trừ hai phân số khác mẫu số 18
Bài 7. Hỗn số 21
Bài 8. Ôn tập hình học và đo lường 23
Bài 9. Luyện tập chung 26
Bài 10. Khái niệm số thập phân 31
Bài 11. So sánh các số thập phân 35
Bài 12. Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân 37
Bài 13. Làm tròn số thập phân 40
Bài 14. Luyện tập chung 42
Bài 15. Ki-lô-mét vuông. Héc-ta 44
Bài 16. Các đơn vị đo diện tích 46
Bài 17. Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng 48
Bài 18. Luyện tập chung 51
Bài 19. Phép cộng số thập phân 54
Bài 20. Phép trừ số thập phân 56
Bài 21. Phép nhân số thập phân 58
Bài 22. Phép chia số thập phân 61
Bài 23. Nhân, chia số thập phân với 10; 100; 1 000;... hoặc với 0,1; 0,01; 0,001;... 65
Bài 24. Luyện tập chung 67
Bài 25. Hình tam giác. Diện tích hình tam giác 70
Bài 26. Hình thang. Diện tích hình thang 76
Bài 27. Đường tròn. Chu vi và diện tích hình tròn 83
Bài 28. Thực hành và trải nghiệm đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình 89
Bài 29. Luyện tập chung 92
Bài 30. Ôn tập số thập phân 97
Bài 31. Ôn tập các phép tính với số thập phân 100
Bài 32. Ôn tập một số hình phẳng 104
Bài 33. Ôn tập diện tích, chu vi một số hình phẳng 107
Bài 34. Ôn tập đo lường 112
Bài 35. Ôn tập chung 115

LỜI NÓI ĐẦU

Vở thực hành Toán 5 được biên soạn cho các em sử dụng khi thực hành, luyện tập tại lớp. Cuốn sách này chủ yếu giúp các em luyện tập, củng cố các kiến thức, kĩ năng cơ bản trong sách Toán 5.

Vở thực hành Toán 5 có nội dung bám sát sách giáo khoa Toán 5 thuộc bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn theo từng bài học trong sách Toán 5 và theo từng tiết học. Mỗi tiết học chủ yếu gồm các bài tập trong sách Toán 5 nhưng được chuyển lệnh, thay đổi hình thức thể hiện như: điền, viết, vẽ, tô màu, nối,... để nội dung học tập của học sinh được phong phú, đa dạng và tạo hứng thú học tập cho các em. Ngoài ra, sách còn có một số dạng bài tập mới nhằm phát triển năng lực toán học cho học sinh.

Vở thực hành Toán 5 được trình bày dưới dạng cuốn vở, có in sẵn đề bài để khi thực hành các em làm bài trực tiếp vào vở và không phải chép đề. Như vậy việc thực hành, luyện tập của các em sẽ hiệu quả hơn.

Chúc các em học tốt môn Toán!

Các tác giả

Bài 1 ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Số gồm	Viết số	Đọc số
5 chục nghìn, 2 nghìn, 8 trăm, 1 chục và 4 đơn vị	52 814	năm mươi hai nghìn tám trăm mười bốn
3 chục triệu, 8 nghìn, 2 chục và 1 đơn vị		
8 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 1 chục và 5 đơn vị		
1 triệu, 2 trăm nghìn, 3 trăm, 2 chục và 4 đơn vị		

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 504 842 = 500 000 + 4 000 + ... + 40 + 2

b) 1 730 539 = 1 000 000 + ... + 30 000 + 500 + 30 + 9

c) 26 400 500 = 20 000 000 + 6 000 000 + 400 000 + ...

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt có thói quen viết các số biểu diễn ngày, tháng, năm liên tiếp nhau để được một số tự nhiên có nhiều chữ số. Ví dụ, ngày 30 tháng 4 năm 1975, Rô-bốt sẽ viết được số 3 041 975.

a) Với ngày Nhà giáo Việt Nam năm nay, Rô-bốt sẽ viết được số .....

b) Giá trị của từng chữ số 2 trong số mà Rô-bốt đã viết ở câu a là:

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ba số chẵn liên tiếp được viết vào 3 chiếc mũ, mỗi chiếc mũ được viết một số. Việt, Nam và Rô-bốt, mỗi bạn đội một chiếc mũ trên. Rô-bốt nhìn thấy số được viết trên mũ của Việt và Nam là 2 032 và 2 028.

Vậy chiếc mũ mà Rô-bốt đang đội được viết số .....

Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

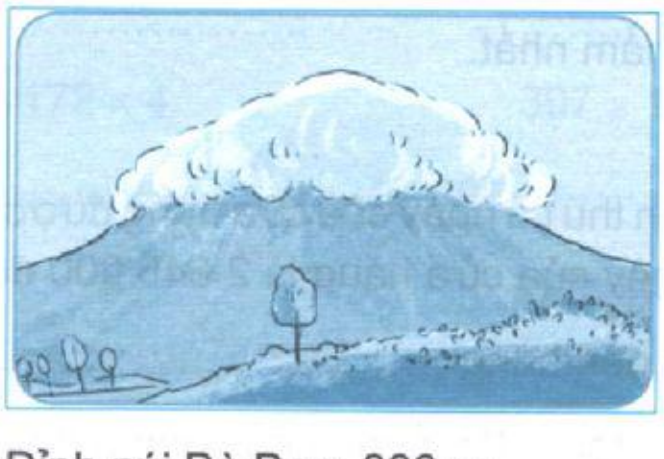
a) Đỉnh núi nào dưới đây cao nhất?

A.



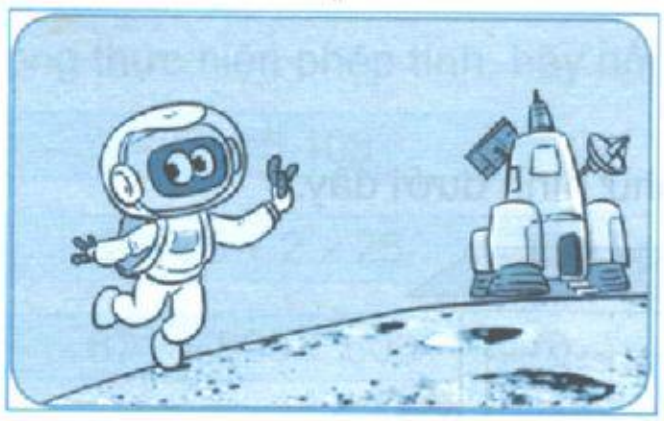
Đỉnh E-vơ-rét (Everest): 8 848 m

B.



Đỉnh núi Bà Đen: 986 m

C.



Đỉnh Ô-lim-pớt Mon (Olympus Mons): 25 000 m

b) Bộ đồ chơi nào dưới đây có giá tiền thấp nhất?

A.



195 000 đồng

B.



1 175 000 đồng

C.



2 000 000 đồng

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong bốn năm, một cửa hàng đã thống kê số sản phẩm bán được như bảng số liệu dưới đây.

Năm	2020	2021	2022	2023
Số sản phẩm bán được	2 873	2 837	3 293	3 018

a) Năm 2020 cửa hàng bán được ..... sản phẩm.

Năm 2021 cửa hàng bán được ..... sản phẩm.

Năm 2022 cửa hàng bán được ..... sản phẩm.

Năm 2023 cửa hàng bán được ..... sản phẩm.

b) Năm ..... cửa hàng bán được nhiều sản phẩm nhất.

Năm ..... cửa hàng bán được ít sản phẩm nhất.

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

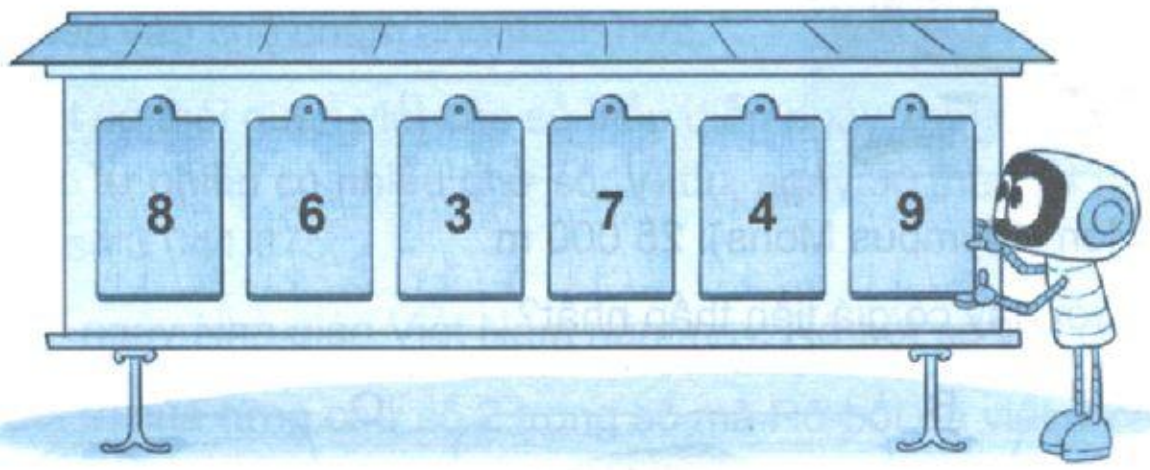
Cuối ngày, người bán hàng nói rằng: "Doanh thu cả ngày của cửa hàng được khoảng 2 500 000 đồng". Thực tế doanh thu cả ngày của cửa hàng là 2 545 000 đồng.

a) Người bán hàng đã làm tròn doanh thu đến hàng .....

b) Khi làm tròn doanh thu thực tế của cửa hàng đến hàng chục nghìn thì được số tiền là: .....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt lập số 863 749 bằng các tấm thẻ như hình dưới đây.



Số lẻ lớn nhất có thể nhận được khi đổi chỗ 2 tấm thẻ là .....

Bài 2

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 7 318 + 3 191 ....

83 500 – 28 150 ....

681 + 14 609 ....

b) 172 × 4 ....

307 × 15 ....

4 488 : 34 ....

2 Không thực hiện phép tính, hãy nối các cặp biểu thức có giá trị bằng nhau.

483 + 5 109	45 × 999
2 × 75 + 2 × 25	5 109 + 483
871 + 500 + 500	2 × (75 + 25)
999 × 45	871 + (500 + 500)

3 Mai mua hai gói bim bim hết số tiền là 18 000 đồng. Trong đó, gói bim bim cua có giá hơn gói bim bim mực là 4 000 đồng. Tính giá tiền mỗi gói bim bim Mai đã mua.

Bài giải

.....

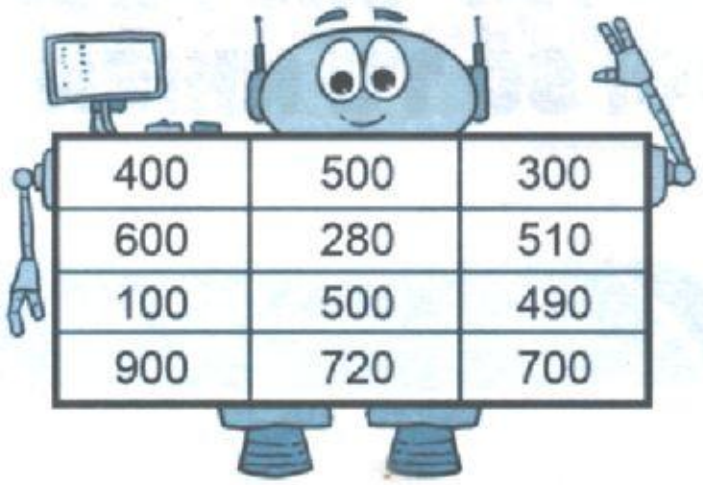
.....

.....

.....

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



400	500	300
600	280	510
100	500	490
900	720	700

Tổng tất cả các số trong hình trên (bằng cách thuận tiện) là:

.....

.....

Tiết 2

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) $3\,713 - 200 \times 5$

= .....

= .....

= .....

b) $1\,500 + (750 + 250) : 2$

= .....

= .....

= .....

2 Viết chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

a)
$$\begin{array}{r} 6\,0\,6\,1\,8\,\ldots \\ -\;4\,3\,\ldots\,1\,4\,9 \\ \hline 1\,7\,1\ldots 3\,3 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 1\ldots\,0\,2\,1 \\ \times\qquad\quad 5\ldots \\ \hline 1\,5\,0\,2\,1 \\ 7\,5\,1\,0\,\ldots \\ \hline 7\,6\,6\,0\,7\,1 \end{array}$$

3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $25 \times 99 \times 4$

= .....

= .....

= .....

b) $2\,025 \times 17 + 83 \times 2\,025$

= .....

= .....

= .....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt đã bán được bốn bức tranh với giá tiền tương ứng như hình dưới đây.



85 500 đồng



150 000 đồng



425 000 đồng



55 500 đồng

Hỏi trung bình mỗi bức tranh của Rô-bốt có giá bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

5 Bác Ba chia 525 kg gạo vào các túi, mỗi túi 15 kg.

a) Hỏi 7 túi như vậy có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

b) Biết rằng bác Ba bán mỗi túi gạo đó với giá 250 000 đồng. Hỏi bác Ba thu được bao nhiêu tiền khi bán hết số gạo đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

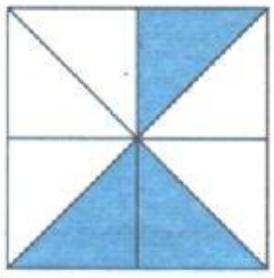
.....

Bài 3 ÔN TẬP PHÂN SỐ

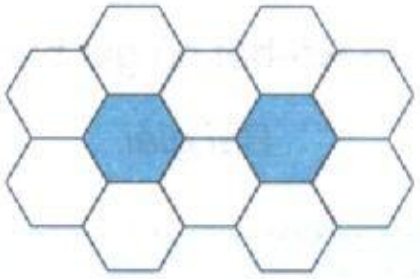
Tiết 1

1 Viết phân số và cách đọc phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình (theo mẫu).

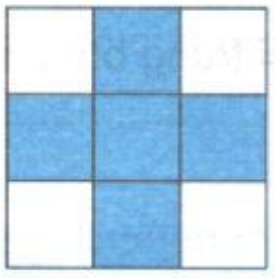
Mẫu:



$\frac{3}{8}$: Ba phần tám



.....



.....

2 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$\frac{24}{40} = \frac{12}{.....} = \frac{.....}{5}$ $\frac{36}{54} = \frac{.....}{9} = \frac{2}{.....} = \frac{.....}{15}$

b) Rút gọn các phân số.

$\frac{18}{24}$ = ... $\frac{56}{42}$ = ... $\frac{72}{90}$ = ...

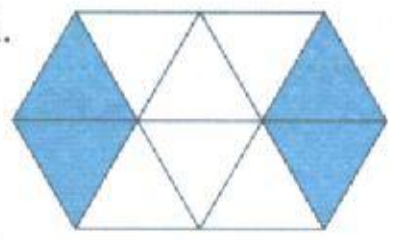
3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phân số nào dưới đây là phân số tối giản?

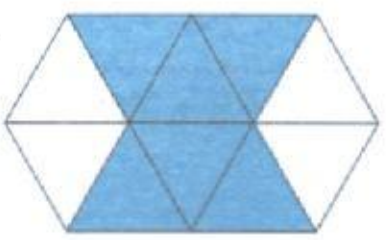
A. $\frac{16}{18}$ B. $\frac{15}{12}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{25}{30}$

b) $\frac{3}{5}$ bằng phân số chỉ phần đã tô màu của hình nào dưới đây?

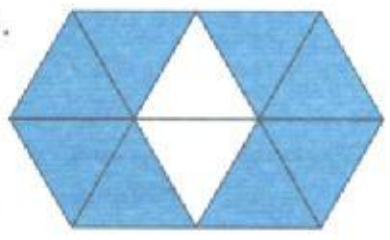
A.



B.



C.



D.



4 Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{9}{5}$ và $\frac{21}{40}$

.....

.....

b) $\frac{17}{30}$ và $\frac{53}{90}$

.....

.....

c) $\frac{1}{3}$; $\frac{7}{12}$ và $\frac{35}{48}$

.....

.....

5 Tính.

a) $\frac{6 \times 12 \times 17}{17 \times 4 \times 20}$ = ...

b) $\frac{9 \times 15 \times 7}{15 \times 7 \times 18}$ = ...

Tiết 2

1 >; <; = ?

a) $\frac{3}{4} \square \frac{7}{12}$

b) $\frac{8}{5} \square \frac{8}{7}$

c) $\frac{6}{5} \square \frac{12}{10}$

$\frac{9}{5} \square 2$

$\frac{7}{6} \square \frac{29}{24}$

$3 \square \frac{17}{8}$

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phân số nào dưới đây lớn hơn 1?

A. $\frac{16}{17}$ B. $\frac{31}{29}$ C. $\frac{90}{100}$ D. $\frac{120}{125}$

b) Phân số nào dưới đây bé hơn phân số $\frac{4}{7}$?

A. $\frac{5}{7}$ B. $\frac{20}{35}$ C. $\frac{13}{21}$ D. $\frac{12}{28}$

c) Phân số nào dưới đây lớn hơn phân số $\frac{5}{8}$?

A. $\frac{10}{16}$ B. $\frac{25}{32}$ C. $\frac{13}{24}$ D. $\frac{3}{8}$

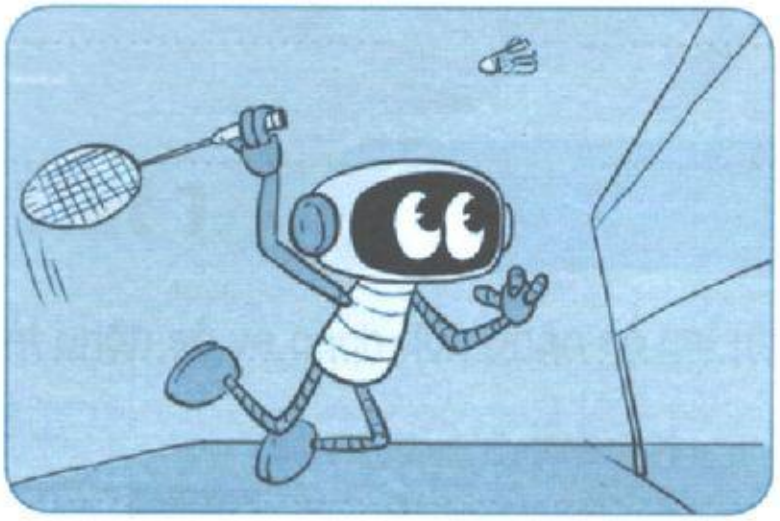
3 Viết các phân số $\frac{3}{4}$; $\frac{7}{12}$; $\frac{20}{16}$; $\frac{19}{24}$ theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn: .....

b) Từ lớn đến bé: .....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

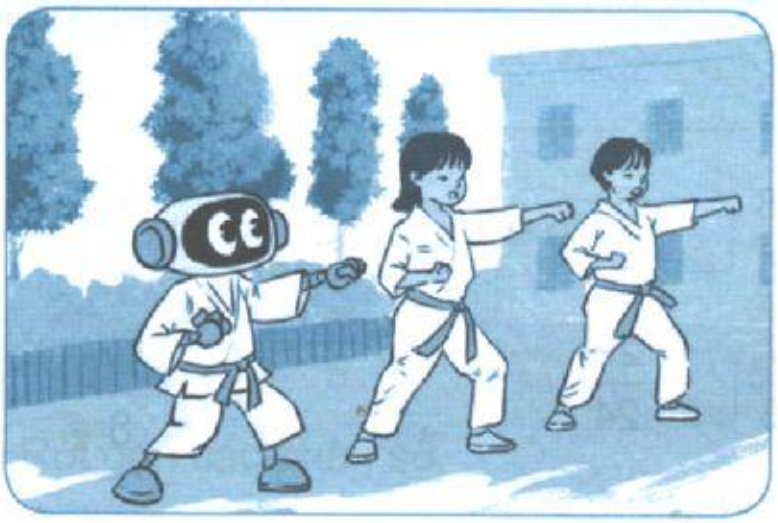
Cho biết số học sinh khối 5 tham gia các môn thể thao ở Câu lạc bộ thể thao của một trường tiểu học như sau:



Cầu lông: $\frac{1}{3}$ số học sinh của khối 5



Bóng đá: $\frac{2}{3}$ số học sinh của khối 5



Võ: $\frac{1}{5}$ số học sinh của khối 5



Bóng rổ: $\frac{4}{15}$ số học sinh của khối 5

Trong các môn thể thao trên, môn nào được học sinh khối 5 của trường tiểu học đó tham gia nhiều nhất?

A. Cầu lông B. Bóng đá C. Võ D. Bóng rổ

5 Đố em!

Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$\frac{3}{8} < \frac{.....}{8} < \frac{4}{7}$$

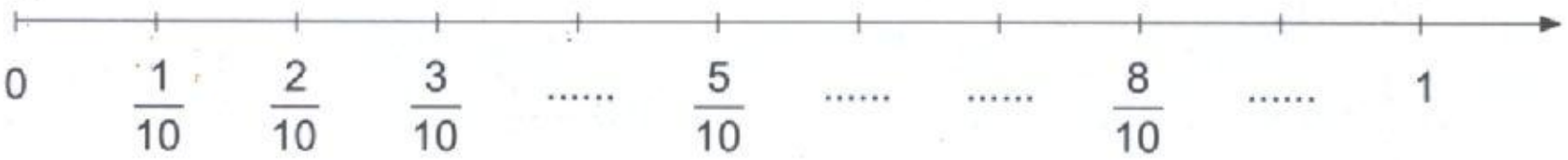
Bài 4 PHÂN SỐ THẬP PHÂN

1 Khoanh vào những phân số thập phân trong các phân số dưới đây.

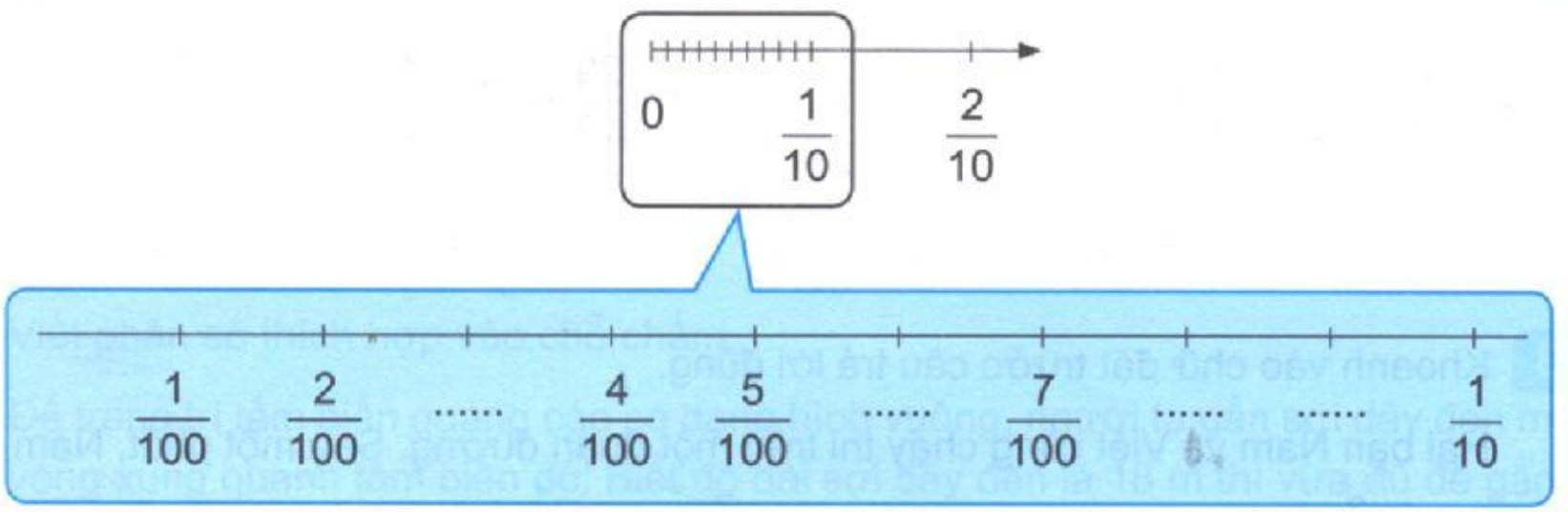
$\frac{7}{10}$ $\frac{9}{20}$ $\frac{63}{100}$ $\frac{100}{59}$ $\frac{178}{100}$ $\frac{16}{1\,000}$ $\frac{365}{1\,000}$

2 Viết phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a)



b)



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{3}{5} = \frac{3 \times .....}{5 \times .....} = \frac{.....}{10}$

b) $\frac{25}{500} = \frac{25 : .....}{500 : .....} = \frac{.....}{100}$

c) $\frac{11}{25} = \frac{11 \times .....}{25 \times .....} = \frac{.....}{100}$

d) $\frac{82}{2\,000} = \frac{82 : .....}{2\,000 : .....} = \frac{.....}{1\,000}$

4 Viết các phân số sau thành phân số thập phân.

$\frac{66}{60} = ...$ $\frac{3}{4} = ...$ $\frac{5}{8} = ...$

$\frac{27}{300} = ...$ $\frac{31}{125} = ...$ $\frac{21}{25} = ...$

Bài 5 ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Tính.

a) $\frac{6}{5} + \frac{7}{15} =$ .....

b) $\frac{15}{16} - \frac{3}{4} =$ .....

c) $\frac{3}{8} + 4 =$ .....

d) $3 - \frac{16}{7} =$ .....

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $\frac{4}{7} + \frac{9}{14} - \frac{5}{7} =$ .....

b) $\frac{29}{12} - (2 + \frac{1}{4}) =$ .....

.....

.....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hai bạn Nam và Việt cùng chạy thi trên một đoạn đường. Sau một phút, Nam chạy được $\frac{3}{5}$ đoạn đường, Việt chạy được $\frac{7}{10}$ đoạn đường. Vậy sau một phút:

A. Nam chạy nhiều hơn Việt $\frac{1}{10}$ đoạn đường.

B. Việt chạy nhiều hơn Nam $\frac{4}{10}$ đoạn đường.

C. Việt chạy nhiều hơn Nam $\frac{1}{10}$ đoạn đường.

4 Thư viện của Trường Tiểu học Nguyễn Du có $\frac{2}{3}$ số sách là sách giáo khoa, $\frac{2}{9}$ số sách là sách tham khảo, còn lại là truyện thiếu nhi và tạp chí. Tìm phân số chỉ số truyện thiếu nhi và tạp chí trong thư viện của trường đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Viết phân số $\frac{1}{2}$ thành tổng của hai phân số có tử số là 1 và mẫu số khác nhau.

.....

Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{5}{8} \times \frac{8}{15} =$ .....

b) $\frac{12}{7} : \frac{8}{7} =$ .....

c) $6 \times \frac{7}{9} =$ .....

d) $\frac{24}{5} : 4 =$ .....

2 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Để trang trí tấm biển quảng cáo có dạng hình vuông, người ta gắn sợi dây đèn một vòng xung quanh tấm biển đó. Biết độ dài sợi dây đèn là 18 m thì vừa đủ để gắn.

a) Độ dài cạnh của tấm biển quảng cáo đó là ..... m.

b) Diện tích của tấm biển quảng cáo đó là ..... m^2.

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) $\frac{9}{10} \times \frac{5}{6} : 3 =$ .....

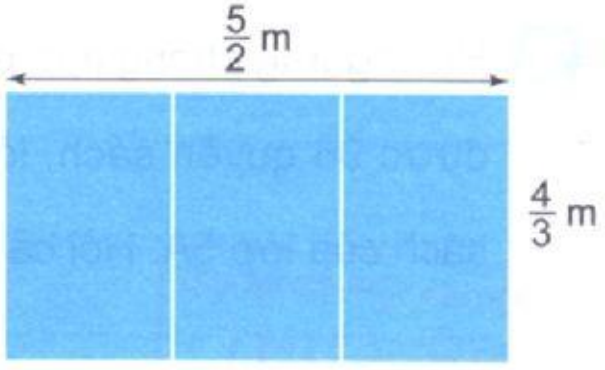
= .....

b) $\frac{11}{6} : (\frac{11}{14} \times 7) =$ .....

= .....

4 Một tấm kính dạng hình chữ nhật có chiều dài $\frac{5}{2}$ m, chiều rộng $\frac{4}{3}$ m. Chú Hoà chia tấm kính đó thành 3 phần bằng nhau (như hình vẽ) để làm mặt bàn.

Tính diện tích mỗi phần tấm kính làm mặt bàn.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{10}{11} \times \frac{9}{16} \times \frac{11}{10} \times \frac{8}{9}$ = ...

= .....

b) $\frac{6}{7} \times \frac{12}{19} \times \frac{19}{12} \times \frac{7}{18}$ = ...

= .....

Tiết 3

1 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) $\frac{11}{12} - \frac{1}{4} = \frac{8}{12} = \frac{2}{3}$. ☐

b) $\frac{5}{9} + \frac{4}{3} = \frac{9}{12} = \frac{3}{4}$. ☐

c) $\frac{3}{10} \times \frac{5}{6} = \frac{15}{60} = \frac{1}{4}$. ☐

d) $\frac{15}{8} : \frac{3}{4} = \frac{60}{24} = \frac{5}{2}$. ☐

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $\frac{9}{7} \times (\frac{7}{9} - \frac{2}{3})$ = ...

= .....

b) $\frac{20}{24} + \frac{10}{4} : 3$ = ...

= .....

3 Hưởng ứng phong trào quyên góp sách vào thư viện trường học, lớp 5A quyên góp được 96 quyển sách, lớp 5B quyên góp được số quyển sách bằng $\frac{7}{8}$ số quyển sách của lớp 5A. Hỏi cả lớp 5A và lớp 5B quyên góp được bao nhiêu quyển sách?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{5}{6} \times \frac{3}{7} + \frac{3}{7} \times \frac{7}{6}$ = ...

= .....

= .....

b) $\frac{8}{9} \times \frac{1}{12} + \frac{8}{9} \times \frac{5}{12}$ = ...

= .....

= .....

5 Đố em!



Em hãy cùng Mai tìm cách giúp Nam.

Cách làm

.....

.....

.....

Bài 6 CỘNG, TRỪ HAI PHÂN SỐ KHÁC MẪU SỐ

Tiết 1

1 Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{2}{3}$ và $\frac{11}{8}$

.....

.....

b) $\frac{3}{7}$ và $\frac{5}{9}$

.....

.....

2 Tính.

a) $\frac{1}{7} + \frac{1}{9}$

= .....

= .....

$\frac{3}{11} + \frac{7}{12}$

= .....

= .....

$\frac{13}{5} + \frac{7}{6}$

= .....

= .....

b) $\frac{1}{4} - \frac{1}{9}$

= .....

= .....

$\frac{2}{5} - \frac{1}{4}$

= .....

= .....

$\frac{11}{7} - \frac{5}{8}$

= .....

= .....

3 Có hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất chảy được $\frac{1}{2}$ bể, vòi thứ hai chảy được $\frac{2}{5}$ bể. Hỏi cả hai vòi chảy được bao nhiêu phần bể nước?

Bài giải

.....

.....

.....

THƯ VIỆN

4 Buổi sáng, Mai hoàn thành được $\frac{1}{3}$ số bài tập về nhà. Buổi chiều, Mai hoàn thành thêm được $\frac{1}{2}$ số bài tập về nhà. Hỏi Mai đã hoàn thành được bao nhiêu phần bài tập về nhà?

Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{6}{11} + \frac{1}{2}$ = ...

= .....

b) $\frac{3}{10} + \frac{5}{21}$ = ...

= .....

c) $\frac{11}{4} - \frac{7}{5}$ = ...

= .....

d) $\frac{20}{18} - \frac{2}{5}$ = ...

= .....

2 Viết dấu "+" hoặc dấu "–" vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) $\frac{1}{20} .... \frac{2}{3} = \frac{43}{60}$

b) $\frac{7}{11} .... \frac{5}{8} = \frac{1}{88}$

3 Tính.

a) $7 + \frac{1}{5}$ = ...

= .....

b) $\frac{14}{5} + 1$ = ...

= .....

c) $3 - \frac{11}{8}$ = ...

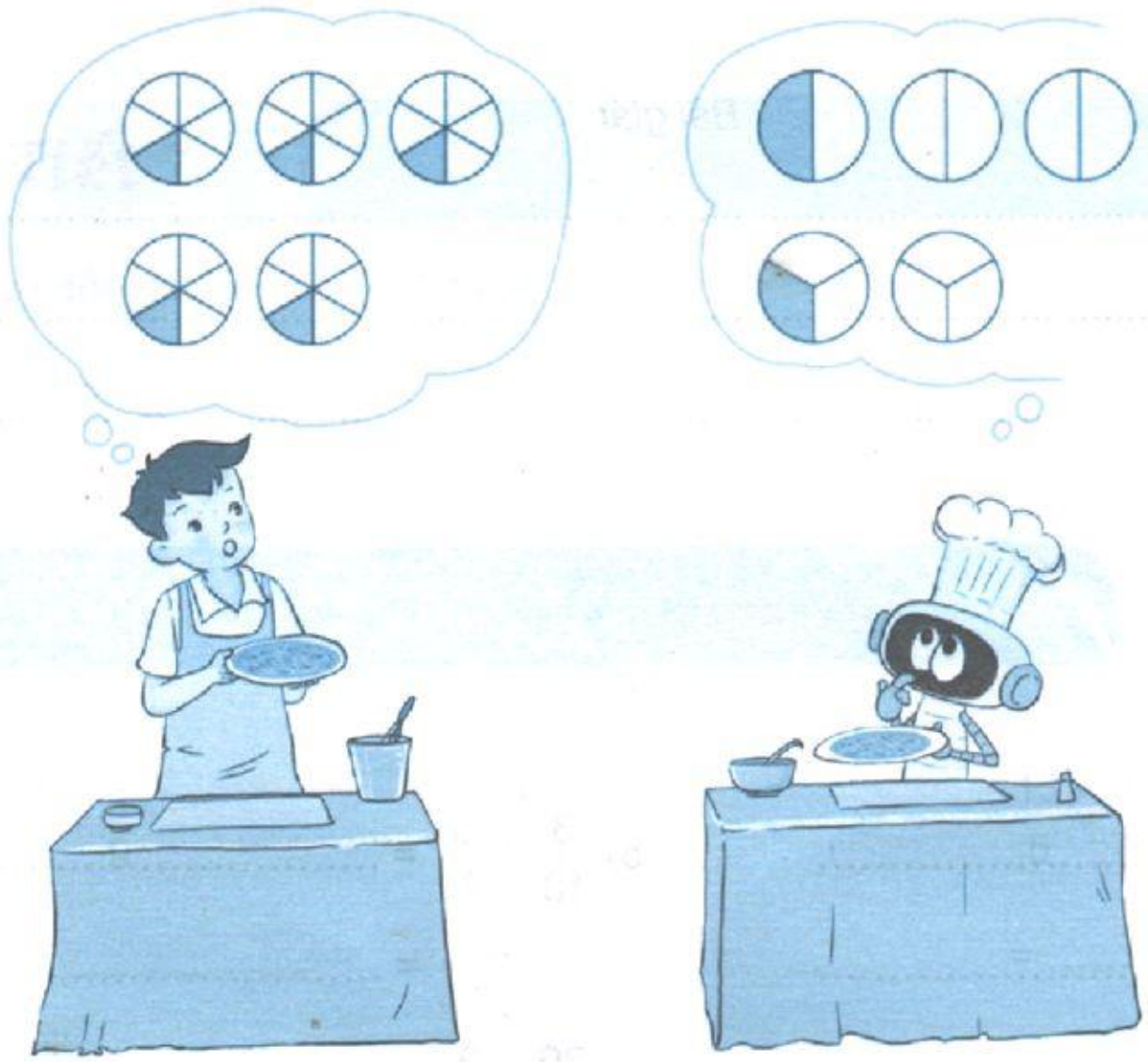
= .....

d) $\frac{31}{10} - 2$ = ...

= .....

4 Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

Để chia đều 5 chiếc bánh cho 6 người, hai bạn Nam và Rô-bốt đã đề xuất cách làm như hình dưới đây (phần bánh của mỗi người thể hiện bằng các phần tô màu).



a) Hãy mô tả cách chia bánh của mỗi bạn.

.....

.....

.....

b) Em hãy giải thích vì sao với cách chia bánh của Rô-bốt thì mỗi bạn được $\frac{5}{6}$ cái bánh.

.....

.....

.....

Bài 7 HỖN SỐ

Tiết 1

1 Viết hỗn số và cách đọc hỗn số (theo mẫu).

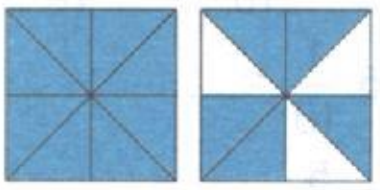
Mẫu:



$2\frac{4}{9}$: Hai và bốn phần chín

a) 

.....

b) 

.....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) $3\frac{1}{4}$ có phần nguyên là ....., phần phân số là .....

b) $5\frac{5}{6}$ có phần nguyên là ....., phần phân số là .....

c) $12\frac{7}{10}$ có phần nguyên là ....., phần phân số là .....

d) $100\frac{59}{100}$ có phần nguyên là ....., phần phân số là .....

3 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Hỗn số	$6\frac{2}{5}$		$7\frac{1}{4}$		$3\frac{5}{8}$
Phần nguyên	6	3		2	
Phần phân số	$\frac{2}{5}$	$\frac{1}{9}$		$\frac{9}{11}$	

4 Viết các hỗn số thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: $8\frac{1}{3} = 8 + \frac{1}{3}$.

a) $1\frac{5}{7}$ = ...

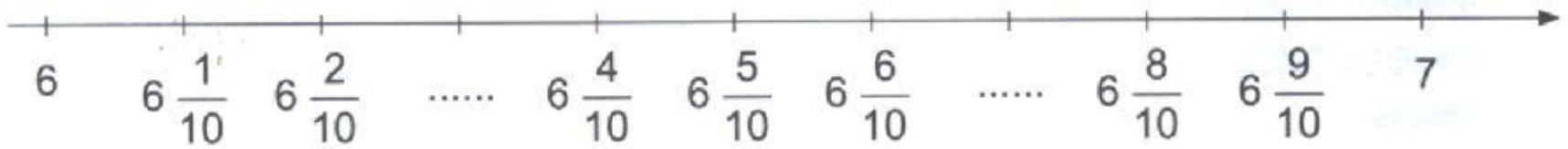
b) $4\frac{1}{2}$ = ...

c) $2\frac{13}{100}$ = ...

d) $5\frac{3}{10}$ = ...

Tiết 2

1 Viết hỗn số thích hợp vào chỗ chấm.



2 Viết hỗn số thành phân số thập phân (theo mẫu).

Mẫu: $2\frac{7}{10} = 2 + \frac{7}{10} = \frac{27}{10}$.

a) $5\frac{1}{10}$ = ...

b) $1\frac{9}{100}$ = ...

c) $3\frac{5}{10}$ = ...

d) $4\frac{9}{100}$ = ...

3 Viết (theo mẫu).

Mẫu: $\frac{31}{10} = \frac{30+1}{10} = \frac{30}{10} + \frac{1}{10} = 3 + \frac{1}{10} = 3\frac{1}{10}$.

a) $\frac{57}{10}$ = ...

b) $\frac{703}{100}$ = ...

c) $\frac{63}{10}$ = ...

d) $\frac{3\,005}{1\,000}$ = ...

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời sai.

Cô Dung có 23 phong kẹo, mỗi phong có 10 viên kẹo. Cô chia đều số kẹo đó cho 10 bạn. Vậy mỗi bạn nhận được:

A. 23 viên kẹo

B. $\frac{23}{10}$ phong kẹo

C. $2\frac{3}{10}$ viên kẹo

D. $2\frac{3}{10}$ phong kẹo

Bài 8 ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

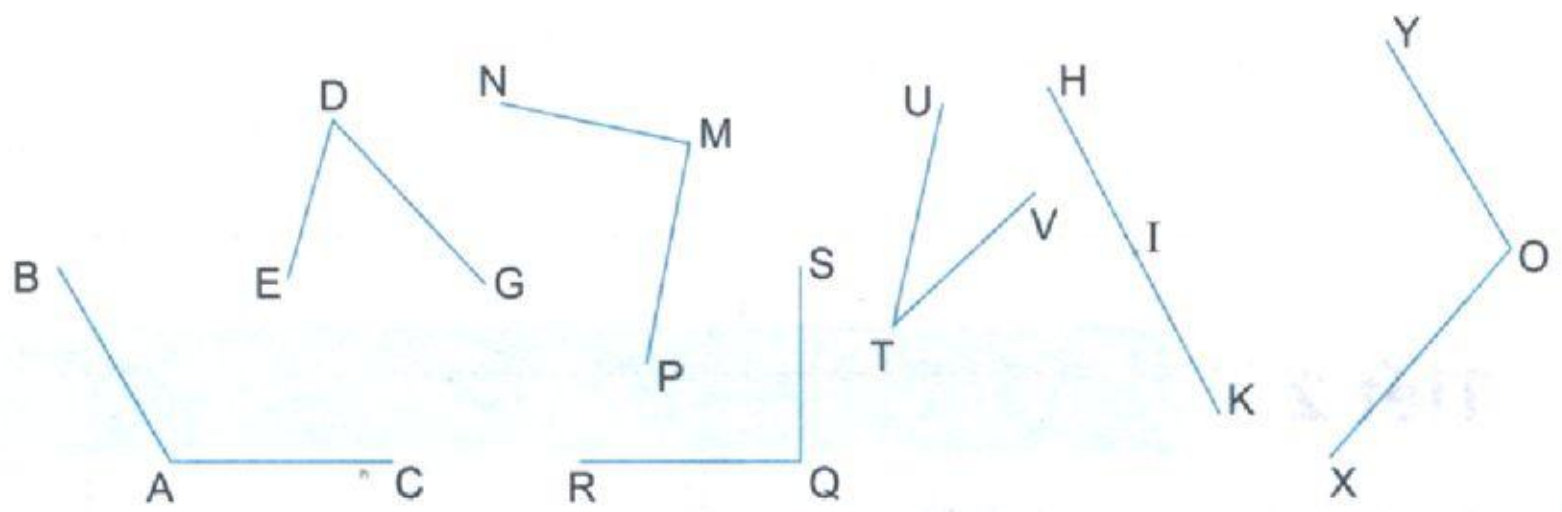
Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 6 yến = ... kg 2 tạ = ... kg 2 tấn = ... kg

b) 5 tấn = ... tạ 1 tấn = ... yến 9 tạ = ... yến

2 Cho các góc như hình vẽ dưới đây.



a) Đếm rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong các góc đã cho có: ..... góc vuông; ..... góc nhọn; ..... góc tù.

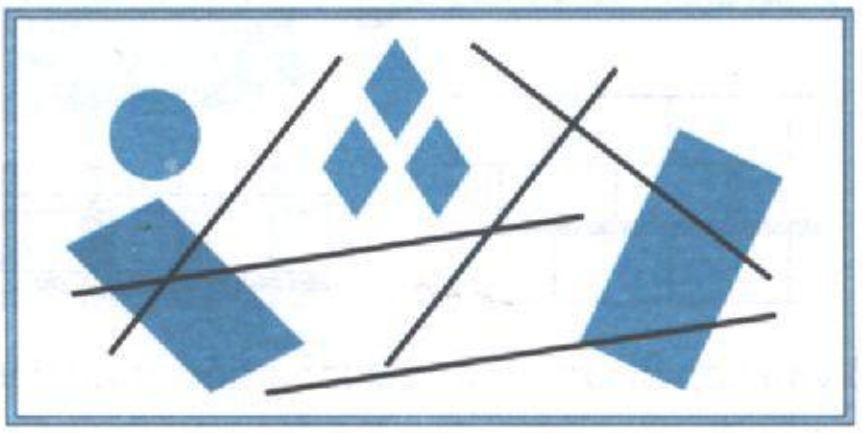
b) Viết tên các góc thích hợp vào chỗ chấm.

Góc có số đo bằng 60° là: .....

Góc có số đo bằng 90° là: .....

Góc có số đo bằng 120° là: .....

3 Rô-bốt đã vẽ một bức tranh như hình dưới đây.



a) Vẽ màu vàng vào cặp đường thẳng song song, màu xanh vào cặp đường thẳng vuông góc.

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các dạng hình phẳng được Rô-bốt vẽ trong bức tranh là:

.....

4 Bác Năm thu hoạch được 1 tấn 250 kg cam. Số cam đó được chia thành cam loại I và cam loại II. Biết rằng số cam loại I chiếm $\frac{3}{10}$ tổng số cam thu hoạch. Tính số ki-lô-gam mỗi loại.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 giờ = ... phút

7 thế kỉ = ... năm

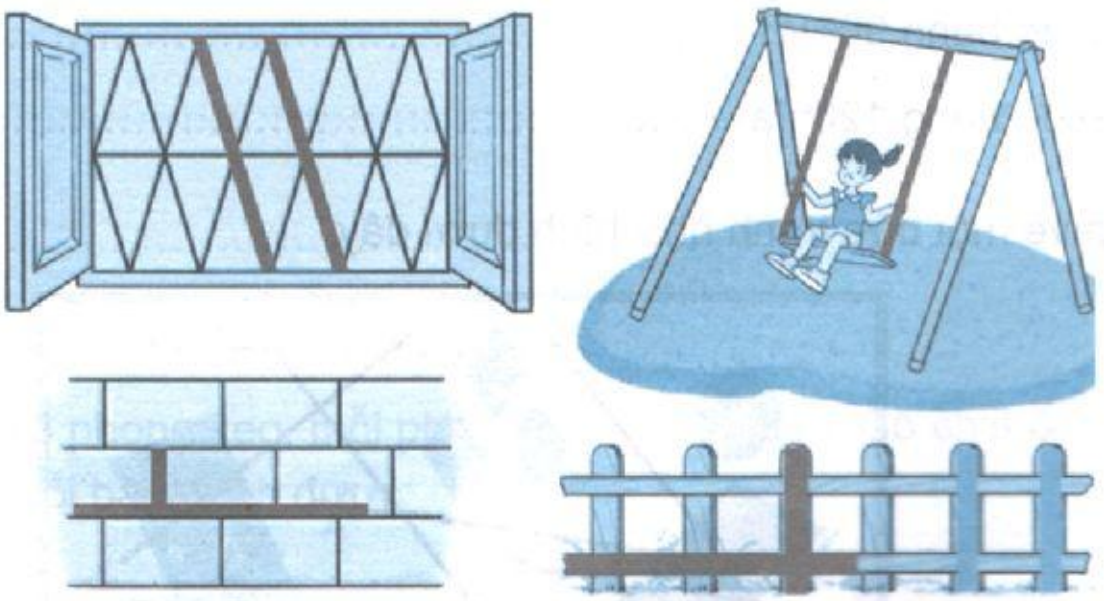
$\frac{1}{10}$ giờ = ... phút

b) 2 giờ 30 phút = ... phút

4 phút 5 giây = ... giây

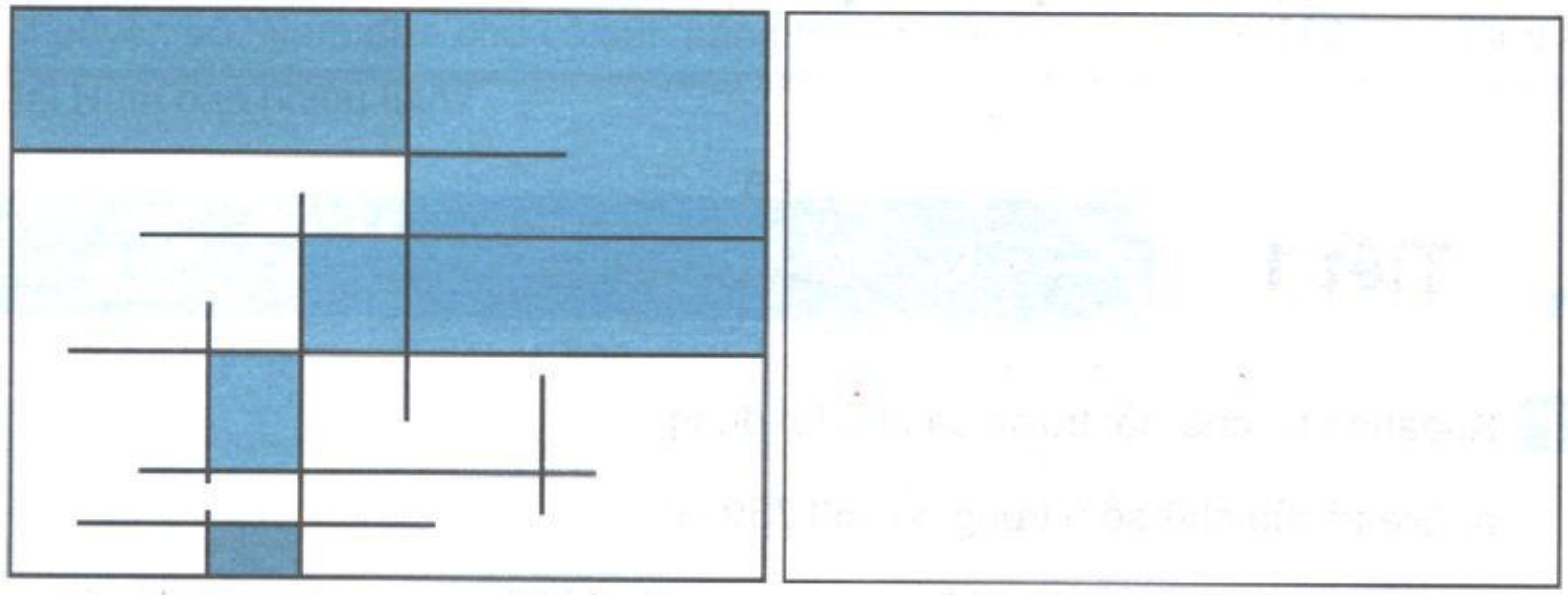
$\frac{7}{100}$ thế kỉ = ... năm

2 Cho các hình vẽ dưới đây.



Khoanh màu đỏ vào cặp đường thẳng vuông góc, màu vàng vào cặp đường thẳng song song trong các đường màu xám ở mỗi hình.

3 Rô-bốt vẽ một bức tranh bằng các đường thẳng như hình bên trái dưới đây. Em hãy vẽ một bức tranh tương tự vào hình bên phải.

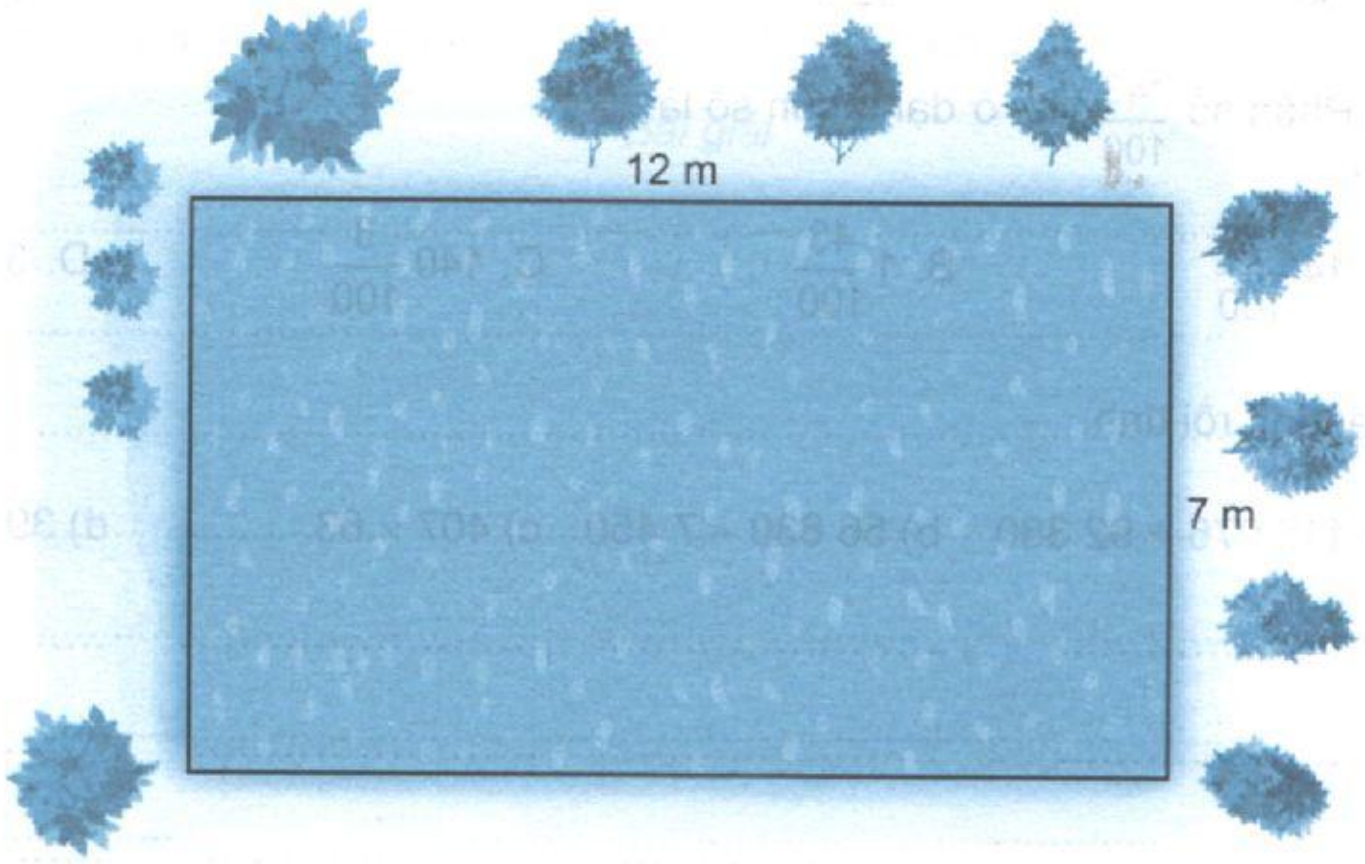


4 Dì Sáu có một mảnh đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 12 m, chiều rộng 7 m. Dì chia đều mảnh đất thành 7 ô đất để xây các phòng trọ.

a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mỗi phòng trọ được xây trên ô đất có diện tích là ..... m^2.

b) Hãy chia mảnh đất nhà dì Sáu thành 7 ô đất hình chữ nhật, mỗi ô có chiều dài 4 m, chiều rộng 3 m. Vẽ vào hình dưới đây để thể hiện cách chia.



Bài 9 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Giá trị của chữ số 6 trong số 960 730 là:

A. 60 B. 600 C. 6 000 D. 60 000

b) Số lớn nhất trong các số 109 989; 105 789; 110 200; 99 000 là:

A. 109 989 B. 105 789 C. 110 200 D. 99 000

c) Phân số bé nhất trong các phân số $\frac{23}{36}$; $\frac{11}{12}$; $\frac{7}{9}$; $\frac{2}{3}$ là:

A. $\frac{23}{36}$ B. $\frac{11}{12}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{2}{3}$

d) Phân số $\frac{143}{100}$ viết ở dạng hỗn số là:

A. $14\frac{3}{100}$ B. $1\frac{43}{100}$ C. $140\frac{3}{100}$ D. $3\frac{14}{100}$

2 Đặt tính rồi tính.

a) 415 076 + 92 380 b) 56 830 – 7 450 c) 407 × 63 d) 39 872 : 56

....

....

....

....

.....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một bút bi giá 4 500 đồng, một quyển vở giá 7 000 đồng. Nam mua 2 bút bi và 7 quyển vở. Nam đưa cho cô bán hàng tờ tiền 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Nam bao nhiêu tiền?

Bài giải

Số tiền Nam mua 2 bút bi là:

4 500 × ..... = ... (đồng)

Số tiền Nam mua 7 quyển vở là:

7 000 × ..... = ... (đồng)

Số tiền Nam mua bút bi và vở là:

..... + ... = ... (đồng)

Số tiền cô bán hàng trả lại Nam là:

..... – ..... = ... (đồng)

Đáp số: ..... đồng.

4 Sân trường của Trường Tiểu học Đoàn Kết dạng hình chữ nhật có chu vi 142 m, chiều dài hơn chiều rộng 13 m. Tính diện tích sân trường đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{5}{4} + \frac{4}{3}$ = ...

= .....

b) $\frac{10}{9} - \frac{3}{5}$ = ...

= .....

c) $\frac{9}{8} \times \frac{4}{7}$ = ...

= .....

d) $12 : \frac{6}{5}$ = ...

= .....

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) 35 700 : 50 + 68 × 46 = ...

= .....

b) $\frac{16}{9} \times (6 : \frac{32}{9}) - \frac{7}{5}$ = ...

= .....

3 Viết phân số thập phân hoặc hỗn số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 mm = ... cm

6 cm = ... m

52 cm = ... m

750 m = ... km

b) 5 g = ... kg

30 g = ... kg

274 g = ... kg

963 kg = ... tấn

c) 2 dm 7 cm = ... dm

4 m 35 cm = ... m

5 kg 680 g = ... kg

1 tấn 78 kg = ... tấn

4 Một đoàn xe ô tô chở học sinh đi tham quan gồm 6 xe, mỗi xe chở 35 học sinh và 9 xe, mỗi xe chở 40 học sinh. Hỏi trung bình mỗi xe ô tô đó chở bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 3 km 6 m = ... m là:

A. 36 B. 306

C. 3 006 D. 3 600

Tiết 3

1 Ước lượng kết quả phép tính rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Kết quả phép tính 12 020 – 6 915 khoảng ..... nghìn.

b) Kết quả phép tính 36 070 + 23 950 khoảng ..... chục nghìn.

c) Kết quả phép tính 598 600 – 101 500 khoảng ..... trăm nghìn.

d) Kết quả phép tính 4 180 300 + 3 990 700 khoảng ..... triệu.

2 Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm sinh năm 1491. Hỏi kể từ năm nay, còn bao nhiêu năm nữa sẽ kỉ niệm 600 năm năm sinh Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

3 Cô Ba mang 120 quả trứng gà ra chợ bán. Lần thứ nhất, cô Ba bán được $\frac{1}{8}$ số trứng đó. Lần thứ hai, cô Ba bán được $\frac{2}{7}$ số trứng còn lại sau lần bán thứ nhất. Hỏi cô Ba đã bán được tất cả bao nhiêu quả trứng gà?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $524 \times 63 + 524 \times 37 - 2\,400$ = ...

= .....

b) $\frac{7}{9} \times \frac{6}{5} + \frac{6}{5} \times \frac{2}{9} + \frac{4}{5}$ = ...

= .....

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

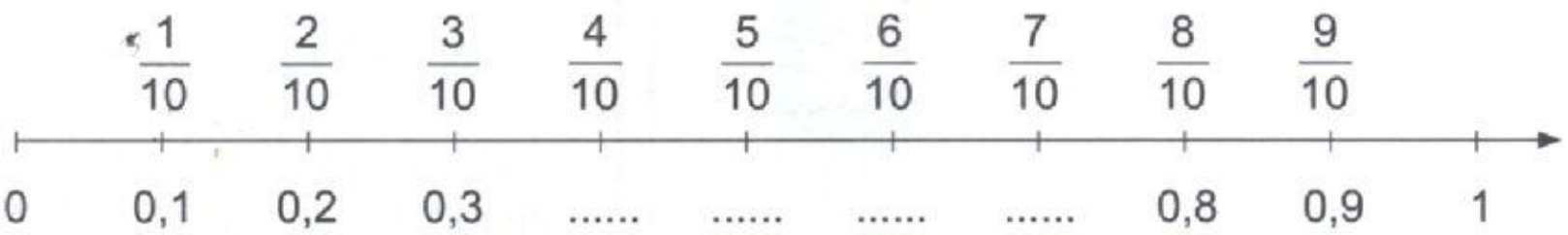
Biết tuổi trung bình của 6 cầu thủ bóng chuyền trên sân thi đấu là 22 tuổi. Trong đó, tuổi trung bình của 5 cầu thủ là 21 tuổi.

Vậy tuổi của cầu thủ còn lại là ..... tuổi.

Bài 10 KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm ứng với mỗi vạch của tia số.



b) Viết cách đọc số thập phân (theo mẫu).

Mẫu: 0,4 đọc là không phẩy bốn.

0,5 đọc là .....

0,04 đọc là .....

0,05 đọc là .....

0,008 đọc là .....

2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 m = ... km

1 mm = ... m

1 cm = ... dm

564 m = ... km

b) 3,2 m = ... mm

3,15 km = ... m

1 ml = ... *l*

1 g = ... kg

1 kg = ... tấn

4 025 g = ... kg

4,5 kg = ... g

1,06 kg = ... g

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a)



Độ dài cái bút máy là ..... cm.

b)



Xà đơn cao ..... m.

4 Nối số thập phân với cách đọc số thập phân đó.

3,125	Không phẩy không không hai
0,002	Bốn phẩy không năm
4,05	Ba phẩy một trăm hai mươi lăm

Tiết 2

1 a) Viết phần nguyên, phần thập phân của số thập phân.

Số thập phân	Phần nguyên	Phần thập phân
327,106		
49,251		
9,362		

b) Viết cách đọc số thập phân (theo mẫu).

Mẫu: 4,05 đọc là: Bốn phẩy không năm.

12,004 đọc là: Mười hai phẩy không không bốn.

8,03 đọc là: .....

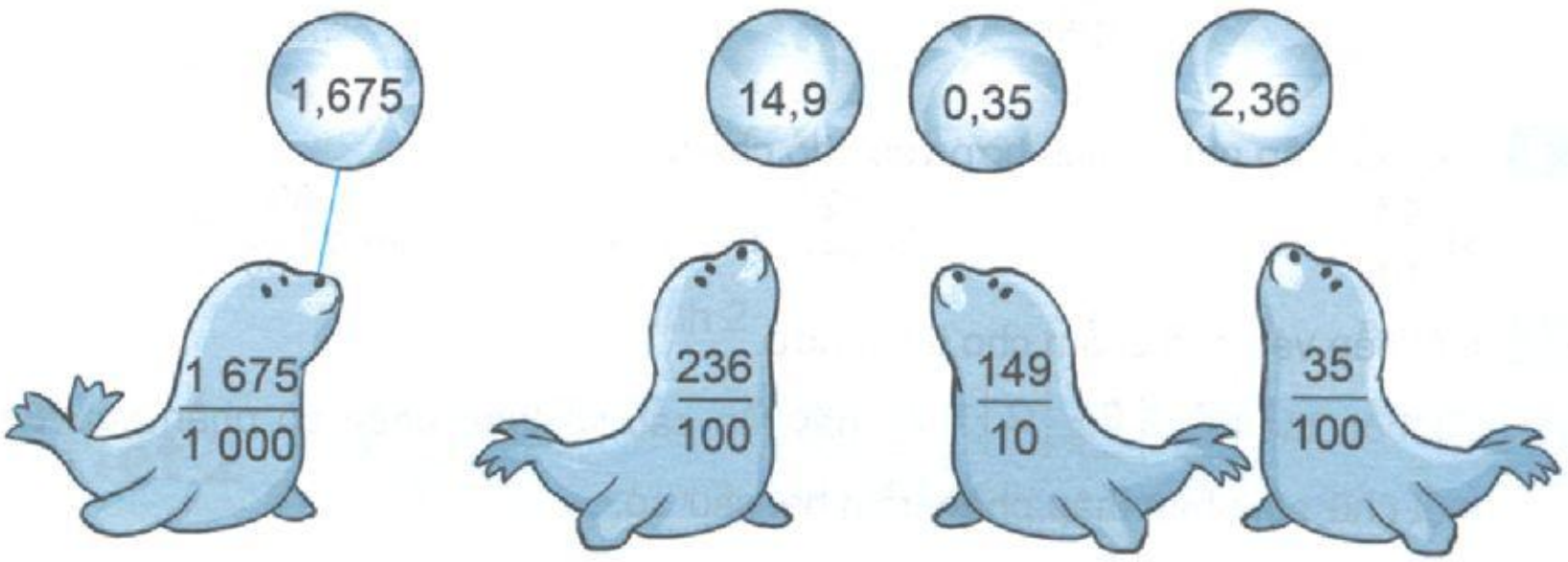
25,009 đọc là: .....

2 Viết số thập phân và cách đọc số thập phân đó (theo mẫu).

Số thập phân gồm	Viết số	Đọc số
3 chục, 5 đơn vị, 6 phần mười, 2 phần trăm, 4 phần nghìn	35,624	ba mươi lăm phẩy sáu trăm hai mươi tư
116 đơn vị, 7 phần mười, 1 phần trăm, 5 phần nghìn		
0 đơn vị, 7 phần mười, 3 phần trăm		
26 đơn vị và 408 phần nghìn		
12 đơn vị và 4 phần nghìn		

3 Nối số thập phân với phân số thập phân thích hợp (theo mẫu).

Mẫu: $\frac{1\,675}{1\,000} = 1\frac{675}{1\,000} = 1{,}675.$



Tiết 3

1 Nối số thập phân với cách đọc số thập phân đó.



Bốn trăm mười lăm phẩy hai



Bảy mươi mốt phẩy tám mươi tư



Không phẩy chín trăm ba mươi lăm



Ba phẩy một nghìn bốn trăm mười sáu









2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Phân số	Chuyển thành phân số thập phân
$\frac{7}{20}$	$\frac{\ldots\ldots}{100}$
$\frac{12}{25}$	$\frac{\ldots\ldots}{100}$
$\frac{4}{125}$	$\frac{32}{\ldots\ldots}$

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{48}{10}$ = ... b) $\frac{125}{100}$ = ... c) $\frac{39}{1\,000}$ = ...

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ bốn thẻ [7]; [0]; [2]; [,], hãy lập các số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số.

Các số thập phân lập được là:

.....

.....

Bài 11 SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 >; <; = ?

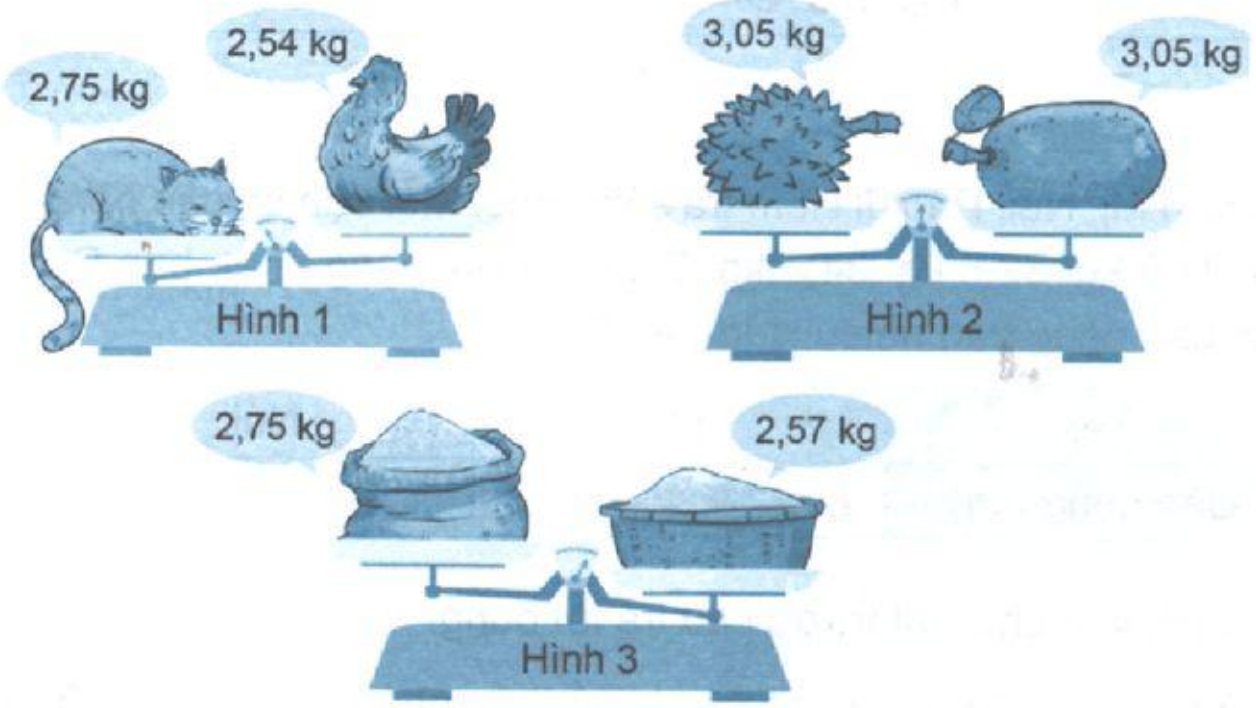
a) 37,29 ☐ 36,92 b) 135,74 ☐ 135,75 c) 89,215 ☐ 89,215

2 Viết các số 3,604; 2,875; 2,857; 3,106 theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho ba hình dưới đây.



Trong ba hình trên có một hình chứa chiếc cân bị sai. Hỏi chiếc cân đó ở hình nào?

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3

Tiết 2

1 Viết một chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 13,7 = 13,7... 8,6100 = 8,6... 21,4050 = 21,40...

b) 25,416 = 25,4...6 3,1415 = 3,1...1... 17,927 = 1...,9...7

2 a) Hoàn thành bảng sau bằng cách thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của mỗi số đã cho để phần thập phân của các số đó đều có ba chữ số.

Số đã cho	Số thập phân mới
8,9	
5,82	
0,17	
31,6	

b) Hoàn thành bảng sau bằng cách bỏ các chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của mỗi số đã cho để phần thập phân của các số đó viết dưới dạng gọn hơn (theo mẫu).

Số đã cho	Số thập phân mới
7,70	7,7
13,0500	
25,3000	
10,5070	

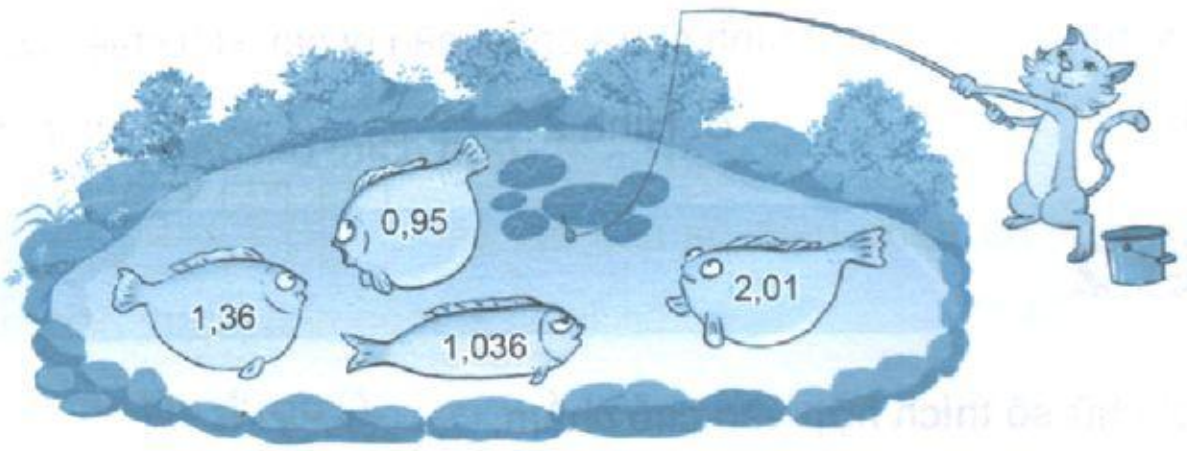
3 Số ?

Ba bạn Mị, Núi, Páo đi kiểm tra sức khoẻ. Mỗi bạn có cân nặng là một trong các số đo: 31,9 kg; 32,5 kg; 34,7 kg. Biết bạn Núi nặng nhất, bạn Páo nhẹ nhất. Hỏi mỗi bạn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Tên	Mị	Núi	Páo
Cân nặng (kg)			

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn 1,036 và bé hơn 2.



Con cá mà chú mèo câu được ghi số nào?

A. 1,036 B. 0,95 C. 1,36 D. 2,01

Bài 12 VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 2 m 5 dm = ... m

6 m 75 cm = ... m

3 m 8 cm = ... m

b) 4 km 500 m = ... km

7 km 80 m = ... km

456 m = ... km

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 kg 725 g = ... kg 8 kg 75 g = ... kg 560 g = ... kg

b) 1 tấn 5 tạ = ... tấn 2 tấn 325 kg = ... tấn 1 450 kg = ... tấn

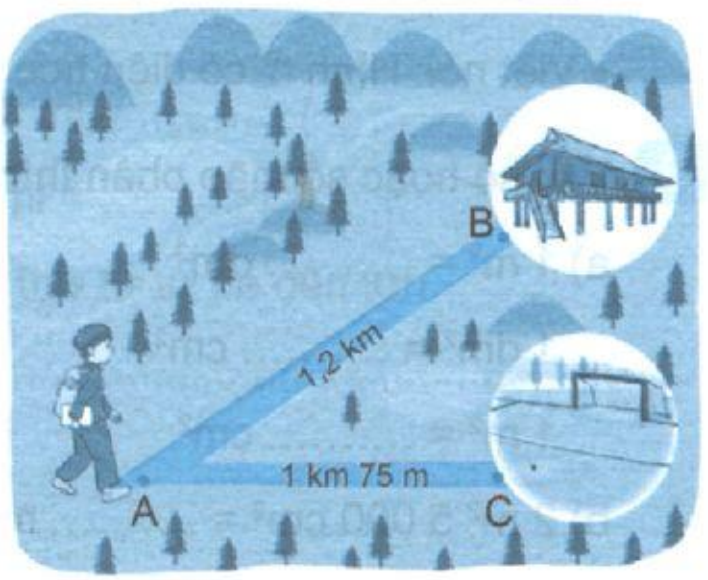
3 a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

1 km 75 m = ... km

b) Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Đoạn đường nào dài hơn?

- Đoạn đường AB. ☐
- Đoạn đường AC. ☐



4 Khoanh vào chữ đặt dưới loại quả cân nặng nhất.



2,1 kg

A



2 kg 15 g

B



2,09 kg

C



2 kg 102 g

D

Tiết 2

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8 m^2 75 dm^2 = ... m^2

3 m^2 6 dm^2 = ... m^2

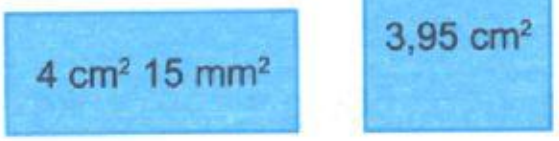
120 dm^2 = ... m^2

b) 4 dm^2 25 cm^2 = ... dm^2

2 dm^2 5 cm^2 = ... dm^2

85 cm^2 = ... dm^2

2 Đúng ghi Đ, sai ghi S.



Hình $\mathcal{A}$ Hình $\mathcal{B}$

- Mai nói: Hình $\mathcal{A}$ có diện tích lớn hơn. ☐
- Việt nói: Hình $\mathcal{B}$ có diện tích lớn hơn. ☐

3 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 m^2 = ... dm^2

1 dm^2 = ... cm^2

1 m^2 = ... cm^2

b) 2 m^2 5 000 cm^2 = ... m^2

1 m^2 425 cm^2 = ... m^2

Tiết 3

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8 m 7 dm = ... m

4 m 8 cm = ... m

5 cm 6 mm = ... cm

b) 215 cm = ... m

76 mm = ... cm

9 mm = ... cm

2 Cho các con vật có cân nặng như hình vẽ.



6 kg 75 g



6 100 g



6,095 kg

a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

6 kg 75 g = ... kg

6 100 g = ... kg

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Con vật nào nặng nhất?

A. Thỏ

B. Ngỗng

C. Mèo

3 a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

6 *l* 260 ml = ... *l*

3 452 ml = ... *l*

5 *l* 75 ml = ... *l*

750 ml = ... *l*

b) Viết các số thập phân tìm được ở câu a theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có ba bức tranh tường:

- Bức tranh về bảo vệ môi trường có diện tích là 5,3 m^2;
- Bức tranh về an toàn giao thông có diện tích là 5 m^2 8 dm^2;
- Bức tranh về phòng chống dịch Covid có diện tích là 5 m^2 9 dm^2.

Bức tranh nào có diện tích bé nhất?

A. Bức tranh về bảo vệ môi trường

B. Bức tranh về an toàn giao thông

C. Bức tranh về phòng chống dịch Covid

Bài 13 LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Số ?

Số đã cho	42,305	513,59	0,806
Làm tròn số đã cho đến số tự nhiên gần nhất			

2 Chiều cao, cân nặng chuẩn của trẻ 10 tuổi theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) như sau:

	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Trẻ trai	137,8	31,2
Trẻ gái	138,6	31,9

Hoàn thành bảng sau bằng cách làm tròn các số đo trong bảng trên đến số tự nhiên gần nhất.

	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Trẻ trai		
Trẻ gái		

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một hình chữ nhật có chiều dài 2,05 m và chiều rộng 0,95 m. Làm tròn các số đo đến số tự nhiên gần nhất rồi tính chu vi hình chữ nhật đó. Chu vi hình chữ nhật khoảng ..... m.

Tiết 2

1 Số ?

Số đã cho	Làm tròn số đã cho đến hàng phần mười	Làm tròn số đã cho đến hàng phần trăm
9,345		
21,663		
0,4571		

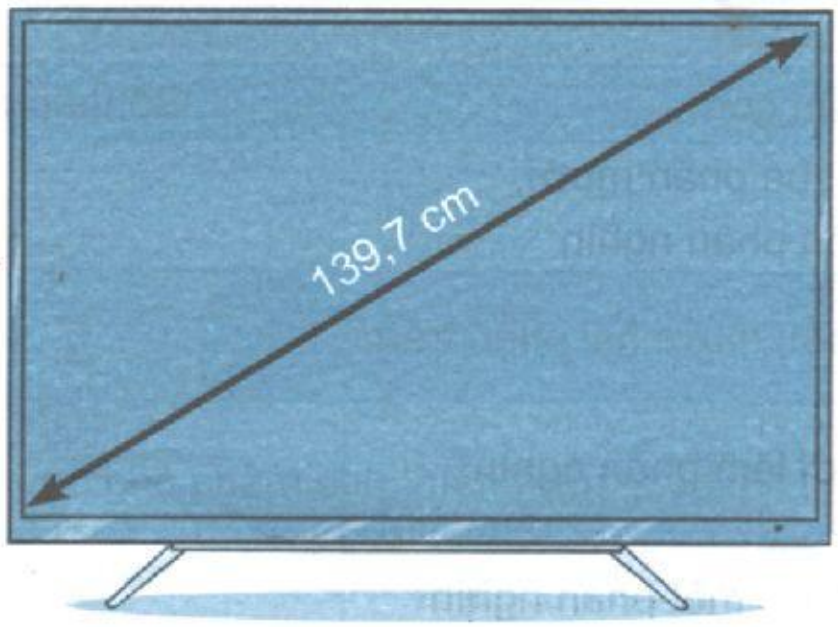
2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một thanh sắt nặng 10,08 kg.

– Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất, thanh sắt nặng khoảng ..... kg.

– Làm tròn đến hàng phần mười, thanh sắt nặng khoảng ..... kg.

3 Inch là một đơn vị đo độ dài: 1 inch = 2,54 cm.





Đúng ghi Đ, sai ghi S.

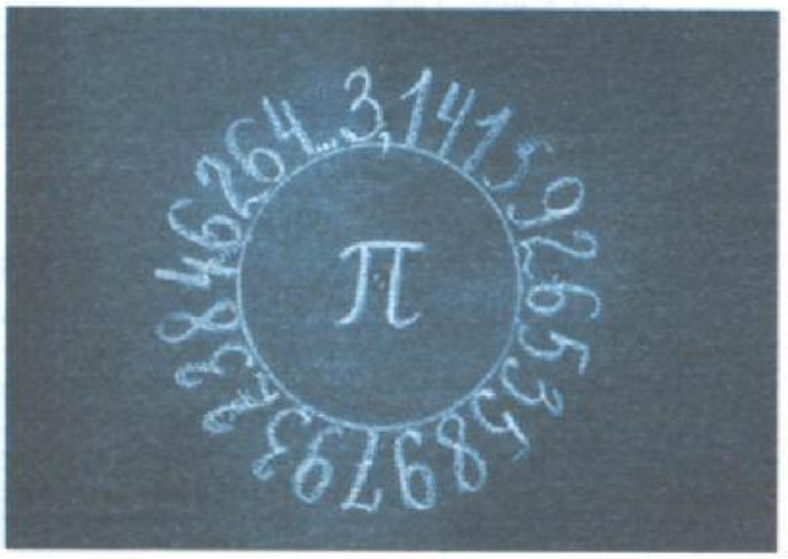
Làm tròn 139,7 đến số tự nhiên gần nhất.

a) Việt nói: Đường chéo màn hình ti vi dài khoảng 139 cm. ☐

b) Nam nói: Đường chéo màn hình ti vi dài khoảng 140 cm. ☐

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Số Pi là một số đặc biệt trong lịch sử toán học. Nó được biểu diễn bằng chữ cái Hy Lạp π từ giữa thế kỉ XVIII, đó là một số thập phân mà phần thập phân có rất nhiều chữ số: **3,141592...**



a) Làm tròn số Pi đến hàng phần mười ta được số: .....

b) Làm tròn số Pi đến hàng phần trăm ta được số: .....

Bài 14 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau.

Số thập phân gồm	Số thập phân
Ba chục, bảy đơn vị, ba phần mười, sáu phần trăm, bốn phần nghìn	
Năm trăm linh tám đơn vị, bốn mươi hai phần trăm	
Không đơn vị, hai mươi lăm phần nghìn	
Một nghìn đơn vị, bảy mươi mốt phần nghìn	

2 a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

3 m 45 cm = ... m 4 cm^2 6 mm^2 = ... cm^2

5 kg 256 g = ... kg 518 ml = ... *l*

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

2,35 m = ... m .... cm = ... cm 4,75 kg = ... kg .... g = ... g

3 Cân nặng một số loại chất lỏng có dung tích 1 *l* như bảng sau:

Tên chất lỏng	1 *l* cân nặng ? kg
Nước biển	1,026
Rượu	0,79
Mật ong	1,36
Dầu ăn	0,9
Thuỷ ngân	13,56
Hi-đrô lỏng	0,07085

Quan sát số thập phân trong bảng rồi làm tròn:

a) Đến số tự nhiên gần nhất các số thập phân ứng với dầu ăn và thuỷ ngân được các số:

.....

b) Đến hàng phần mười các số thập phân ứng với rượu và mật ong được các số:

.....

c) Đến hàng phần trăm các số thập phân ứng với nước biển và hi-đrô lỏng được các số:

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ năm thẻ [5]; [1]; [7]; [0]; [,], lập được các số thập phân bé hơn 1 là:

.....

.....

Tiết 2

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho các số thập phân 3,527; 3,571; 2,752; 3,275.

a) Viết các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

.....

b) Viết các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé là:

.....

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mỗi ô tô chở lượng hàng hoá như hình vẽ. Hỏi ô tô nào chở nhẹ nhất?

A. 

B. 

C. 

3 [>; <; =] ?

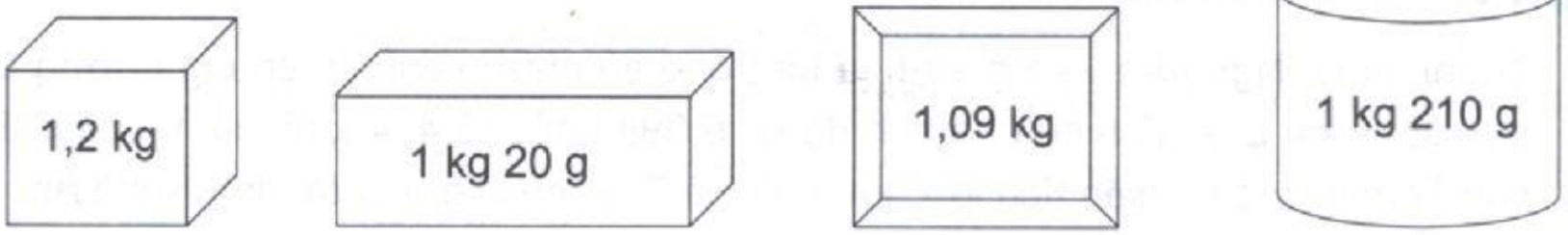
a) 46,52 ☐ 46,258

b) 899,90 ☐ 900,09

c) 215,99 ☐ 216,01

d) 37,2 ☐ 37,200

4 Tô màu vào khối gỗ nặng nhất.



Bài 15 KI-LÔ-MÉT VUÔNG. HÉC-TA

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau.

Đọc	Viết
Tám trăm hai mươi hai ki-lô-mét vuông	
Không phẩy bốn mươi tư ki-lô-mét vuông	
	728,6 km^2
Mười sáu nghìn bốn trăm chín mươi ki-lô-mét vuông	

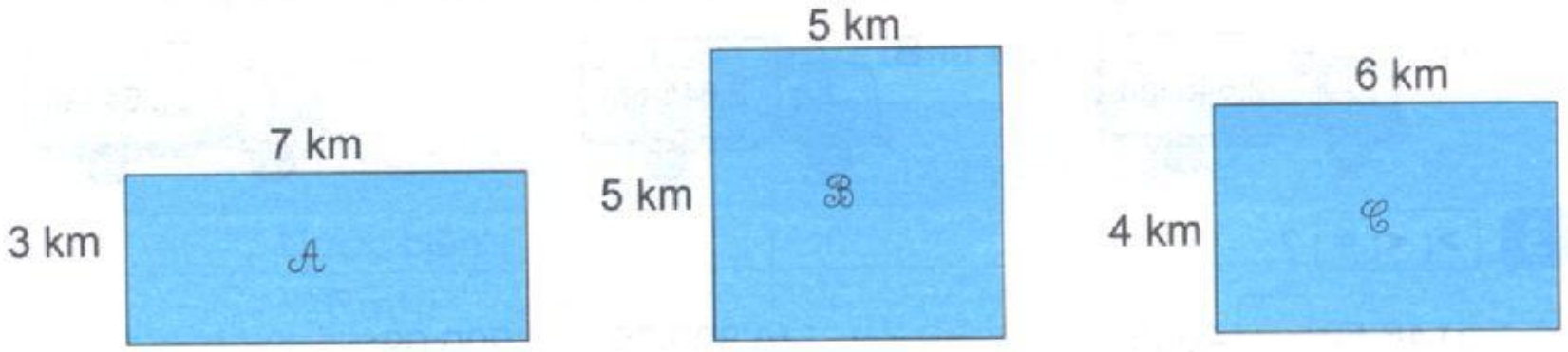
2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 2 km^2 = ... m^2 4 km^2 500 m^2 = ... m^2

b) 5 000 000 m^2 = ... km^2 6 450 000 m^2 = ... km^2

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một nhà máy điện mặt trời muốn lắp đặt các tấm pin mặt trời trên sa mạc. Các kĩ sư dự kiến lắp đặt pin mặt trời trên một trong ba mảnh đất dưới đây. Biết mảnh đất được chọn có diện tích lớn nhất.



Hỏi họ chọn mảnh đất nào?

A. Mảnh đất $\mathcal{A}$ B. Mảnh đất $\mathcal{B}$ C. Mảnh đất $\mathcal{C}$

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh là ba trong số những tỉnh có chung đường biên giới với Lào. Diện tích của ba tỉnh đó là: 5 998 km^2, 16 494 km^2, 11 116 km^2. Biết tỉnh Thanh Hoá có diện tích lớn hơn tỉnh Hà Tĩnh nhưng bé hơn tỉnh Nghệ An.

Vậy: – Diện tích của tỉnh Thanh Hoá là ..... km^2.

– Diện tích của tỉnh Nghệ An là ..... km^2.

– Diện tích của tỉnh Hà Tĩnh là ..... km^2.

Tiết 2

1 Nối số đo phù hợp với diện tích của mỗi địa danh dưới đây.

Vườn quốc gia Bạch Mã	Điện Thái Hoà	Tỉnh Thừa Thiên Huế
5 054 km^2	22 031 ha	1 360 m^2

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 km^2 = ... ha

b) 40 000 ha = ... km^2

c) 64 800 ha = ... km^2

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng có diện tích là 123 326 ha.

Số đo diện tích vườn quốc gia đó theo đơn vị ki-lô-mét vuông là:

A. 12,3326 km^2 B. 123,326 km^2 C. 1233,26 km^2 D. 12332,6 km^2

4 Người ta xây dựng một nhà máy xử lí rác thải trên một khu đất hình vuông cạnh 200 m. Hỏi khu đất đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Ở quê của Nam có một hồ nước. Diện tích mặt nước của hồ đó vào mùa mưa là 225 ha. Đến mùa khô, người ta đo được diện tích mặt nước của hồ giảm đi 3 lần so với mùa mưa. Hỏi vào mùa khô, diện tích mặt nước của hồ đó là bao nhiêu mét vuông?

A. 2 500 000 m^2 B. 75 000 000 m^2 C. 7 500 000 m^2 D. 750 000 m^2

Bài 16 CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mai và Mi vừa làm một ngôi nhà bằng bìa cứng. Mặt sàn của ngôi nhà có dạng hình vuông với diện tích là 4 m^2. Diện tích mặt sàn của ngôi nhà đó tính theo đơn vị đề-xi-mét vuông là:

A. $\frac{4}{100}$ dm^2 B. $\frac{1}{400}$ dm^2 C. 40 dm^2 D. 400 dm^2

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 km^2 = ... ha b) 600 ha = ... km^2 c) 2 m^2 5 dm^2 = ... dm^2

12 m^2 = ... dm^2 2 500 dm^2 = ... m^2 40 cm^2 4 mm^2 = ... mm^2

6 dm^2 = ... cm^2 900 cm^2 = ... dm^2 615 dm^2 = ... m^2 ..... dm^2

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Biết mặt bàn học của Việt có dạng hình chữ nhật. Diện tích mặt bàn đó khoảng:

A. 50 cm^2 B. 50 dm^2 C. 50 m^2 D. 50 ha

4 Một nhà máy bánh kẹo được xây dựng trên mảnh đất có diện tích là 3 ha. Trong đó có $\frac{1}{4}$ diện tích dùng để xây nhà kho. Hỏi người ta dùng bao nhiêu mét vuông đất để xây nhà kho?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Nối số đo phù hợp với diện tích của mỗi đồ vật, địa danh dưới đây.

Diện tích mặt sàn căn hộ	Diện tích chiếc khăn mặt	Diện tích tỉnh Lạng Sơn
225 cm^2	8 310 km^2	94 m^2

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 30 dm^2 = ... m^2

271 mm^2 = ... dm^2

54 m^2 = ... ha

b) 3 m^2 7 dm^2 = ... m^2

8 cm^2 10 mm^2 = ... cm^2

12 km^2 50 ha = ... km^2

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Ô cửa sổ thông gió ở bếp nhà Mai có dạng hình chữ nhật với chiều dài 1 m và chiều rộng $\frac{3}{5}$ m. Diện tích của ô cửa sổ đó là:

A. $\frac{3}{5}$ m B. $\frac{3}{5}$ dm^2 C. 600 dm^2 D. 60 dm^2

4 Bác Tư có 1 ha đất. Bác đã dùng $\frac{9}{10}$ mảnh đất để trồng cây, làm đường và phần còn lại để xây nhà. Hỏi:

a) Bác Tư dùng bao nhiêu mét vuông đất để xây nhà?

b) Bác Tư dùng bao nhiêu mét vuông đất để trồng cây, làm đường?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 17 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG

Tiết 1

1 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Thực hành đo và tính diện tích mặt sàn phòng học của lớp em.

Diện tích mặt sàn phòng học của lớp em là ..... cm^2.

b) Tính số tiền mua gạch để lát mặt sàn phòng học của lớp em. Mẫu gạch được chọn có dạng hình vuông cạnh 50 cm được đóng theo hộp 4 viên, mỗi hộp có giá 140 000 đồng.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trường em có tất cả ..... phòng học.

b) Giả sử các phòng học khác trong trường có diện tích mặt sàn bằng diện tích mặt sàn phòng học của lớp em. Tính số tiền để mua gạch lát lại mặt sàn của tất cả các phòng học trong trường em.

Bài giải

.....

.....

.....

3 a) Thực hành đo một ô cửa sổ của phòng học lớp em rồi hoàn thành bảng dưới đây.

Kích thước	Số đo (đơn vị: cm)
Chiều dài	
Chiều rộng	

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Diện tích của ô cửa sổ đó là .....

Tiết 2

1 Các bạn lớp 5A lên kế hoạch làm giá sách của lớp. Các bạn dự định đặt mua các tấm gỗ với kích thước và số lượng như trong bảng dưới đây.

Tấm gỗ	Số lượng
200 cm 25 cm	4
25 cm 40 cm	10

Loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m^2. Tính số tiền mua gỗ để làm giá sách đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 a) Hãy thiết kế giá sách của lớp em. Em hãy vẽ hình các tấm gỗ và chú thích số lượng với mỗi tấm gỗ trong phần trống dưới đây.

b) Tính số tiền mua gỗ để làm giá sách đó, nếu loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m^2.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 18 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích trường học của Mai khoảng:

A. 1,5 ha

B. 1,5 m^2

C. 1,5 dm^2

D. 1,5 cm^2

2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 25 000 m^2 = ... ha

412 000 m^2 = ... ha

8 000 m^2 = ... ha

b) 11 km^2 = ... ha

7 km^2 = ... ha

480 km^2 = ... ha

3 Người ta muốn xây dựng khu vui chơi cho trẻ em kết hợp với khu cắm trại trên mảnh đất có diện tích 2 ha. Biết khu vui chơi cho trẻ em chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích mảnh đất. Hỏi diện tích của khu cắm trại là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....

.....

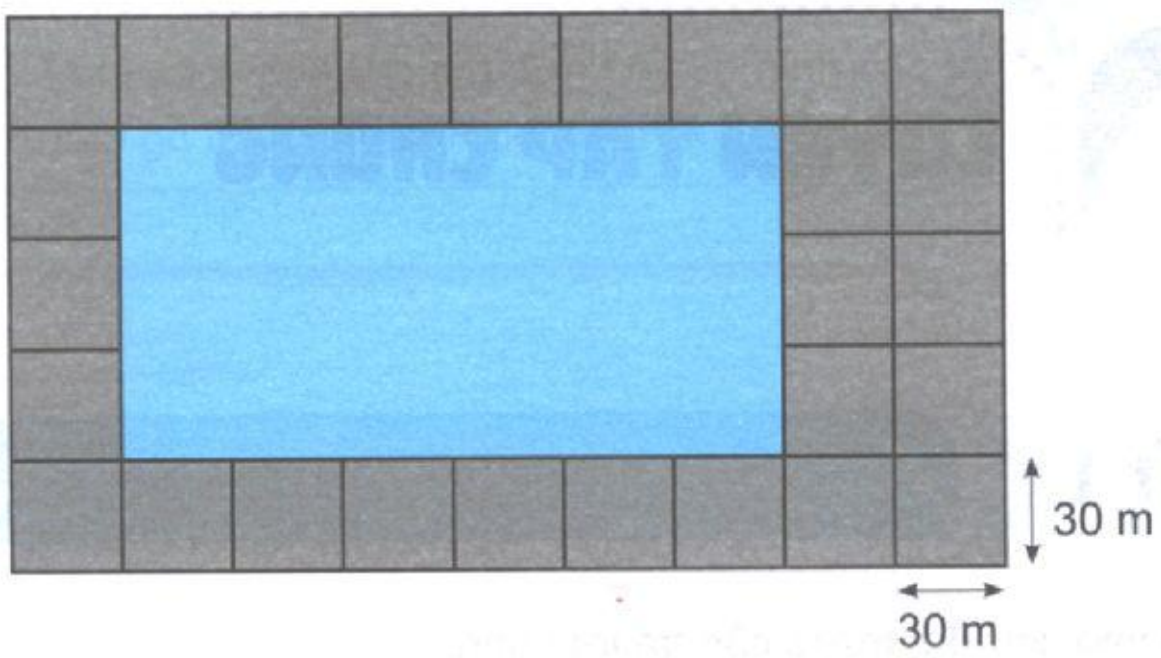
.....

.....

.....

.....

4 Một mảnh đất dạng hình chữ nhật được chia thành các phần như hình vẽ dưới đây. Biết phần đất có dạng hình chữ nhật màu xanh được dùng để xây nhà máy. Hỏi người ta dùng bao nhiêu héc-ta để xây nhà máy?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

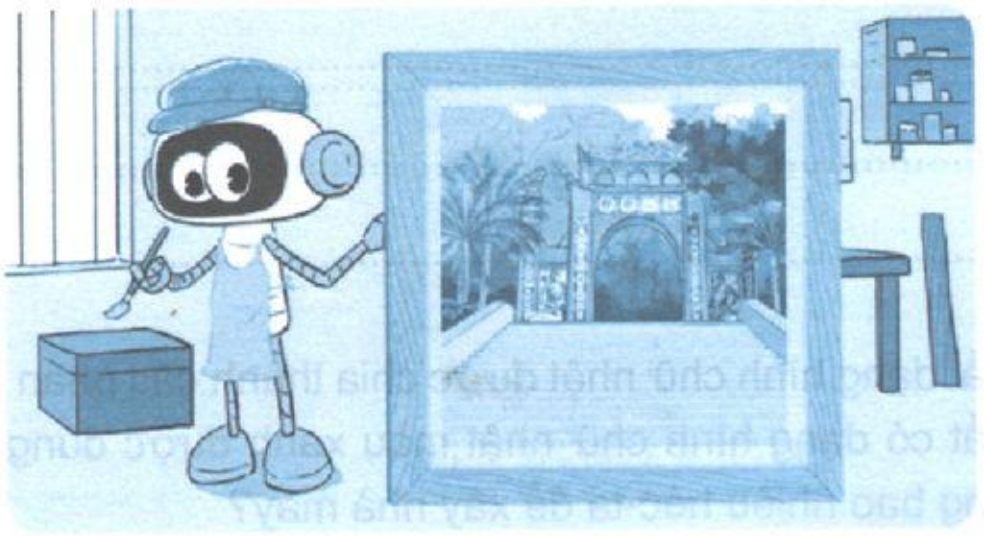
5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một trường tiểu học có diện tích sân chơi là 450 m^2. Biết diện tích sân chơi chiếm $\frac{2}{5}$ tổng diện tích đất của trường. Hỏi tổng diện tích đất của trường tiểu học đó là bao nhiêu héc-ta?

A. 0,01125 ha B. 0,1125 ha C. 1,125 ha D. 11,25 ha

Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Số đo phù hợp với diện tích của bức tranh Rô-bốt vừa vẽ trong hình trên là:

A. 1 km^2 B. 1 ha C. 1 m^2

2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 2 km^2 = ... m^2

b) 8 ha = ... m^2

c) 450 dm^2 = ... m^2

3 >; <; = ?

a) 4 m^2 2 dm^2 ☐ 42 dm^2

b) 2 800 ha ☐ 28 km^2

4 Bác Ba muốn dùng gỗ để lát sàn phòng khách hình chữ nhật chiều dài 6 m, chiều rộng 5 m. Biết loại gỗ mà bác chọn có giá 300 000 đồng cho 1 m^2. Tính số tiền mà bác Ba cần trả cho số gỗ lát sàn căn phòng đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Người ta cắt một tấm kính hình chữ nhật thành 5 tấm kính giống nhau để đóng khung ảnh. Mỗi tấm có chiều dài 6 dm và chiều rộng 4 dm. Hỏi tấm kính ban đầu có diện tích là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 19 PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 6,8 + 9,7 b) 5,34 + 7,49 c) 8,16 + 5,9 d) 18,6 + 8,72

....

....

....

2 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) $\begin{array}{r} 5,4 \\ +\ 3,9 \\ \hline 8,13 \end{array}$ ☐ b) $\begin{array}{r} 2,45 \\ +\ 4,37 \\ \hline 6,82 \end{array}$ ☐ c) $\begin{array}{r} 6,53 \\ +\ 12,8 \\ \hline 78,1 \end{array}$ ☐

3 Mai cùng mẹ đi siêu thị mua quả dưa hấu cân nặng 4,65 kg và quả mít cân nặng 5,8 kg. Hỏi cả quả dưa hấu và quả mít cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Biết con cá cân nặng 1,8 kg và con gà nặng hơn con cá 0,9 kg.

Như vậy, cả con cá và con gà cân nặng ..... kg.

Tiết 2

1 a) [>; <; =] ?

37,5 + 4,6 ☐ 4,6 + 37,5

(5 + 2,7) + 7,3 ☐ 5 + (2,7 + 7,3)

b) Tính bằng cách thuận tiện.

6 + 8,46 + 1,54

= .....

= .....

= .....

4,8 + 0,73 + 3,2

= .....

= .....

= .....

2 Đặt tính rồi tính.

a) 7,635 + 6,249

.....

.....

.....

b) 23,58 + 5,271

.....

.....

.....

c) 4,61 + 8

.....

.....

.....

d) 56 + 3,7

.....

.....

.....

3 Ngày thứ Sáu, chú Sơn thu được 73,5 *l* sữa dê. Ngày thứ Bảy, chú thu được hơn ngày thứ Sáu 4,75 *l* sữa dê. Hỏi cả hai ngày, chú Sơn thu được bao nhiêu lít sữa dê?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Sân trường của Trường Tiểu học Nguyễn Siêu dạng hình chữ nhật có chiều rộng 17,5 m, chiều dài hơn chiều rộng 15 m. Hỏi chu vi của sân trường đó là bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính bằng cách thuận tiện.

1,1 + 1,2 + 1,3 + 1,4 + 1,5 + 1,6 + 1,7 + 1,8 + 1,9

= .....

= .....

= .....

Bài 20 PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 5,8 – 3,9 b) 2,53 – 1,62 c) 17,96 – 8,5 d) 4,21 – 1,08

....

....

....

2 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) $\begin{array}{r} 6,15 \\ -\ 2,7 \\ \hline 4,8 \end{array}$ ☐

b) $\begin{array}{r} 4,38 \\ -\ 1,56 \\ \hline 2,82 \end{array}$ ☐

c) $\begin{array}{r} 85,9 \\ -\ 5,06 \\ \hline 35,3 \end{array}$ ☐

3 Mai làm được 2,15 *l* nước mơ, Mi làm được 1,7 *l* nước dâu. Hỏi nước mơ Mai làm nhiều hơn nước dâu Mi làm bao nhiêu lít?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Một thanh gỗ dài 30 mm bị cắt thành hai phần. Biết một phần dài 19,7 mm. Hỏi phần còn lại dài bao nhiêu mi-li-mét?

Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 25,9 – 13,84 b) 7,6 – 1,51 c) 21,4 – 6 d) 9 – 3,5

....

....

....

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8,9 + ... = 28,501

b) ..... + 8,16 = 17,5

c) ..... – 6,17 = 11,83

3 Một chiếc cọc được sơn hai màu (như hình vẽ). Biết đoạn trên dài hơn đoạn dưới là 1,8 dm. Tìm độ dài chiếc cọc đó.



Bài giải

.....

.....

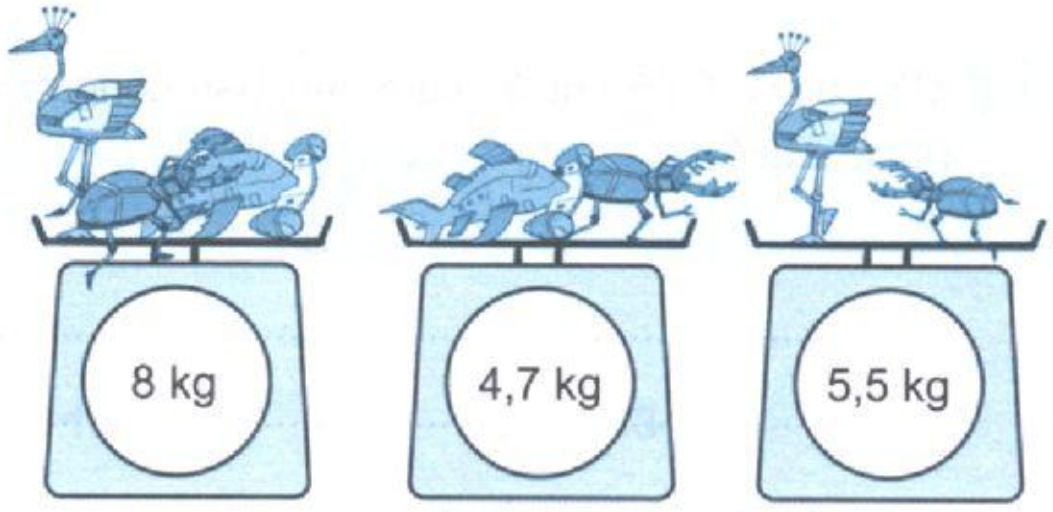
.....

4 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt A

Rô-bốt B

Rô-bốt C



a) Rô-bốt A cân nặng ..... kg.

b) Rô-bốt B cân nặng ..... kg.

c) Rô-bốt C cân nặng ..... kg.

Bài 21 PHÉP NHÂN SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 7,8 × 6

.....

.....

.....

b) 0,72 × 50

.....

.....

.....

c) 5,4 × 39

.....

.....

.....

.....

.....

d) 3,16 × 41

.....

.....

.....

.....

.....

2 Khoanh vào lỗi sai trong các phép tính sau rồi sửa lại cho đúng.

a)
$$\begin{array}{r} 6,9 \\ \times\ 52 \\ \hline 138 \\ 345 \\ \hline 3588 \end{array}$$

.....

.....

.....

.....

.....

b)
$$\begin{array}{r} 0,81 \\ \times\ 45 \\ \hline 405 \\ 324 \\ \hline 7,29 \end{array}$$

.....

.....

.....

.....

.....

3 Mỗi cốc có 0,25 *l* nước cam, mỗi bạn uống một cốc. Hỏi 3 bạn uống bao nhiêu lít nước cam?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Quãng đường từ nhà Nam đến trường dài 1,7 km. Quãng đường Nam đi học ở trường rồi trở về nhà dài tất cả là:

A. 34 km B. 3,4 km C. 0,34 km D. 4,3 km

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 7,5 × 3,4 b) 21,9 × 5,1 c) 8,41 × 2,5 d) 3,08 × 0,73

....

....

....

....

....

2 Cho biết 64 × 57 = 3 648. Không thực hiện tính, viết kết quả mỗi phép tính sau vào chỗ chấm.

a) 6,4 × 0,57 = ... b) 6,4 × 5,7 = ... c) 0,64 × 0,57 = ...

3 Một ô tô đi trên đường cao tốc, mỗi giờ đi được 84,5 km. Hỏi trong 1,2 giờ ô tô đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích tấm bìa hình vuông có cạnh 0,7 m là:

A. 49 m^2 B. 4,9 m^2 C. 0,49 m^2 D. 0,94 m^2

Tiết 3

1 a) Đặt tính rồi tính.

8,6 × 0,7 2,14 × 15 5,2 × 0,43

....

....

....

....

....

b) Cho biết 3,6 × 2,4 = 8,64. Không thực hiện tính, viết kết quả mỗi phép tính sau vào chỗ chấm.

3,6 × 24 = ... 36 × 0,24 = ... 0,36 × 2,4 = ...

2 a) **>; <; =** ?

3,5 × 7,4 ☐ 7,4 × 3,5 (5,3 × 1,5) × 2 ☐ 5,3 × (1,5 × 2)

b) Tính bằng cách thuận tiện.

6,84 × 0,2 × 5

= .....

= .....

= .....

2,5 × 8,6 × 4

= .....

= .....

= .....

3 Biết rằng xay xát 1 kg thóc thì được 0,64 kg gạo. Hỏi cô Bình xay xát 50 kg thóc loại đó thì được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

4 Mẹ của Mai mua 3 kg xoài hết 75 000 đồng. Cô Hà mua 3,5 kg xoài cùng loại đó, cô đưa cho người bán hàng tờ tiền 100 000 đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại cô Hà bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính bằng cách thuận tiện.

1,25 × 0,78 × 8 × 0,4 × 0,25 = ...

= .....

= .....

Bài 22 PHÉP CHIA SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 0,36 : 9

.....

.....

.....

b) 95,2 : 68

.....

.....

.....

c) 5,28 : 4

.....

.....

.....

.....

2 Cho biết 7 657 : 31 = 247. Không thực hiện phép tính, viết kết quả mỗi phép tính sau vào chỗ chấm.

a) 765,7 : 31 = ... b) 76,57 : 31 = ... c) 76,57 : 247 = ...

3 Rô-bốt chia đều 9,68 yến cá vào 8 khay. Hỏi mỗi khay đựng bao nhiêu yến cá?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Trên một con tàu chỉ còn lại 148,5 *l* nước ngọt và còn 11 ngày nữa mới đến cảng.

a) Thuyền trưởng định tổ chức tiệc ngay. Nếu ngày đầu tiên dùng hết 38 *l* nước ngọt thì trong 10 ngày còn lại, trung bình mỗi ngày dùng ..... *l* nước ngọt.

b) Sau đó, thuyền phó khuyên nên để dành nước ngọt và chia đều cho 11 ngày. Nếu làm như vậy thì trung bình mỗi ngày dùng ..... *l* nước ngọt.

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 23 : 4

.....

.....

.....

.....

b) 15 : 8

.....

.....

.....

.....

.....

c) 882 : 36

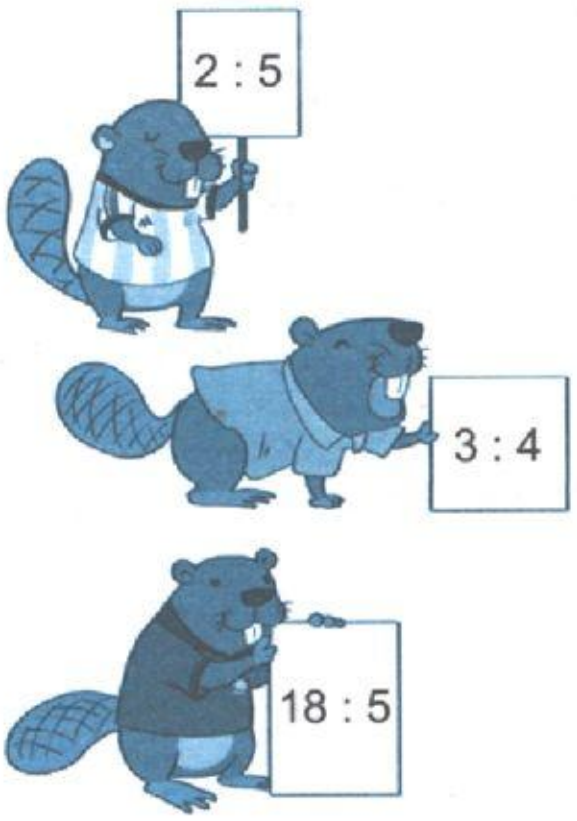
.....

.....

.....

.....

2 Nối mỗi phép tính với kết quả của phép tính đó.





3 Một con tàu vũ trụ trong 2 giây đi được 103 km. Hỏi trung bình mỗi giây con tàu vũ trụ đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

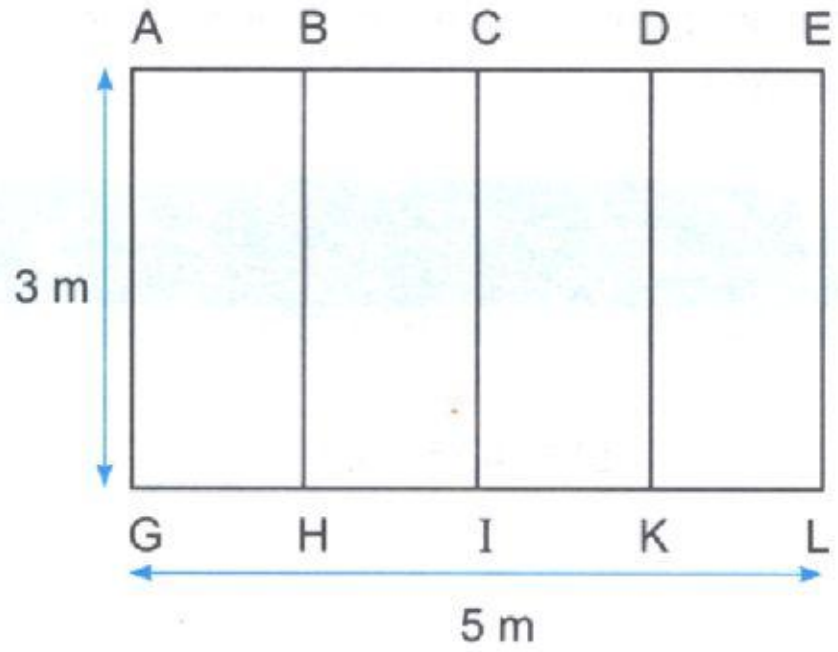
.....

.....

.....

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Cho hình dưới đây.



Diện tích hình chữ nhật ABHG là ..... m^2. Biết GH = HI = IK = KL, AG = 3 m và GL = 5 m.

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

a) 7 : 3,5 b) 702 : 7,2 c) 128 : 0,25 d) 54 : 0,45

....

....

....

....

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một nhà khảo cổ đã đổ hết 15 *l* dầu vào các rô-bốt chuột chũi, mỗi rô-bốt 0,75 *l* dầu. Vậy có tất cả ..... rô-bốt chuột chũi.

3 Cho biết trên 1,5 ha đất thu hoạch được 3 tấn hạt điều thô. Hỏi trên mỗi héc-ta đất đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tấn hạt điều thô?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một bức tường dài 180 m được xây dựng bằng những viên đá giống nhau. Ở một hàng đá, bạn Thư đo được chiều dài một viên đá cộng mạch vữa là 3,6 m. Vậy hàng đá đó có tất cả ..... viên đá.

Tiết 4

1 Đặt tính rồi tính.

a) 48,3 : 3,5

.....

.....

.....

.....

b) 144,55 : 3,5

.....

.....

.....

.....

c) 3 : 0,25

.....

.....

.....

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Một chú rồng nhổ 4 chiếc răng sâu và trả cho nha sĩ 15,4 kg kẹo. Biết số kẹo phải trả khi nhổ mỗi chiếc răng sâu là như nhau. Vậy để nhổ mỗi chiếc răng sâu, chú rồng phải trả ..... kg kẹo.

3 Mặt sàn một nhà kính trồng rau dạng hình chữ nhật có diện tích 292,8 m^2 và chiều rộng 9,6 m. Tính chiều dài của mặt sàn nhà kính đó.

Bài giải

.....

.....

.....

4 Mỗi tháng bác Hạnh nhận 3,5 triệu đồng nhờ cho thuê xe lam. Hỏi sau bao nhiêu tháng thì bác Hạnh nhận số tiền là 59,5 triệu đồng?

Gợi ý: Hãy coi triệu đồng là đơn vị tính.

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 23 NHÂN, CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 10; 100; 1 000; ... HOẶC VỚI 0,1; 0,01; 0,001; ...

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

a) 9,63 × 10 = …… 0,94 × 100 = …… 2,08 × 1 000 = ……

b) 5,1 × 0,1 = …… 15,31 × 0,001 = …… 8,2 × 0,01 = ……

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 23,45 kg = …… g

b) 23,4 tạ = …… yến

c) 6,89 *l* = …… ml

3 Một đàn gấu Bắc Cực có 10 chú gấu con, mỗi chú gấu con ăn hết 4,5 kg cá mỗi ngày. Hỏi 10 chú gấu con trong đàn đó ăn hết tất cả bao nhiêu ki-lô-gam cá mỗi ngày?

Bài giải

……

……

……

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Có hai khối lập phương bằng kim loại.

a) Khối lập phương nhỏ có cạnh 2,78 cm. Độ dài cạnh của khối lập phương lớn gấp 10 lần độ dài cạnh khối lập phương nhỏ. Vậy khối lập phương lớn có cạnh dài …… cm.

b) Khối lập phương lớn nặng 225,6 kg. Khối lập phương nhỏ nặng bằng 0,001 lần khối lập phương lớn. Vậy khối lập phương nhỏ nặng …… kg.

Tiết 2

1 Tính nhẩm.

a) 20,7 : 10 = ...

0,8 : 100 = ...

341 : 1 000 = ...

b) 0,3 : 0,1 = ...

58 : 0,001 = ...

6,3 : 0,01 = ...

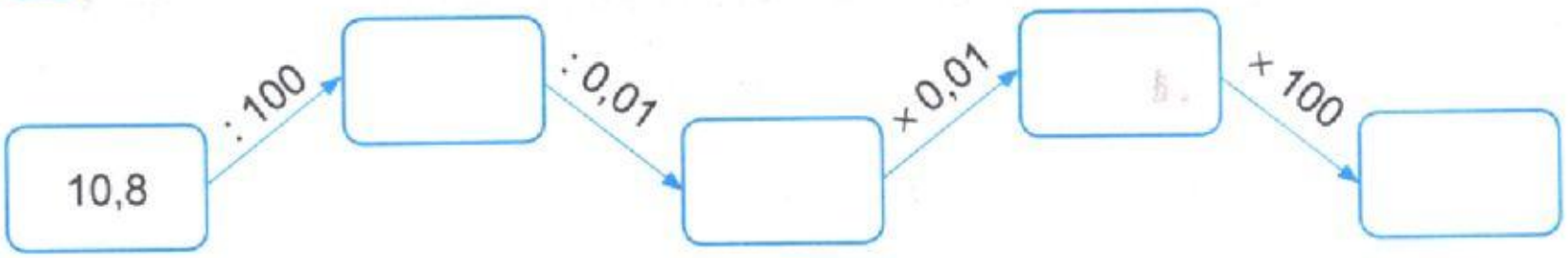
2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 10,4 mm = ... cm

b) 12,6 cm = ... m

c) 3,7 m = ... km

3 Số ?



4 Chiếc máy xúc lớn nhất thế giới (năm 2022) xúc 10 lần được 937,8 tấn quặng. Hỏi trung bình mỗi lần chiếc máy xúc đó xúc được bao nhiêu tấn quặng?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 24 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Tính.

a) 4,98 + 15,7 = ...

b) 52 – 4,91 = ...

c) 0,73 × 6,5 = ...

d) 104,89 : 8,5 = ...

2 Tính nhẩm.

a) 3,14 × 0,1 = ...

b) 3,14 × 100 = ...

c) 31,4 : 10 = ...

d) 314 : 0,001 = ...

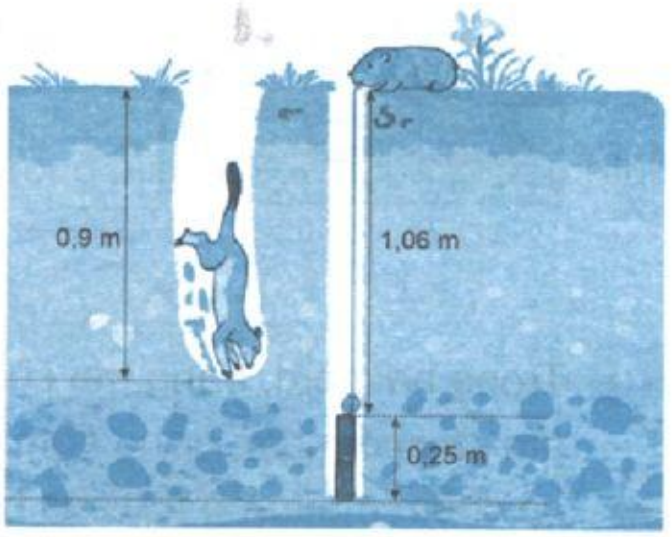
3 >; <; = ?

a) 2,5 × 6,1 ☐ 6,1 × 2,5

b) (15 × 6) × 0,25 ☐ 15 × (6 × 0,25)

c) (5,3 + 4,7) × 0,1 ☐ 5,3 × 0,1 + 4,7 × 0,1

4 Dúi làm rơi khúc mía xuống một cái lỗ. Chồn đào một cái hố bên cạnh để lấy khúc mía cho dúi. Hỏi chồn còn phải đào sâu thêm bao nhiêu mét nữa để cái hố sâu đúng bằng cái lỗ?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) $(131,4 - 80,8) : 2,3 + 21,64 \times 2$

= .....

= .....

= .....

b) $8,16 : (1,32 + 3,48) - 0,34 : 2$

= .....

= .....

= .....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $2,5 \times 3,7 \times 4$ = ...

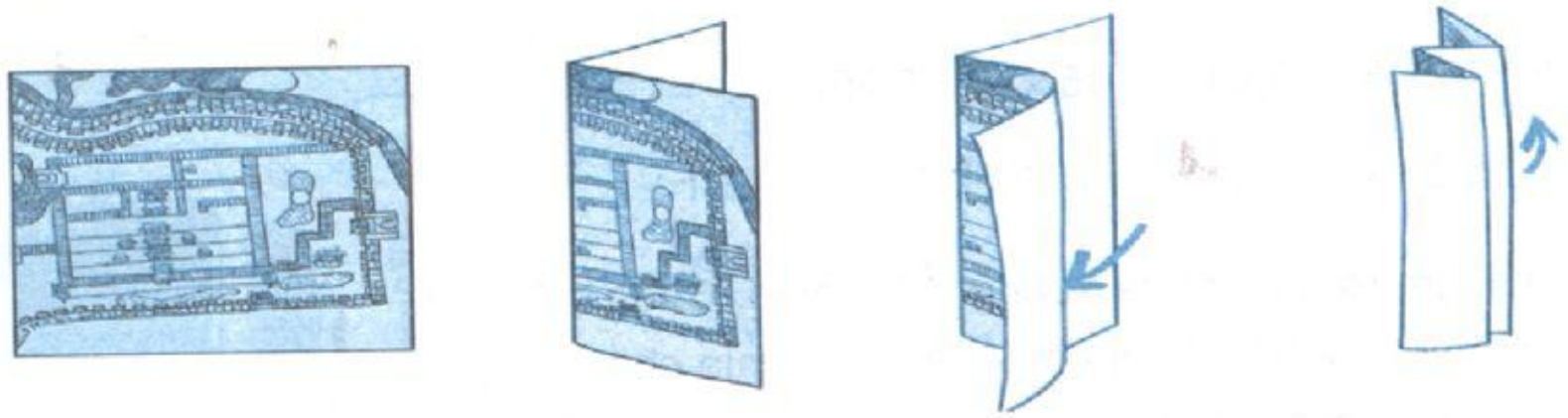
b) $0,56 \times 4,7 + 5,3 \times 0,56$ = ...

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Một tấm bản đồ hình chữ nhật có chiều dài 2,97 dm và chiều rộng 2,1 dm.

a) Diện tích tấm bản đồ là ..... dm^2.

b) Bạn Việt gấp tấm bản đồ lại như hình dưới đây. Sau khi gấp tấm bản đồ được một hình chữ nhật nhỏ hơn. Diện tích hình chữ nhật nhỏ là ..... dm^2.



4 Trong hai năm, trang trại của bác Tám bán được tất cả 21,56 tấn cá chẽm. Biết số tấn cá chẽm bán trong năm thứ hai nhiều hơn năm thứ nhất là 2,7 tấn. Tính số tấn cá chẽm mà trang trại của bác Tám bán được trong mỗi năm.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 51,23 + ... = 74,9 b) ..... : 3,8 = 21,34

2 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

	Đo lần 1	Đo lần 2	Đo lần 3	Lượng mưa trung bình
Tháng Một	15,4 mm	22,1 mm	12 mm	16,5 mm
Tháng Hai	15,6 mm	18,9 mm	12,3 mm	
Tháng Ba	23,5 mm	32,7 mm	21,8 mm	

3 Khu vườn trồng cây ăn quả dạng hình chữ nhật có diện tích 83,52 m^2 và chiều rộng 8,7 m. Hỏi chu vi khu vườn đó là bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

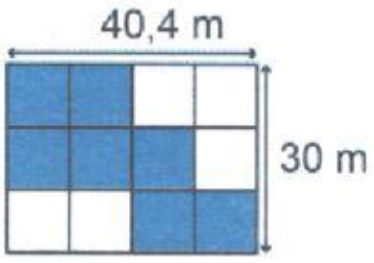
.....

4 Ông Sơn Hà sử dụng một nửa diện tích mảnh đất dạng hình chữ nhật để xây một nhà máy sản xuất rô-bốt.

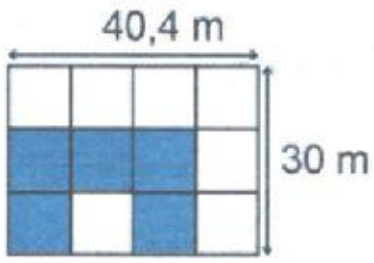
a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Biết phần đất để xây nhà máy được tô màu xanh trong hình vẽ. Hỏi phần đất ở hình nào trong các hình dưới đây?

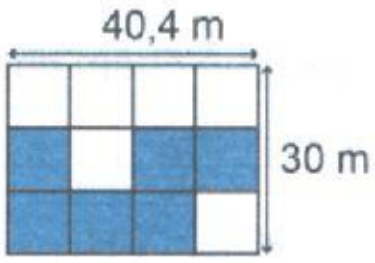
A.



B.



C.



b) Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Diện tích của nhà máy lớn hơn $\frac{1}{100}$ ha. ☐

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bạn Tú có 25 quả bóng, mỗi quả nặng 5,7 g. Tú bỏ tất cả số bóng đó vào chiếc hộp xanh và chiếc hộp đỏ. Khi đó, Tú nhận thấy cân nặng của hộp xanh tăng thêm 62,7 g. Hỏi cân nặng của hộp màu đỏ tăng thêm bao nhiêu gam?

A. 142,5 g B. 74,1 g C. 79,8 g

Bài 25 HÌNH TAM GIÁC. DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC

Tiết 1

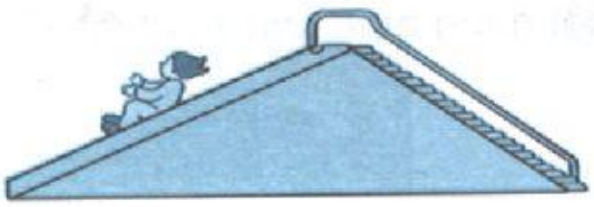
1 Viết *hình tam giác nhọn* hoặc *hình tam giác vuông* hoặc *hình tam giác tù* hoặc *hình tam giác đều* thích hợp vào chỗ chấm.



.....



.....

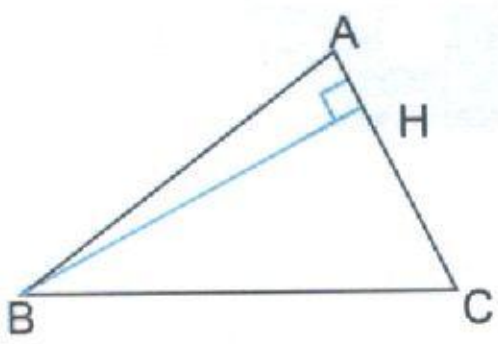


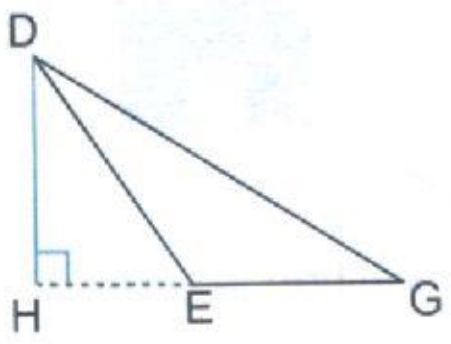
.....

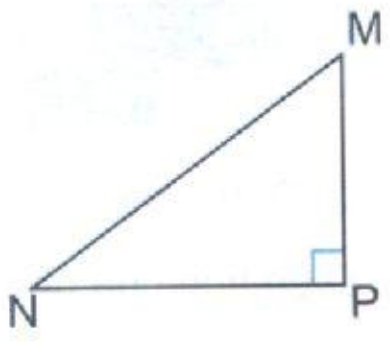


.....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.





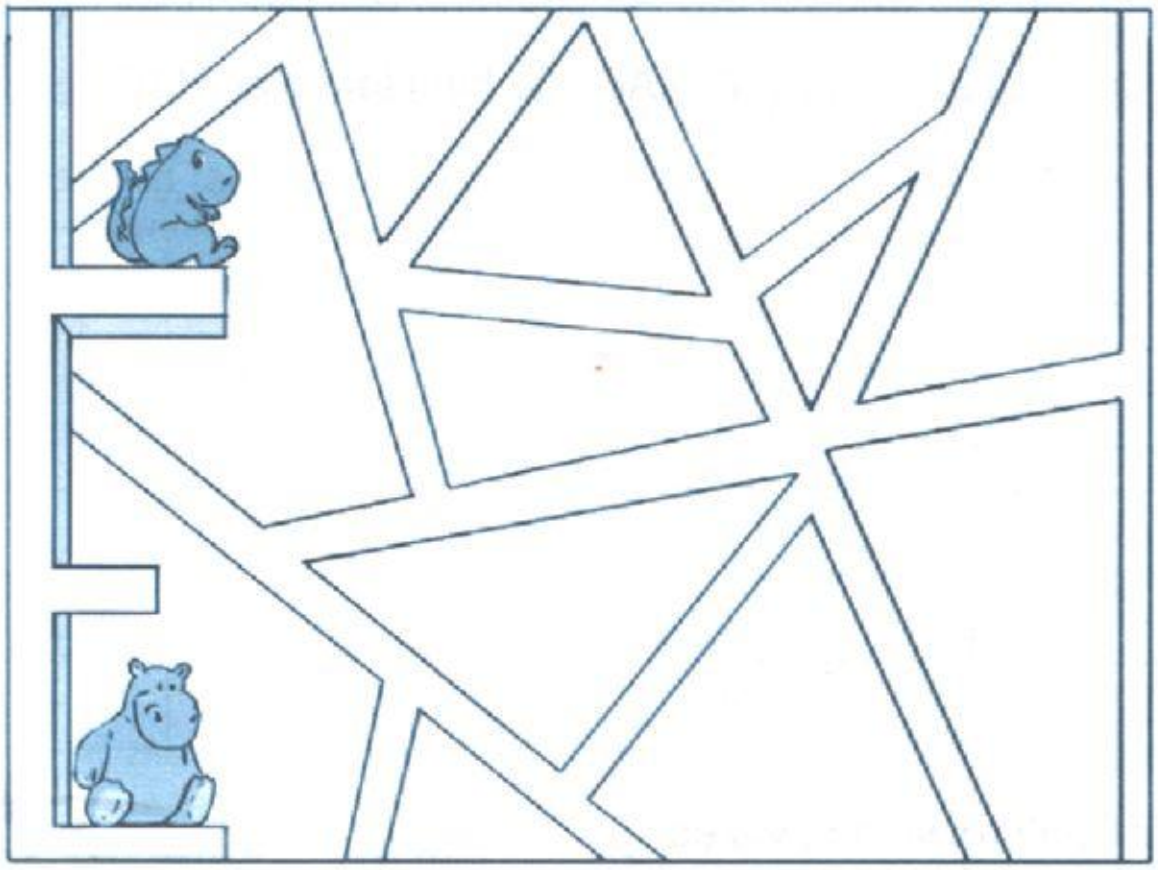


Trong hình tam giác ABC, ... là đường cao ứng với đáy .....

Trong hình tam giác DEG, ... là đường cao ứng với đáy.....

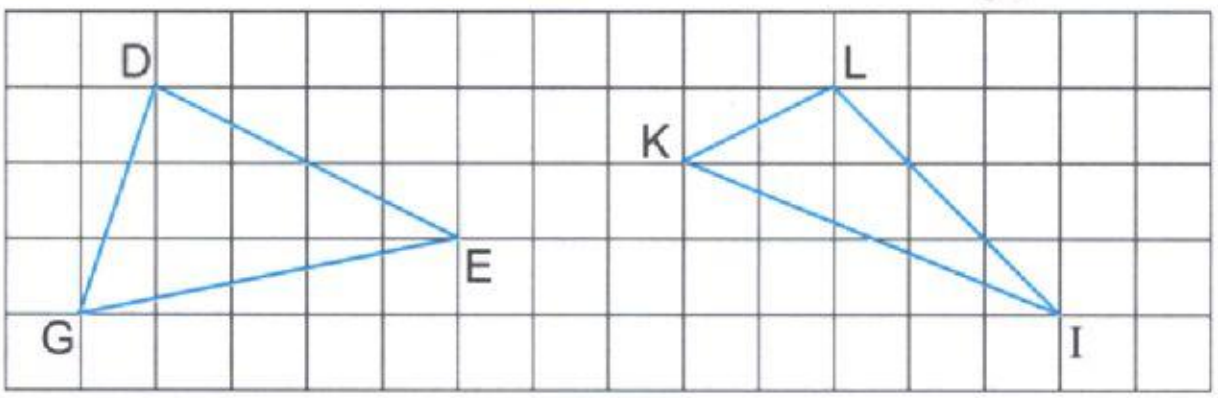
Trong hình tam giác MNP, MP là đường cao ứng với đáy .....; NP là đường cao ứng với đáy .....

3 Quan sát tranh, em hãy tìm các hình tam giác rồi tô màu xanh vào hình tam giác nhọn, màu vàng vào hình tam giác vuông, màu hồng vào hình tam giác tù, màu nâu vào hình tam giác đều.

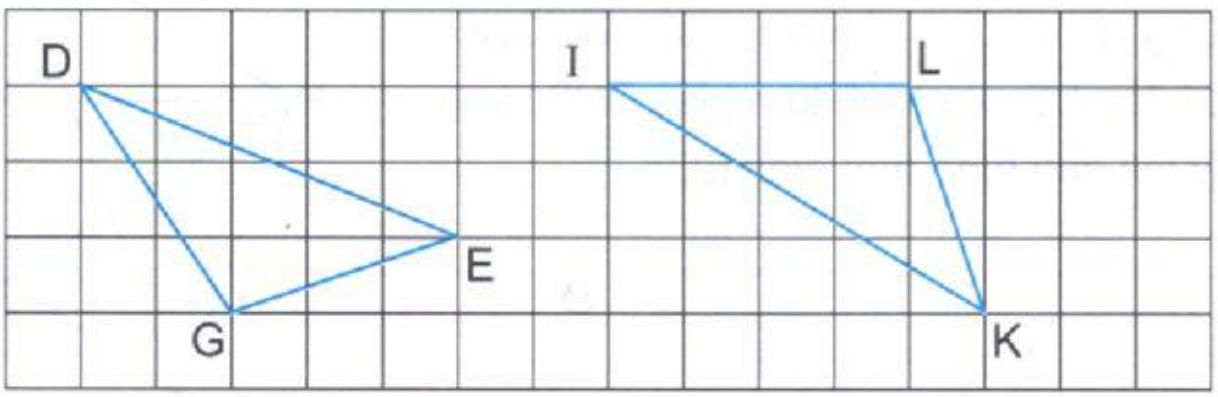


Tiết 2

1 a) Vẽ đường cao ứng với đáy GE của hình tam giác DEG và đường cao ứng với đáy KI của hình tam giác IKL trong hình dưới đây.



b) Vẽ đường cao ứng với đáy GE của hình tam giác DEG và đường cao ứng với đáy IL của hình tam giác IKL trong hình dưới đây.

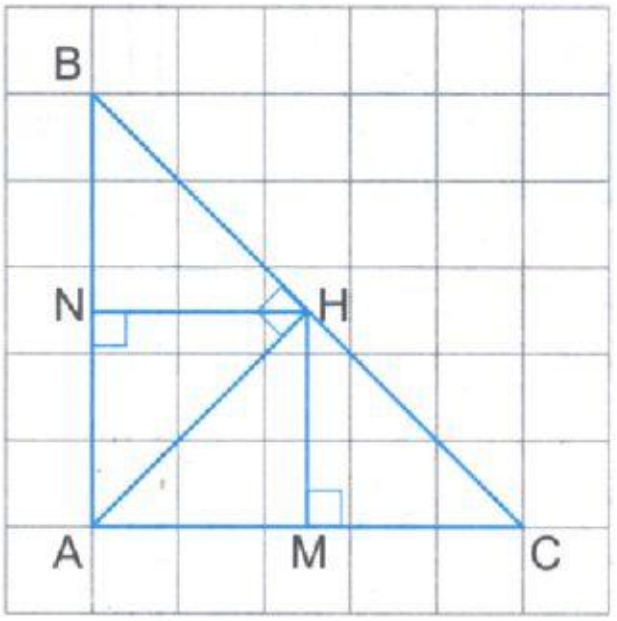


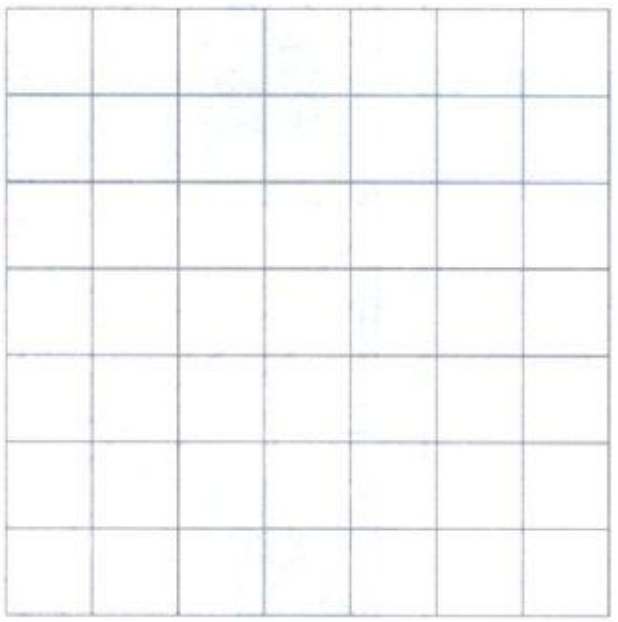
2 Vẽ hình (theo mẫu), biết rằng:

– AH là đường cao ứng với đáy BC của hình tam giác ABC;

– HN là đường cao ứng với đáy AB của hình tam giác HAB;

– HM là đường cao ứng với đáy AC của hình tam giác HAC.

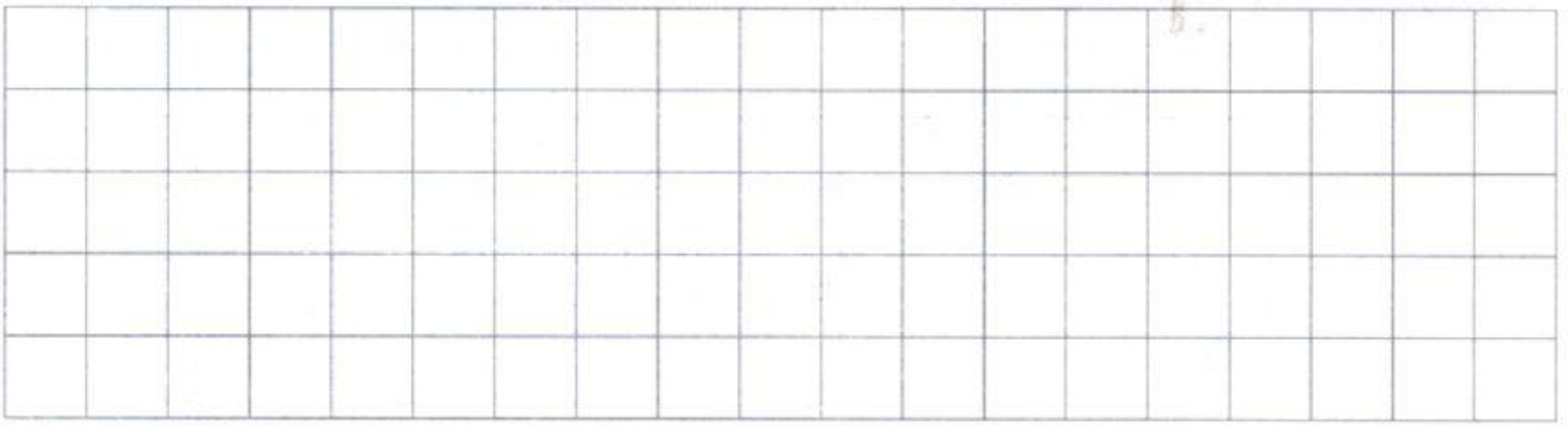




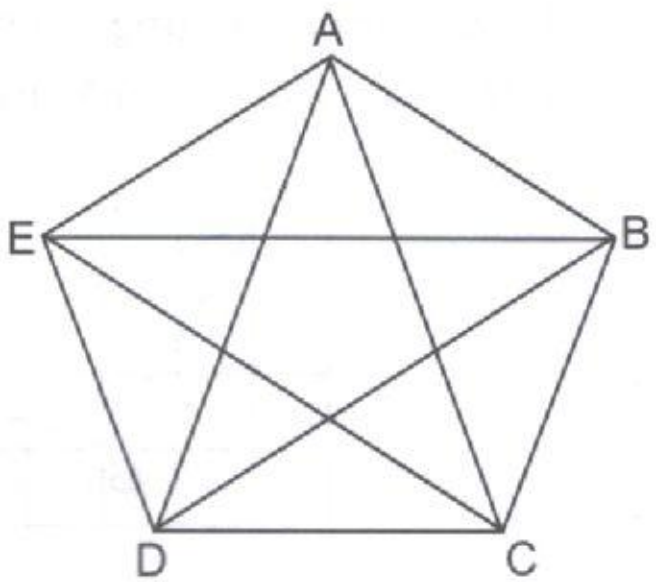
3 Quan sát tranh rồi vẽ một vì kèo.



Đây là dạng một vì kèo.



4 Vẽ đường cao ứng với đáy EB của hình tam giác AEB, ứng với đáy AC của hình tam giác BAC, ứng với đáy BD của hình tam giác CBD, ứng với đáy CE của hình tam giác DCE, ứng với đáy DA của hình tam giác EDA.



Tiết 3

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Diện tích của hình tam giác có độ dài đáy 4 cm và chiều cao 3 cm là ..... cm^2.

b) Diện tích của hình tam giác có độ dài đáy 5 dm và chiều cao 8 dm là ..... dm^2.

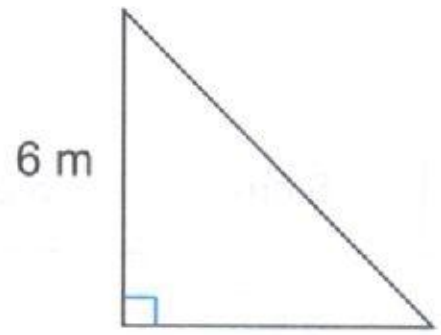
2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích của hình tam giác có độ dài đáy 10 cm và chiều cao 8 cm là:

A. 80 cm^2 B. 40 cm

C. 40 cm^2 D. 80 cm

3 Một tấm kính có dạng hình tam giác vuông như hình dưới đây.



Tính diện tích của tấm kính trên.

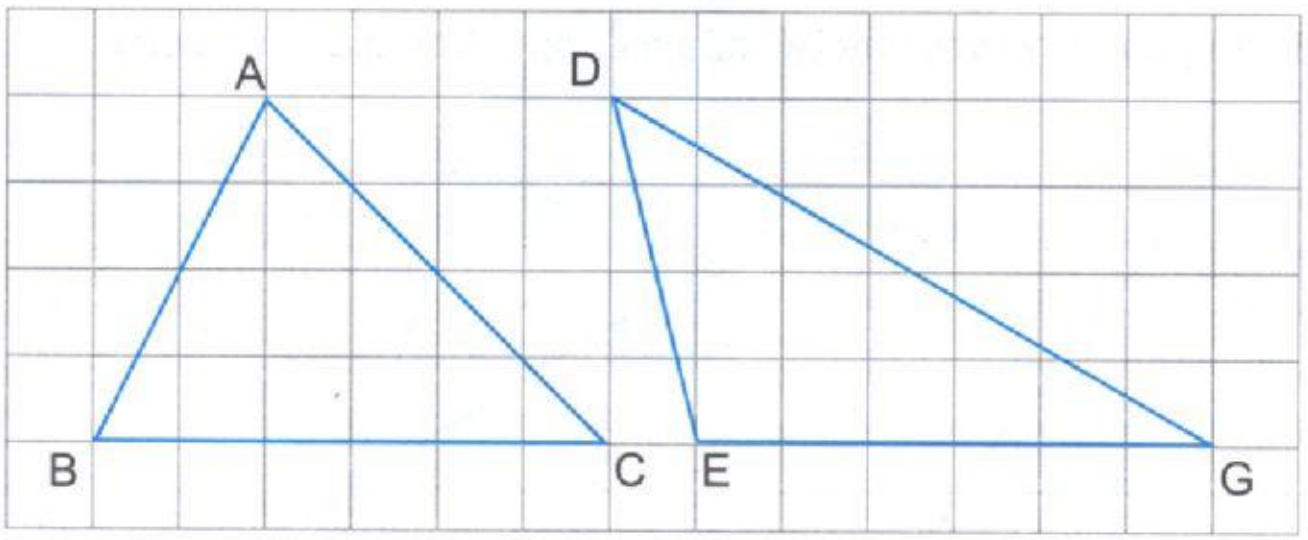
Bài giải

.....

.....

.....

4 Biết mỗi ô vuông có cạnh 1 cm.



a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Diện tích hình tam giác ABC là ..... cm^2.

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu đúng.

A. Diện tích hình tam giác ABC bé hơn diện tích hình tam giác DEG.

B. Diện tích hình tam giác ABC lớn hơn diện tích hình tam giác DEG.

C. Diện tích hình tam giác ABC bằng diện tích hình tam giác DEG.

Tiết 4

1 a) Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Độ dài đáy	6 cm	10 dm	4 m	20 cm
Chiều cao	5 cm	5 dm	4 m	10 cm
Diện tích hình tam giác	15 cm^2			

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích của hình tam giác có độ dài đáy 2 dm và chiều cao 20 cm là:

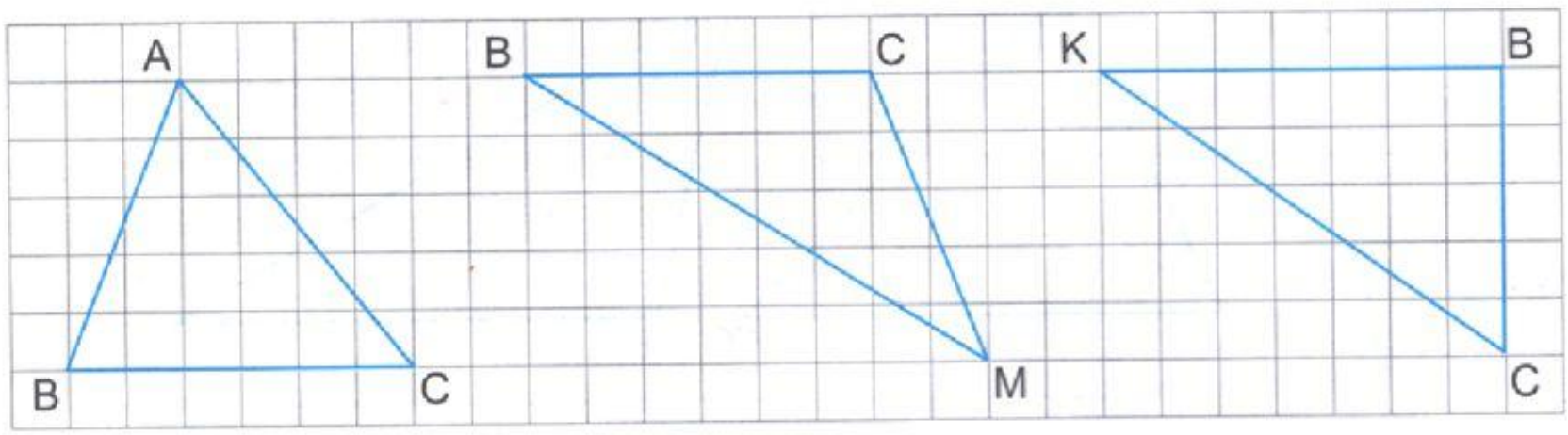
A. 20 dm^2

B. 20 cm^2

C. 2 cm^2

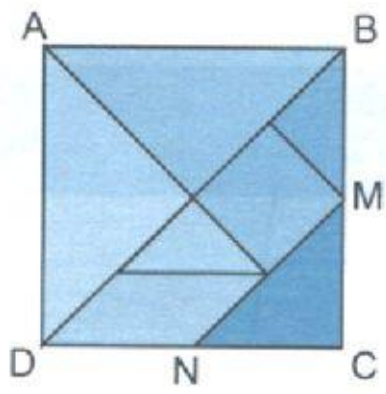
D. 2 dm^2

2 Vẽ đường cao ứng với đáy BC của mỗi hình tam giác dưới đây.

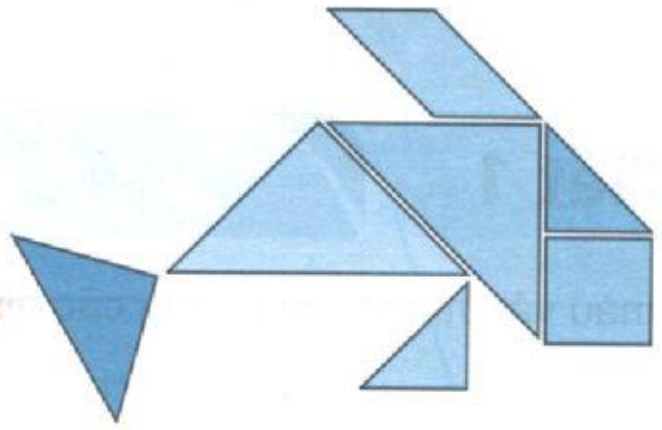


3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mai tô màu một tờ giấy hình vuông cạnh 12 cm như hình 1 rồi cắt theo các vạch chia. Từ các mảnh giấy thu được, Mai ghép thành con cá như hình 2.



Hình 1



Hình 2

Biết M là trung điểm của BC và N là trung điểm của CD. Diện tích hình tam giác là đuôi của con cá bằng:

A. 28 cm^2

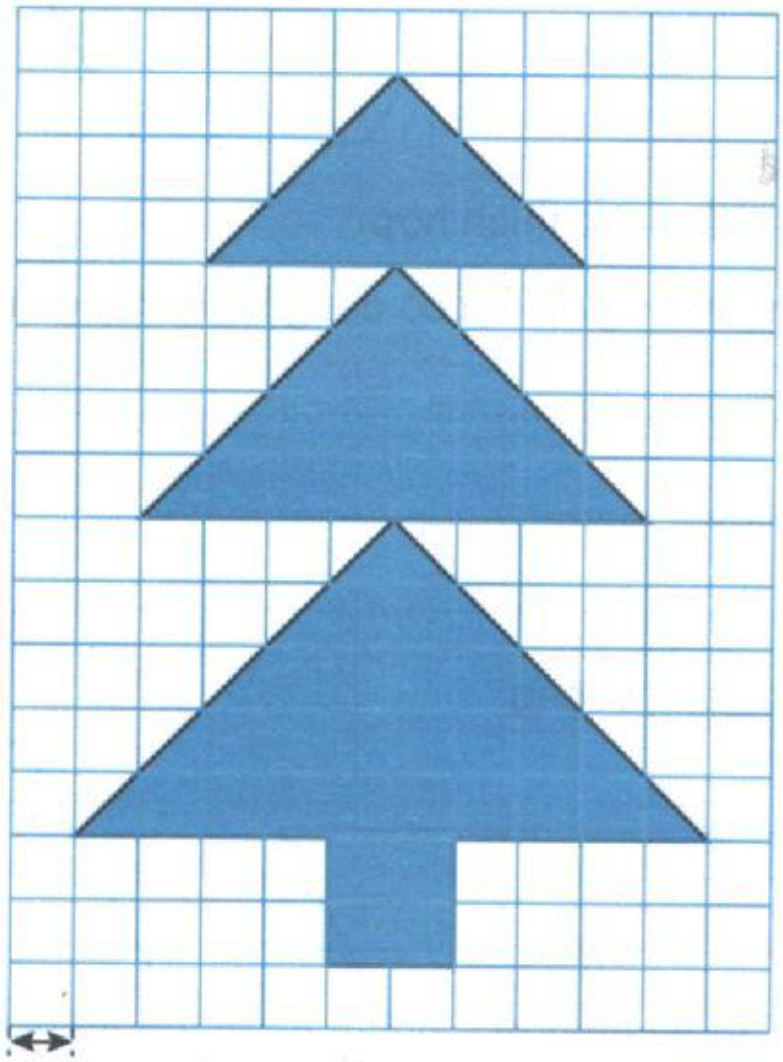
B. 27 cm^2

C. 36 cm^2

D. 18 cm^2

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho hình dưới đây.



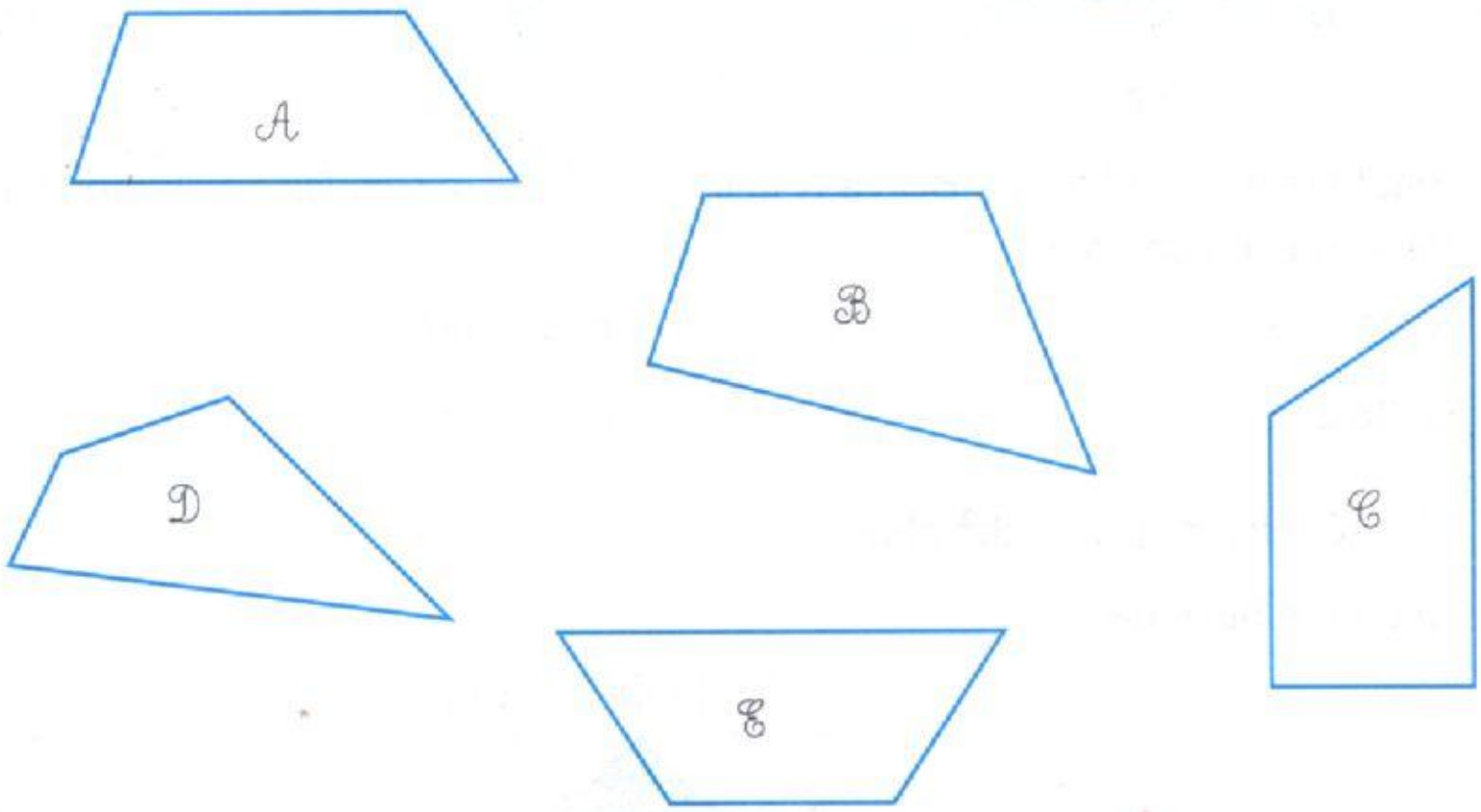
1 cm

Diện tích cây thông trong hình vẽ trên là ..... cm^2.

Bài 26 HÌNH THANG. DIỆN TÍCH HÌNH THANG

Tiết 1

1 Tô màu vào hình thang trong các hình dưới đây.



2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ở xung quanh em, những đồ vật có dạng hình thang là:

.....

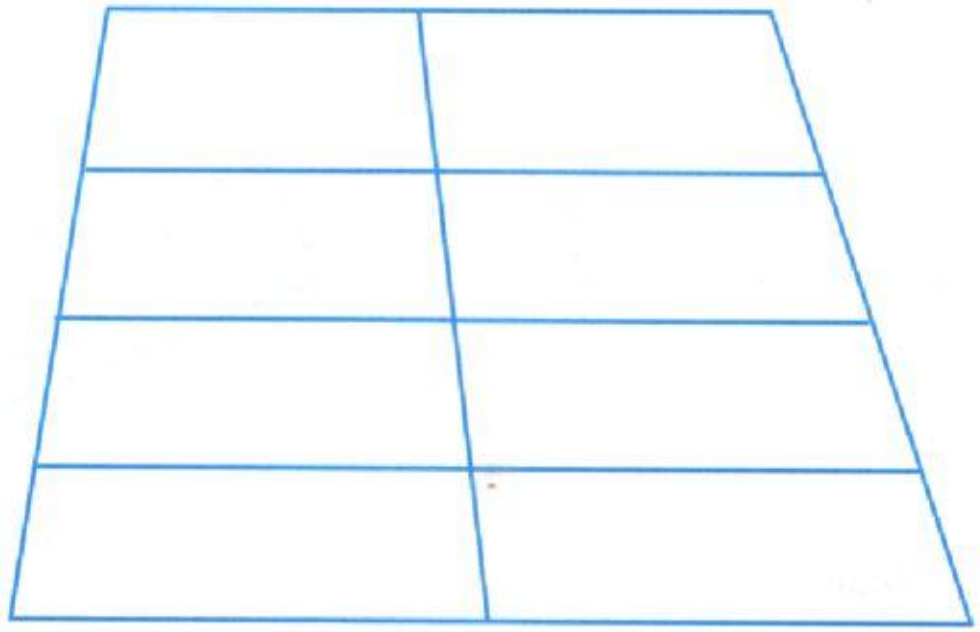
.....

.....

3 Tô màu vào hình thang vuông.



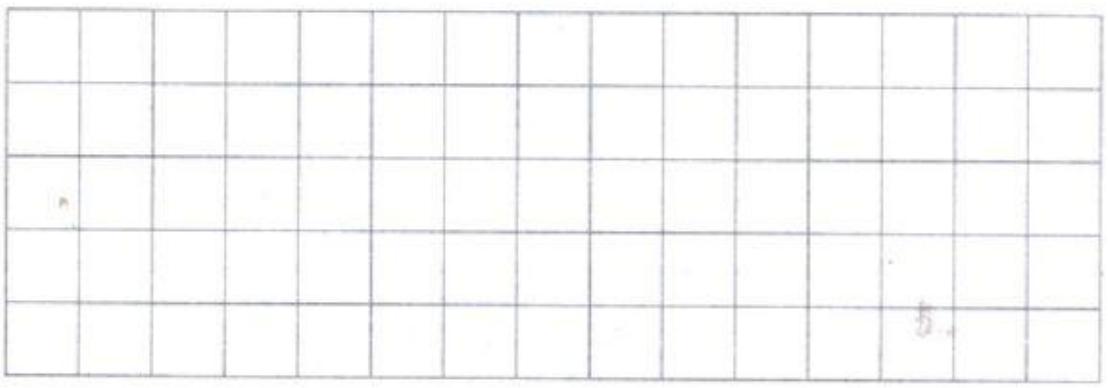
4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



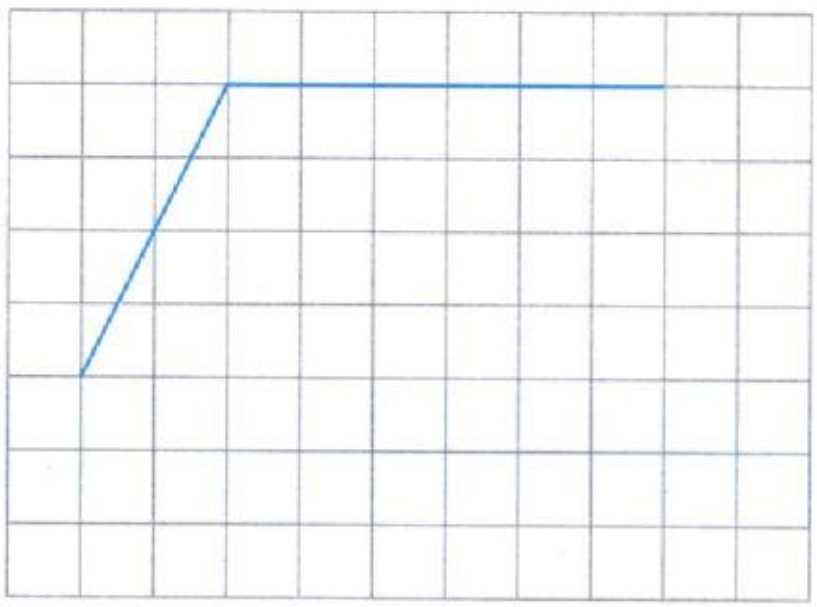
Hình trên có ..... hình thang.

Tiết 2

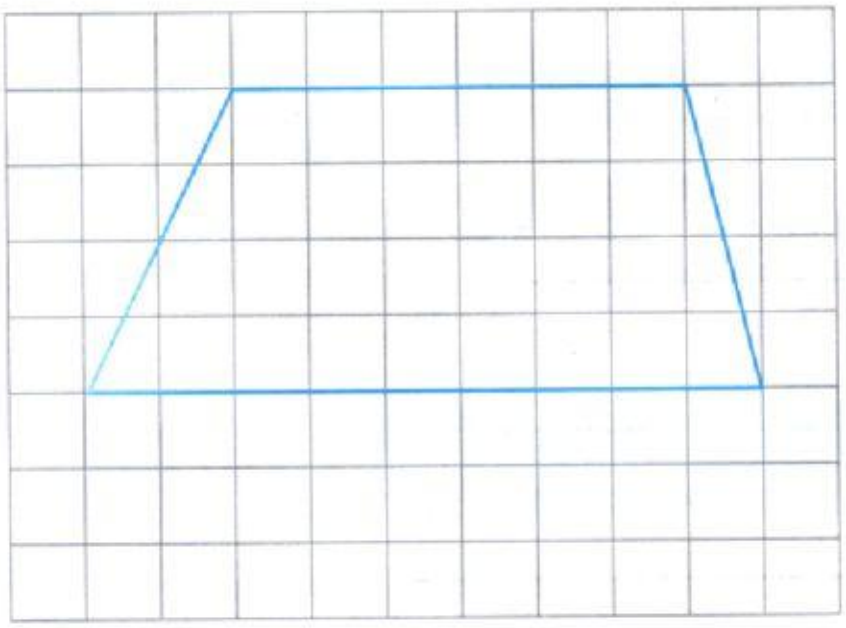
1 Vẽ hình thang MNPQ với MN và QP là hai đáy.



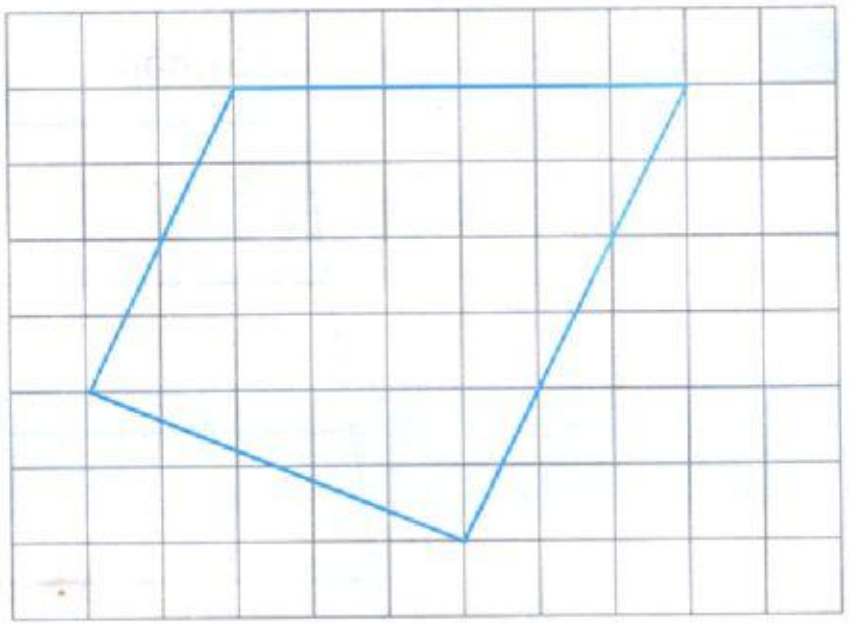
2 Cho hình vẽ:



Thực hiện yêu cầu vẽ thêm hai đoạn thẳng vào hình vẽ để được một hình thang, Mai và Việt đã làm như sau:



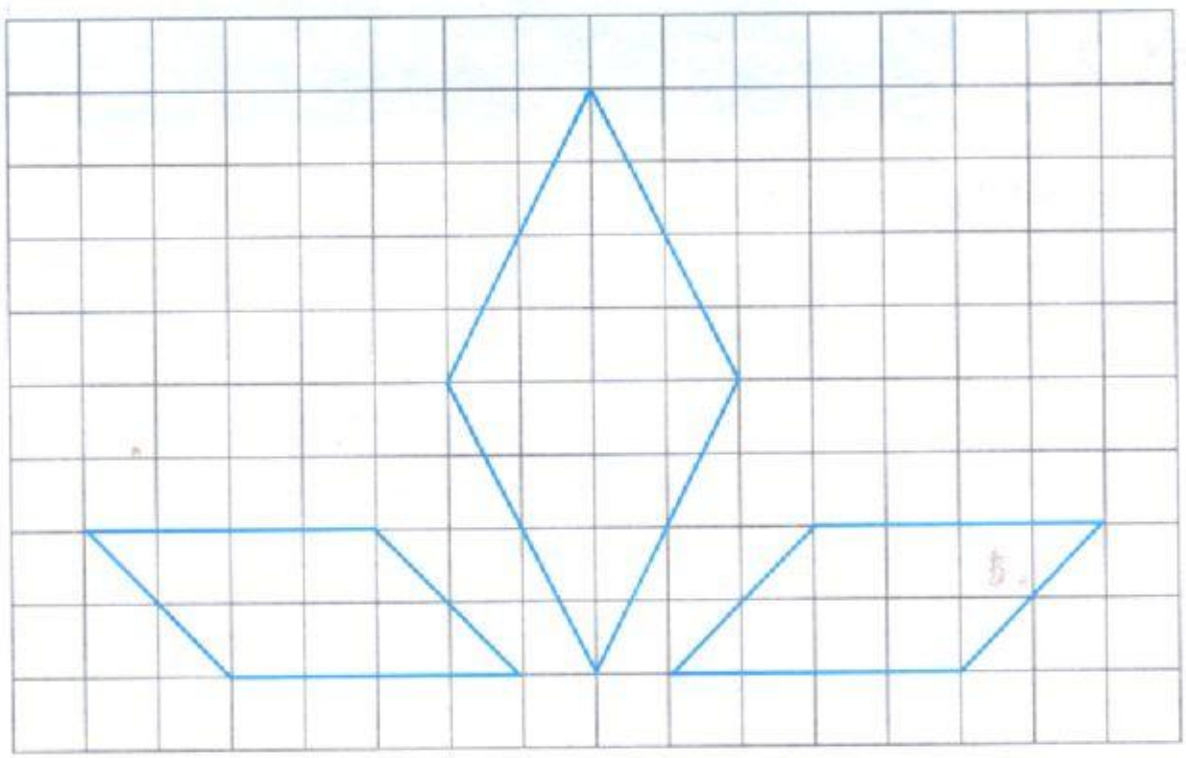
Mai

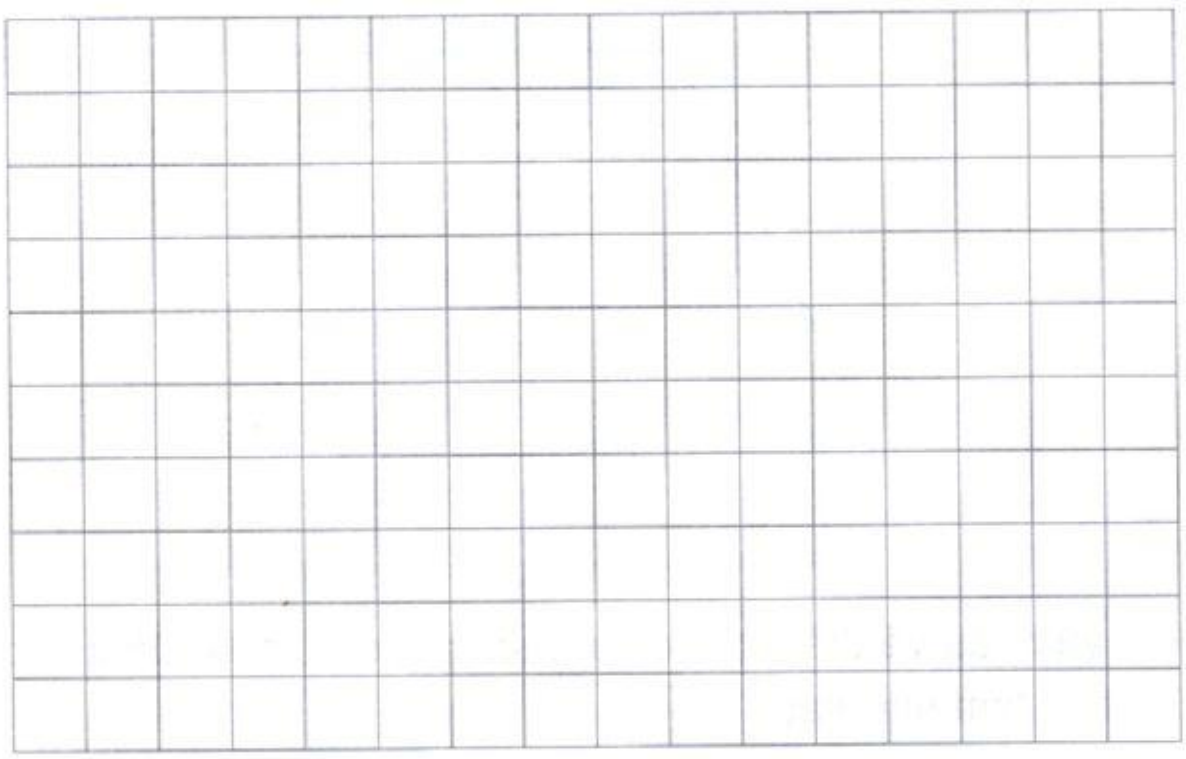


Việt

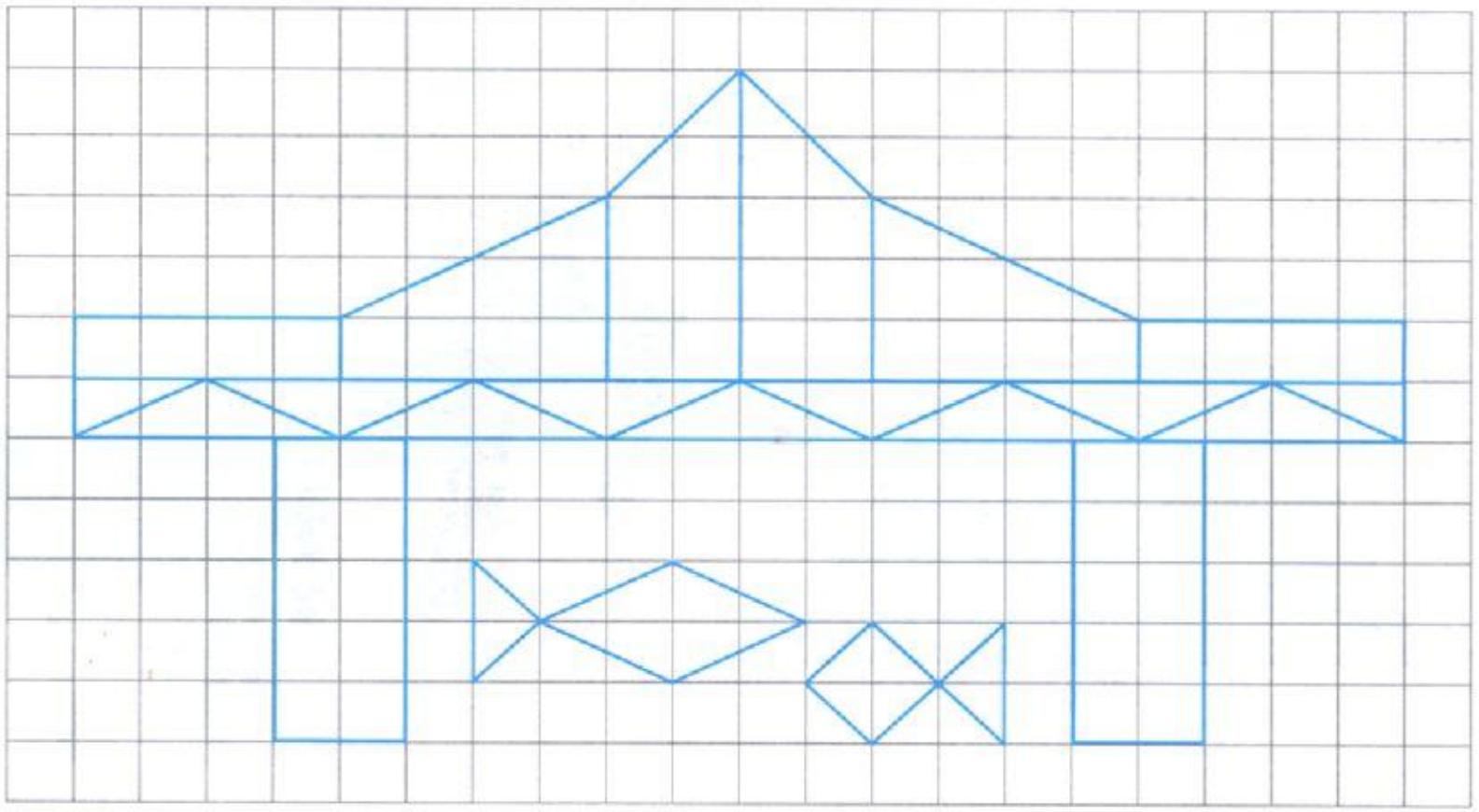
Tô màu hình của bạn thực hiện đúng yêu cầu.

3 Vẽ hình (theo mẫu).





4 a) Vẽ hình (theo mẫu).



b) Tô màu trang trí hình em vừa vẽ được ở câu a.

Tiết 3

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

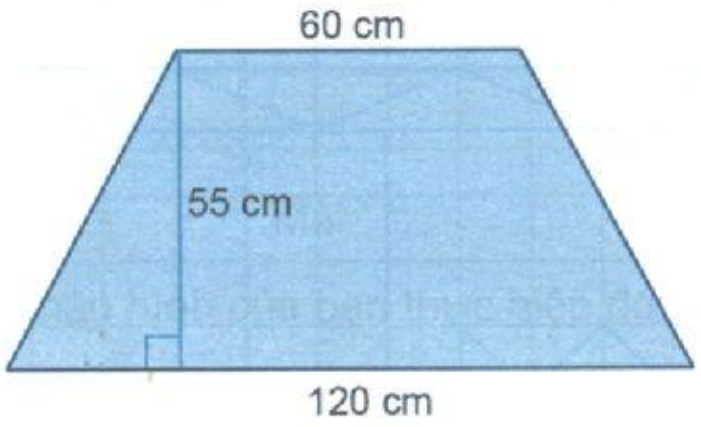
a) Diện tích hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 4 cm và 6 cm; chiều cao 3 cm là:

.....

b) Diện tích hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 11 cm và 9 cm; chiều cao 8 cm là:

.....

2 Dùng 6 cái bàn giống nhau với mặt bàn hình thang có kích thước như hình 1 để ghép thành một bàn đa năng như hình 2. Tính diện tích mặt bàn đa năng.



Hình 1



Hình 2

Bài giải

.....

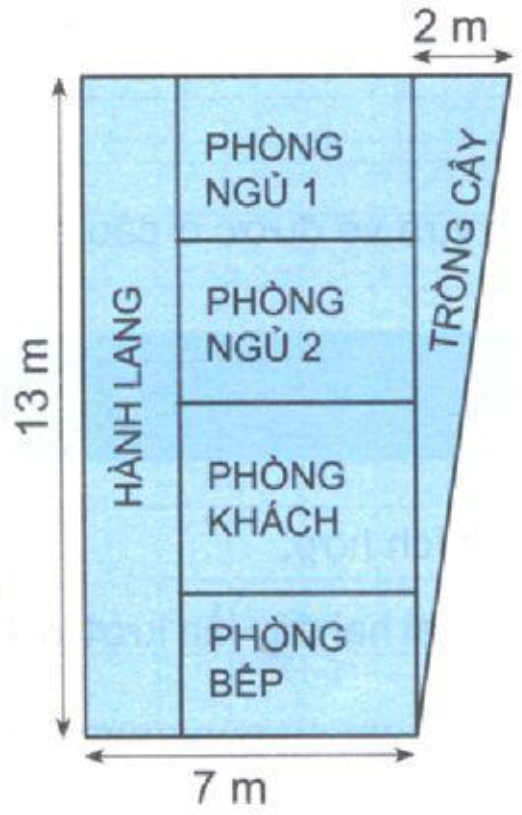
.....

.....

.....

.....

3 a) Hình dưới đây là bản vẽ thiết kế một ngôi nhà trên mảnh đất có dạng hình thang vuông. Tính diện tích mảnh đất đó.



Bài giải

.....

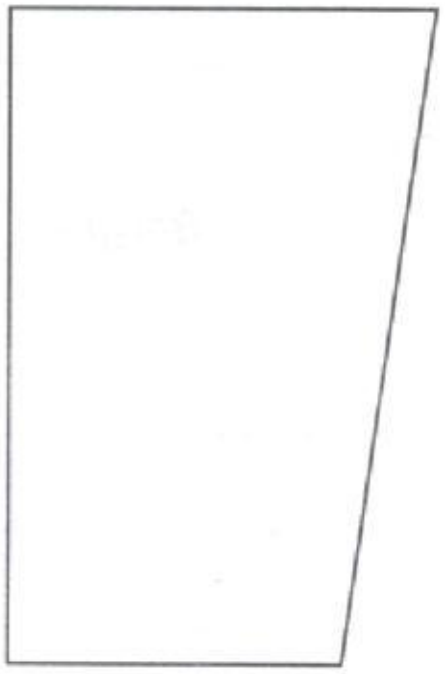
.....

.....

.....

.....

b) Với mảnh đất như vậy, hãy thiết kế lại các phòng theo ý thích của em.



Tiết 4

1 Tính diện tích hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là a và b; chiều cao là h được cho như bảng dưới đây.

a	12 cm	14 dm	6 m	20 cm
b	8 cm	6 dm	4 m	15 cm
h	6 cm	10 dm	4 m	10 cm
Diện tích hình thang				

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 25 cm và 15 cm; chiều cao 1 dm là:

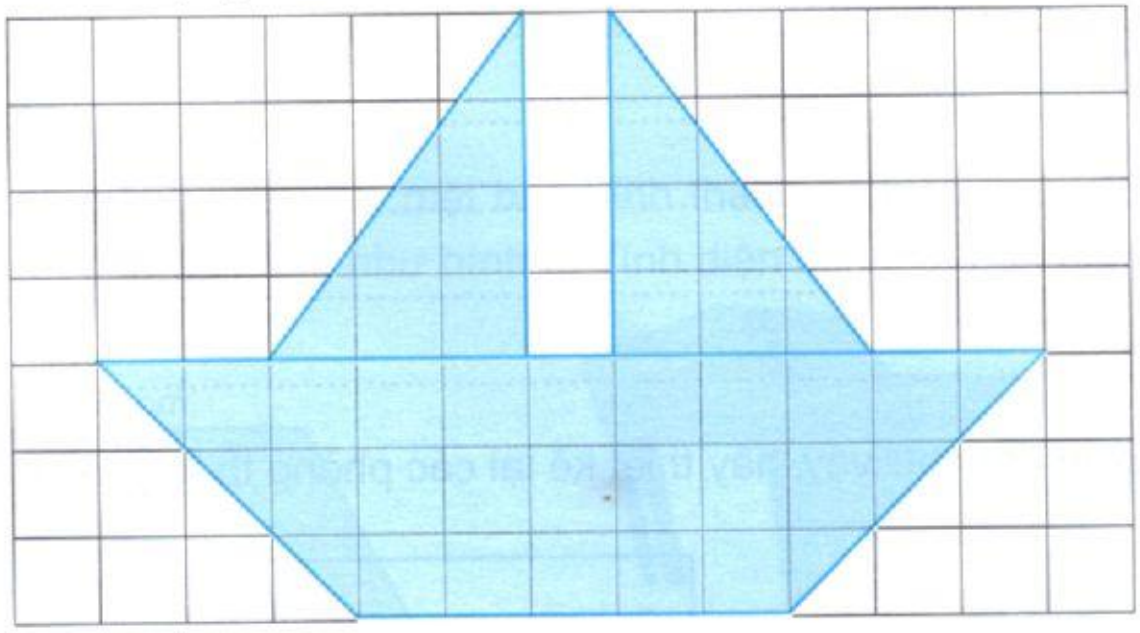
A. 4 cm^2

B. 2 cm^2

C. 2 dm^2

D. 4 dm^2

3 Con thuyền có hình dạng như bên dưới, biết rằng mỗi ô vuông có cạnh dài 1 cm.



Tính diện tích con thuyền trên.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Một mảnh đất dạng hình thang có độ dài hai đáy là 35 m và 15 m, chiều cao là 20 m. Tính số tiền mua cỏ để vừa đủ phủ kín mảnh đất đó, biết rằng mỗi mét vuông cỏ có giá tiền là 45 000 đồng.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 27 ĐƯỜNG TRÒN. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN

Tiết 1

1 a) Vẽ đường tròn tâm O bán kính 3 cm.

b) Vẽ đường tròn tâm I bán kính 35 mm.

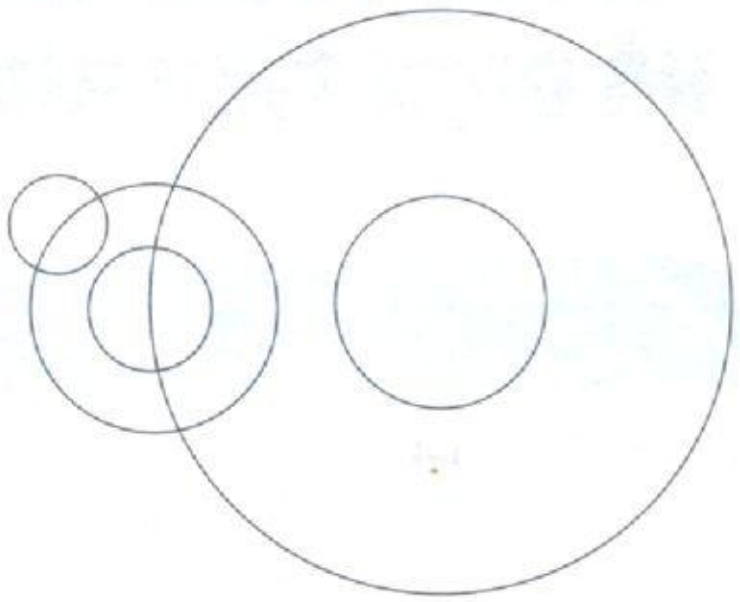
2 a) Vẽ hình theo hướng dẫn.

– Bước 1: Vẽ đường tròn tâm S bán kính 15 mm và đường tròn tâm S bán kính 4 cm.

– Bước 2: Lấy điểm E trên đường tròn tâm S bán kính 4 cm vừa vẽ. Vẽ đường tròn tâm E bán kính 15 mm và đường tròn tâm E bán kính 2 cm.

– Bước 3: Lấy điểm M trên đường tròn tâm E bán kính 2 cm vừa vẽ. Vẽ đường tròn tâm M bán kính 10 mm.

b) Em hãy tô màu và trang trí các hình tròn để được mô hình Trái Đất, Mặt Trời và Mặt Trăng.



Tiết 2

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

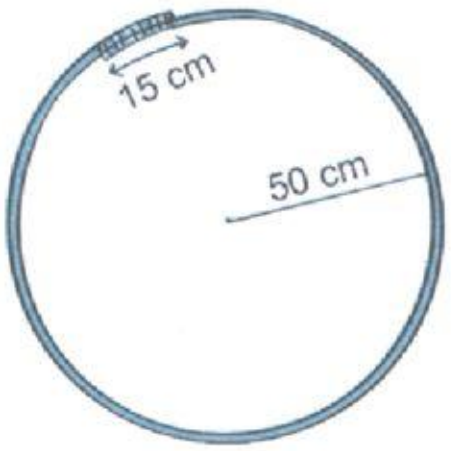
Đường kính hình tròn	6 dm	7 mm	3 cm	10 m
Chu vi hình tròn	3,14 × 6 = 18,84 (dm)			

2 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Bán kính hình tròn	5 cm	5 dm	3 m	4 km
Chu vi hình tròn	3,14 × 5 × 2 = 31,4 (cm)			

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Biết chiều dài phần hai đầu tre buộc vào nhau của cái cạp rổ là 15 cm (như hình dưới đây).





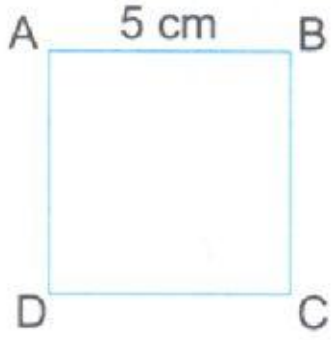
Chiều dài của thanh tre uốn thành cái cạp rổ là ..... cm.

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

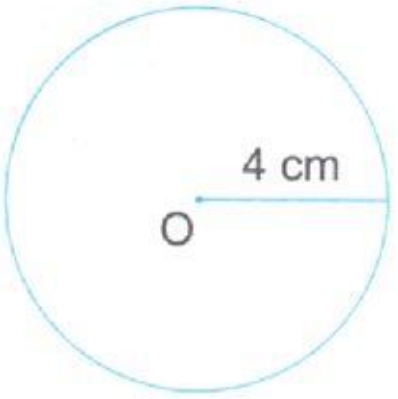
Coi đường xích đạo là một đường tròn có bán kính 6 400 km. Chiều dài đường xích đạo làm tròn đến hàng chục nghìn là ..... km.

Tiết 3

1 Tô màu vào hình có chu vi lớn nhất.

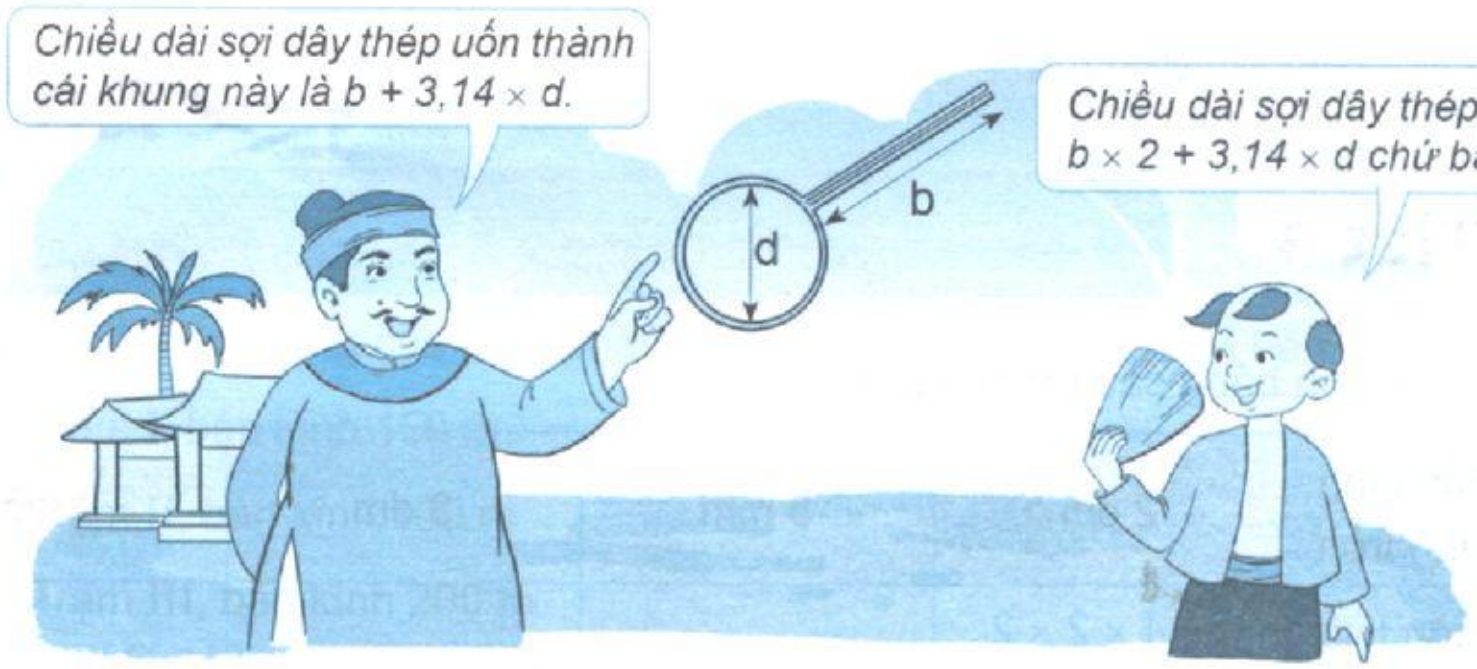






2 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Bờm uốn sợi dây thép thành cái khung gồm một hình tròn đường kính d (cm) và hai thanh làm tay cán, mỗi thanh dài b (cm).



Trong bức tranh trên, người nói đúng là bờm. ☐

3 Một sợi dây thừng quấn quanh một gốc cây đúng 3 vòng. Mỗi vòng có dạng đường tròn có bán kính 2 dm. Phần dây không quấn vào thân cây dài 2,8 m. Hỏi sợi dây thừng đó dài bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

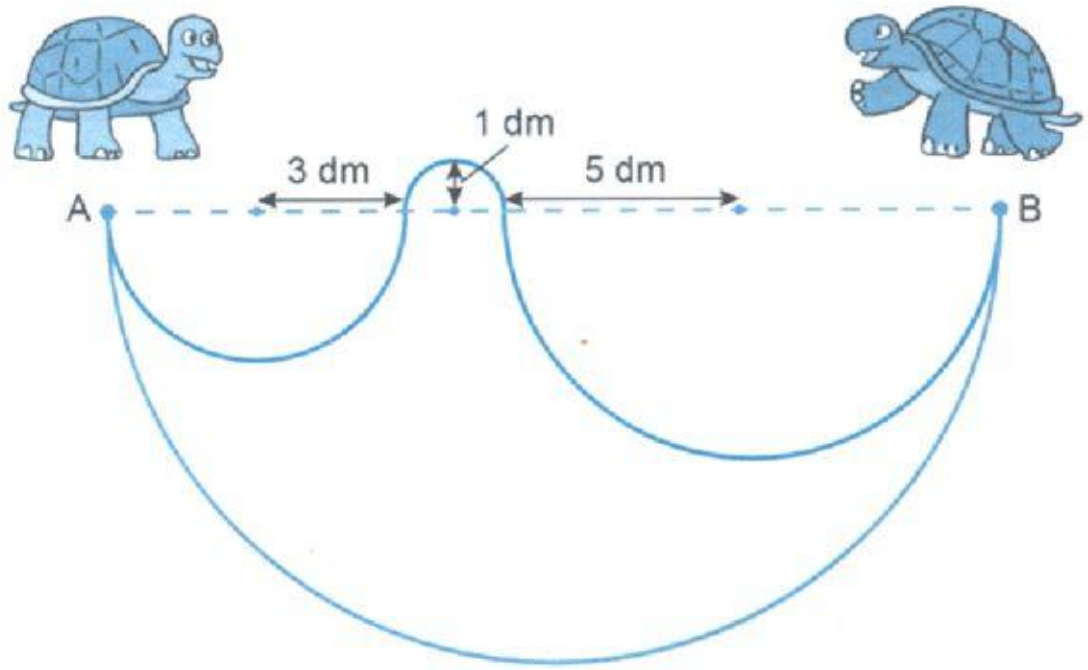
.....

.....

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Chú rùa bên trái bò từ A đến B theo đường màu đen, chú rùa bên phải bò từ điểm B đến A theo đường màu xanh (như hình vẽ).



Chú rùa ..... bò quãng đường dài hơn.

Tiết 4

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Bán kính hình tròn	2 cm	5 mm	3 dm	4 km
Diện tích hình tròn	$3,14 \times 2 \times 2$ $= 12,56$ (cm^2)			

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.



Bãi thả khí cầu của một công ty có dạng hình tròn bán kính 200 m. Diện tích bãi thả khí cầu đó là ..... m^2.

3 Tính diện tích một tấm thảm hình tròn có đường kính 20 dm.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Phần đất dê có thể gặm cỏ có dạng hình tròn bán kính 6 m.

Diện tích phần đất mà dê có thể gặm cỏ là ..... m^2.

Tiết 5

1 a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hình tròn phủ sóng của trạm phát sóng nào dưới đây có chu vi bé nhất?

A. Trạm I, bán kính 150 m

B. Trạm II, bán kính 100 m

C. Trạm III, bán kính 200 m

b) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Diện tích hình tròn phủ sóng vừa tìm được ở câu a là ..... m^2.

2 Ở một vùng sa mạc, người ta trồng lúa trên những thửa ruộng có dạng hình tròn bán kính 50 m. Biết rằng có 1 000 thửa ruộng như vậy. Hỏi tất cả diện tích trồng lúa là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....

.....

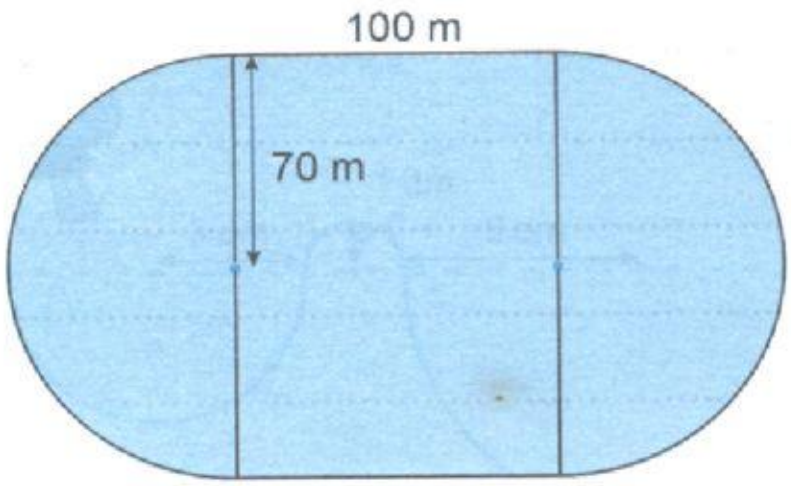
.....

.....

.....

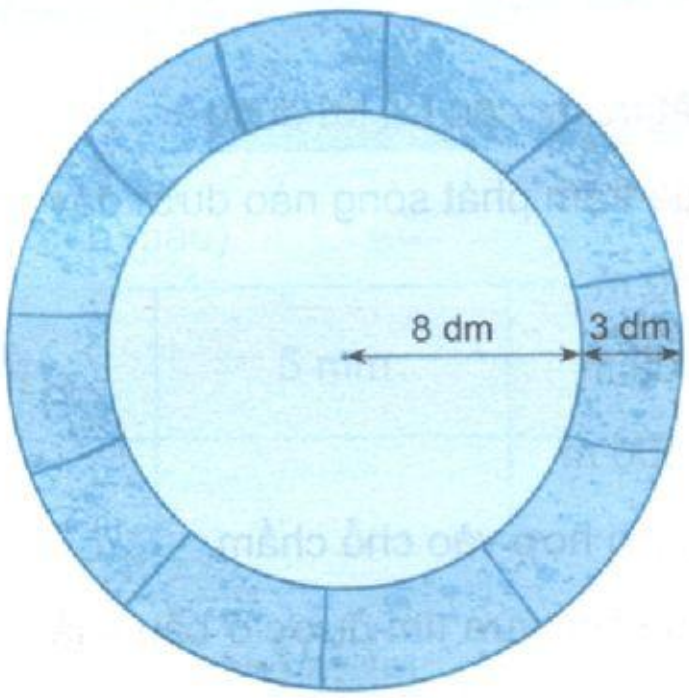
3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Cho hình dưới đây.



Một sân vận động được xây dựng trên mảnh đất tạo bởi một hình chữ nhật và hai nửa hình tròn có kích thước như hình trên. Diện tích mảnh đất đó là ..... m^2.

4 Một giếng nước có miệng giếng là một hình tròn bán kính 8 dm. Người ta xây thành giếng trên phần đất rộng 3 dm bao quanh miệng giếng (như hình dưới). Tính diện tích phần đất xây thành giếng đó.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

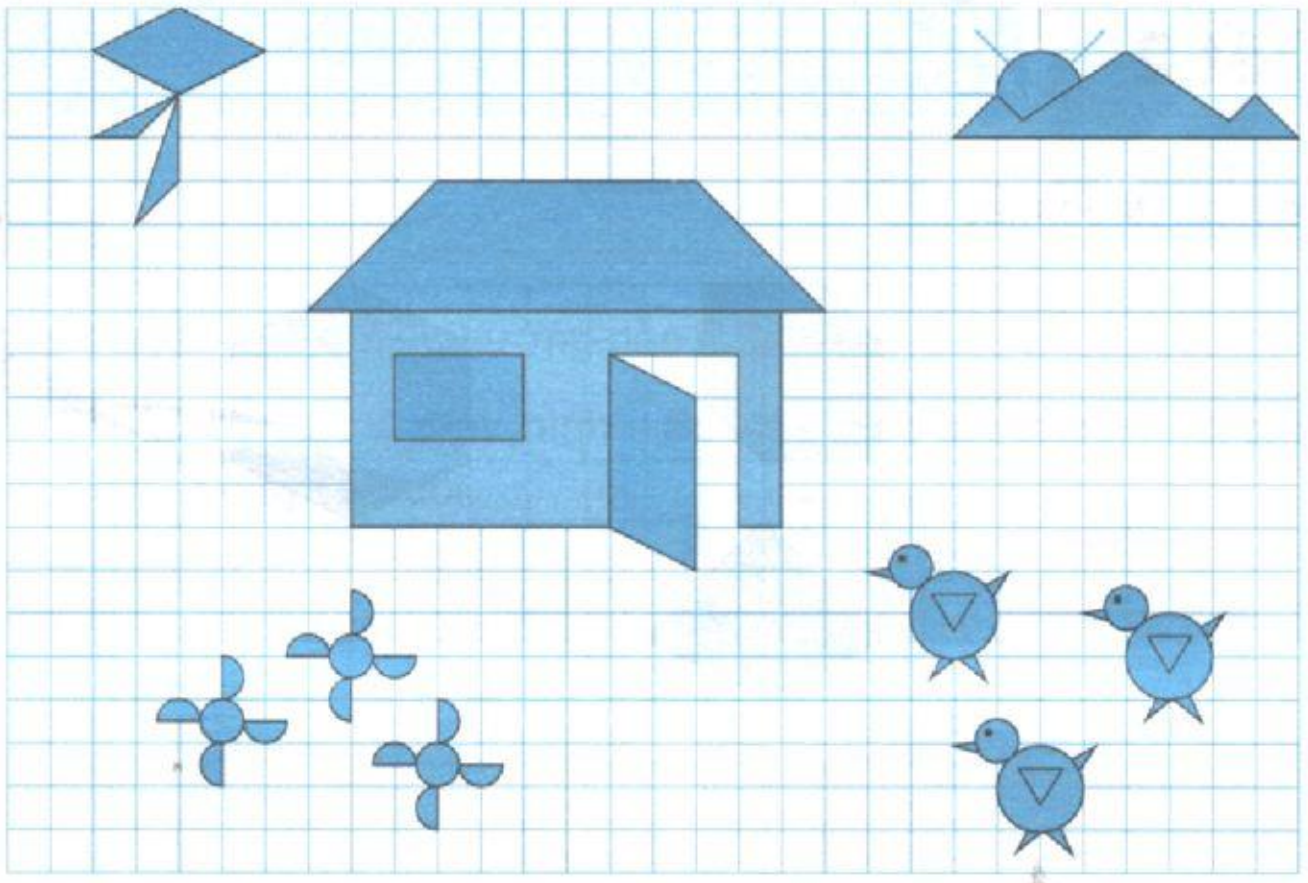
.....

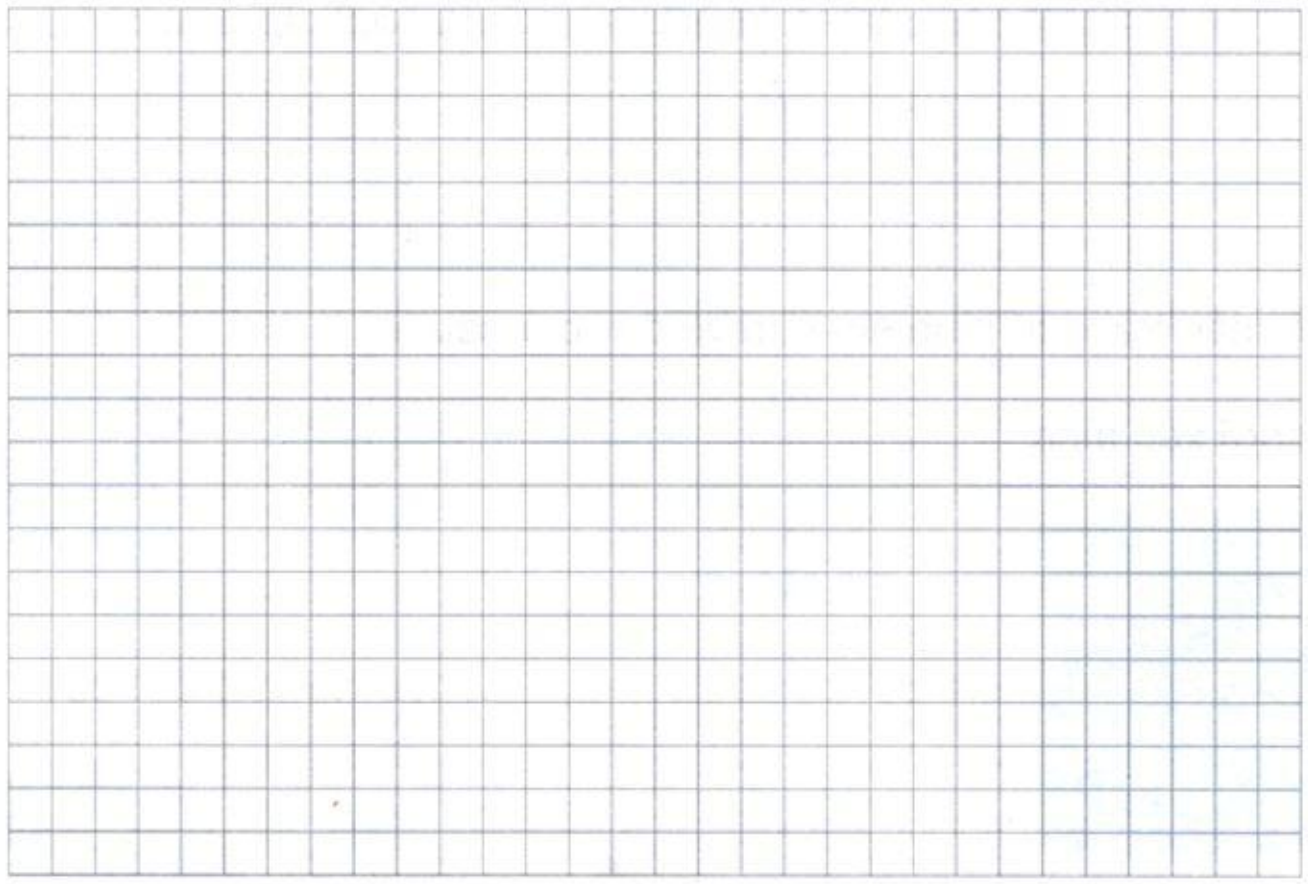
Bài 28

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM ĐO, VẼ, LẮP GHÉP, TẠO HÌNH

Tiết 1

1 Vẽ hình (theo mẫu).





2 Tô màu trang trí hình em vừa vẽ được ở bài 1.

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình vẽ ở bài 1:

Mái nhà có dạng .....

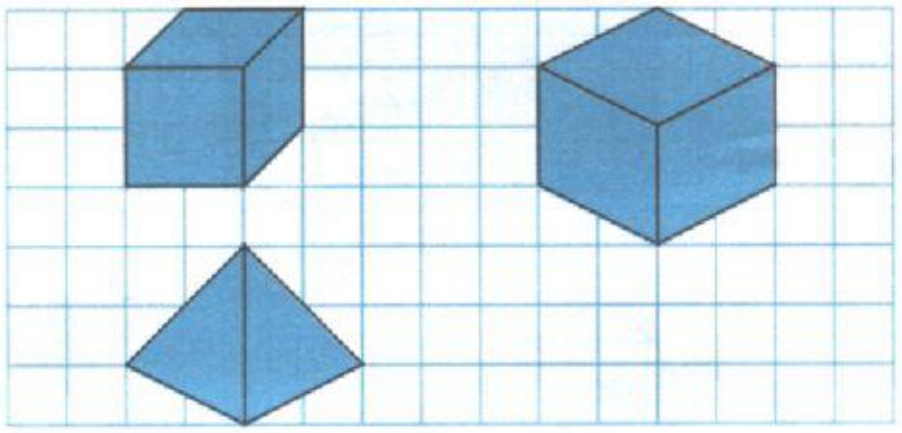
Cánh mỗi con gà có dạng .....

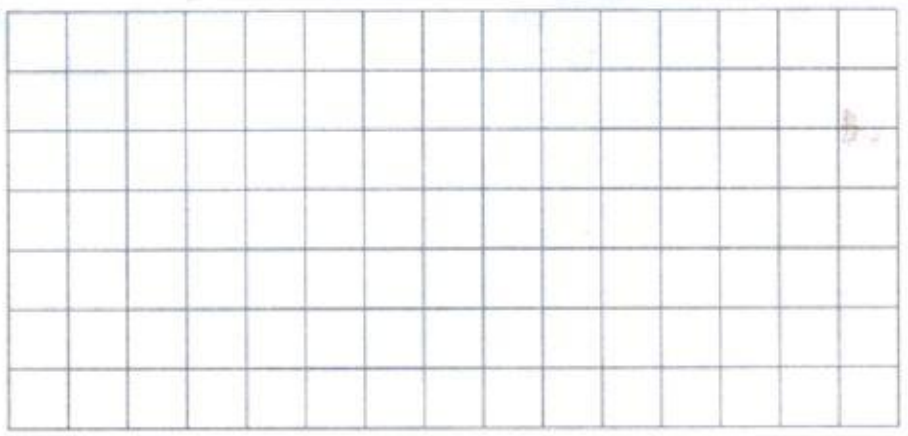
Có ..... hình tròn.

Có ..... hình tam giác.

Tiết 2

1 a) Vẽ hình (theo mẫu).





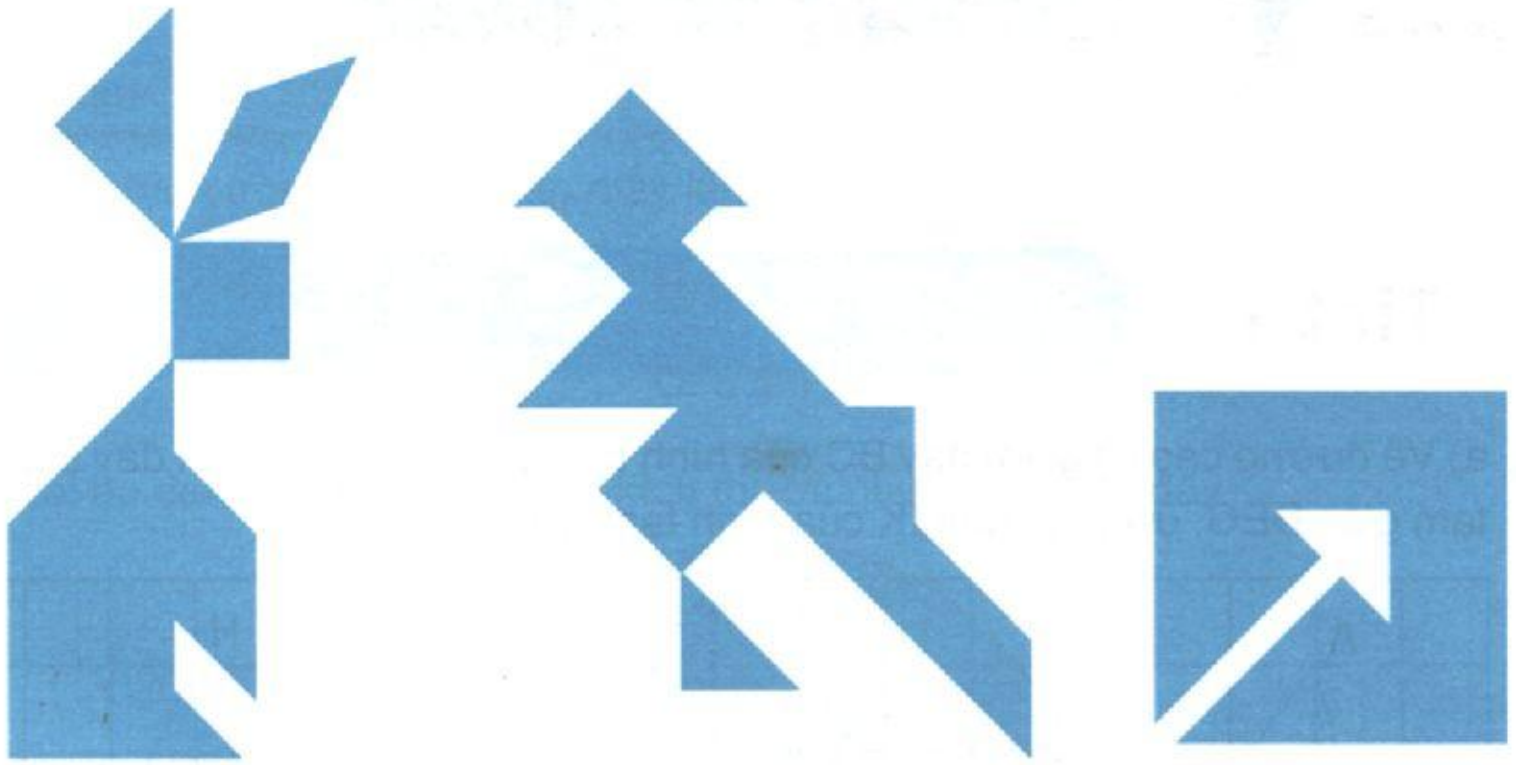
b) Tô màu trang trí hình em vừa vẽ được ở câu a.

2 Trò chơi xếp hình.



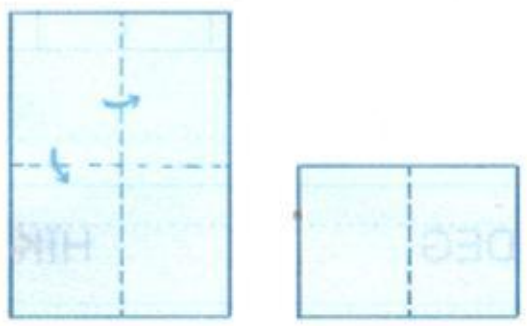
Bộ trò chơi xếp hình

Từ 7 miếng ghép của bộ trò chơi xếp hình, em hãy xếp thành các hình dưới đây. Vẽ vào các hình để thể hiện cách xếp.

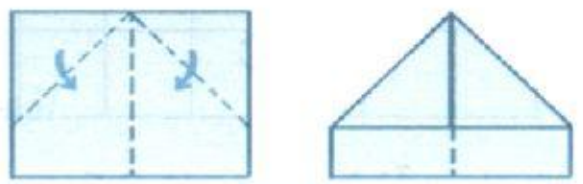


3 Em hãy gấp thuyền buồm theo hướng dẫn dưới đây.

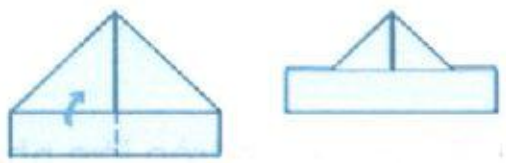
Bước 1: Chuẩn bị một tờ giấy hình chữ nhật. Gấp tờ giấy làm đôi.



Bước 2: Gấp tạo thành hình tam giác.



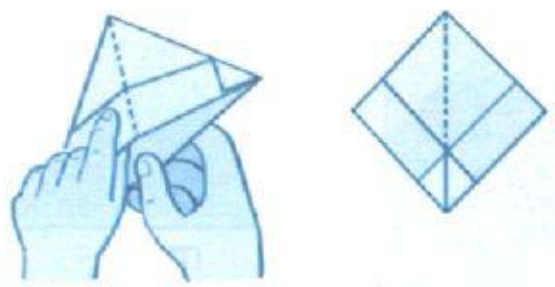
Bước 3: Gấp mép giấy lên trên.



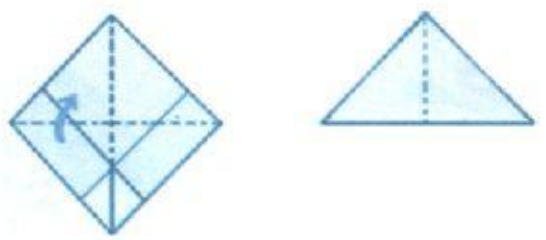
Bước 4: Gấp góc tờ giấy vào trong.



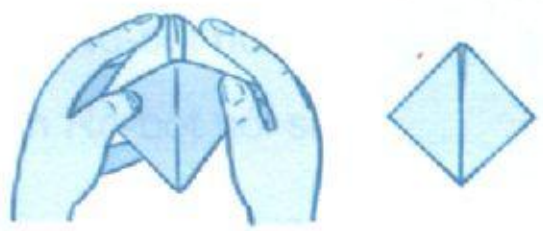
Bước 5: Tạo thành hình vuông.



Bước 6: Gấp thành hình tam giác.



Bước 7: Tạo thành hình vuông.



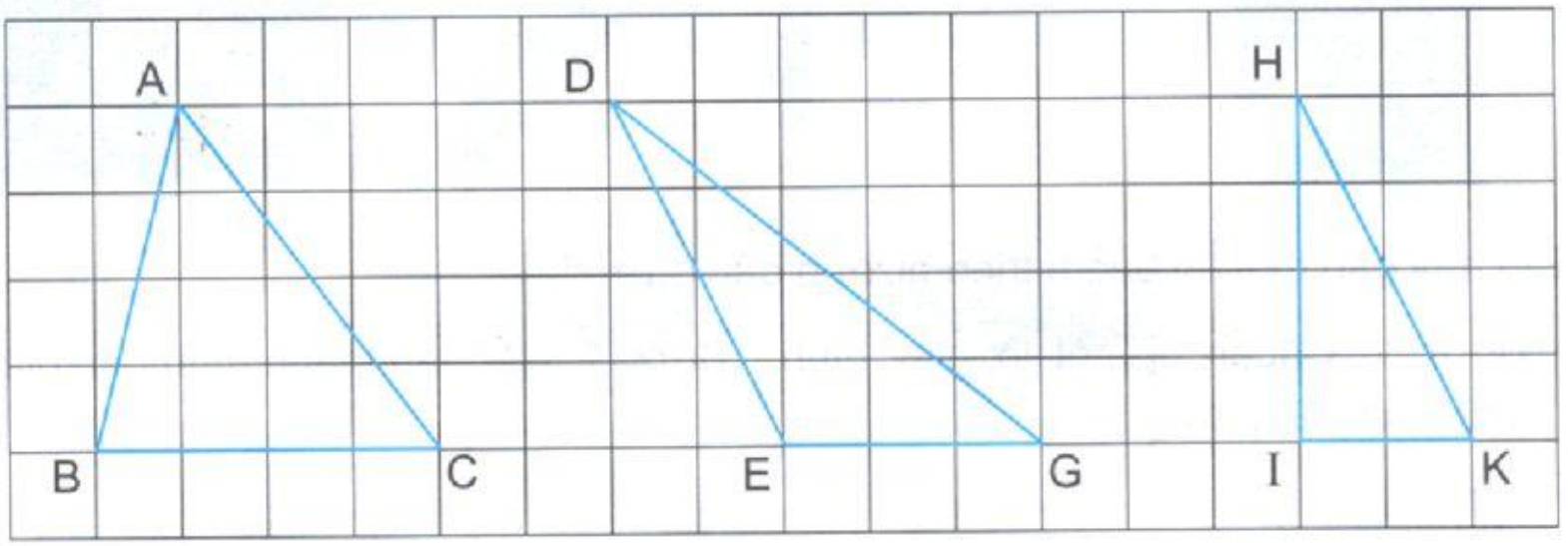
Bước 8: Tạo thành hình thuyền buồm.



Bài 29 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 a) Vẽ đường cao ứng với đáy BC của hình tam giác ABC, ứng với đáy EG của hình tam giác DEG, ứng với đáy IK của hình tam giác HIK.

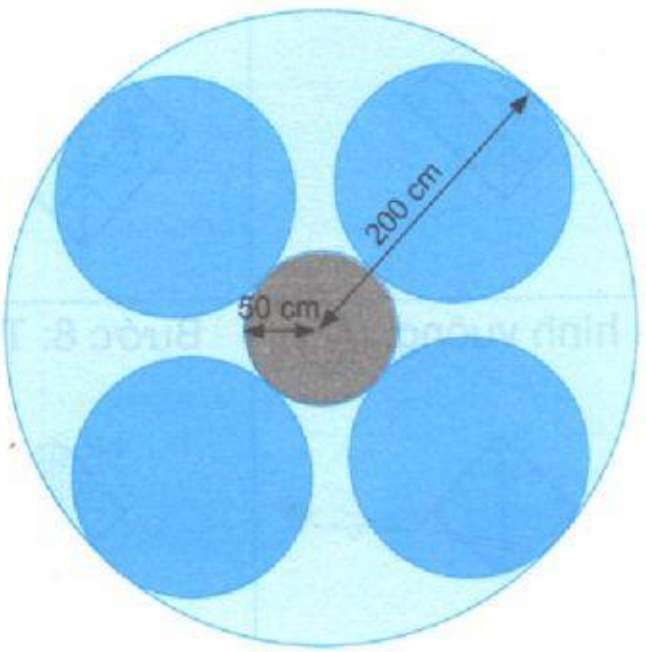


b) Biết cạnh mỗi ô vuông là 2,5 cm. Hoàn thành bảng sau.

Hình tam giác	ABC	DEG	HIK
Diện tích			

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong hình sau, biết hình tròn bé nhất có bán kính 50 cm, hình tròn lớn nhất có bán kính 200 cm.



a) Đường kính mỗi hình tròn xanh là:

A. 100 cm

B. 150 cm

C. 400 cm

D. 300 cm

b) Chu vi hình tròn lớn nhất gấp mấy lần chu vi hình tròn bé nhất?

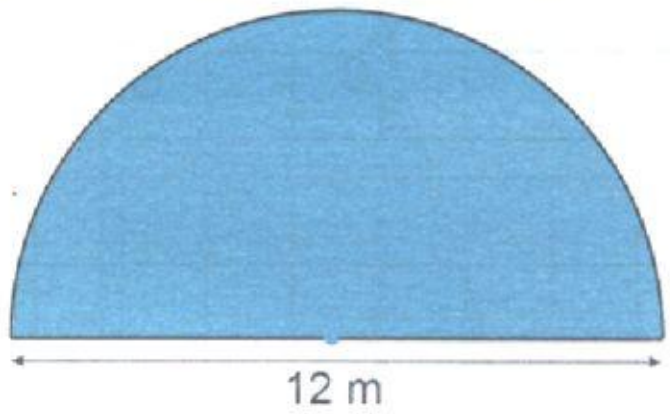
A. 2 lần

B. 3 lần

C. 4 lần

D. 5 lần

3 Một cái ao dạng nửa hình tròn có kích thước như hình dưới đây.



Tính chu vi cái ao.

Bài giải

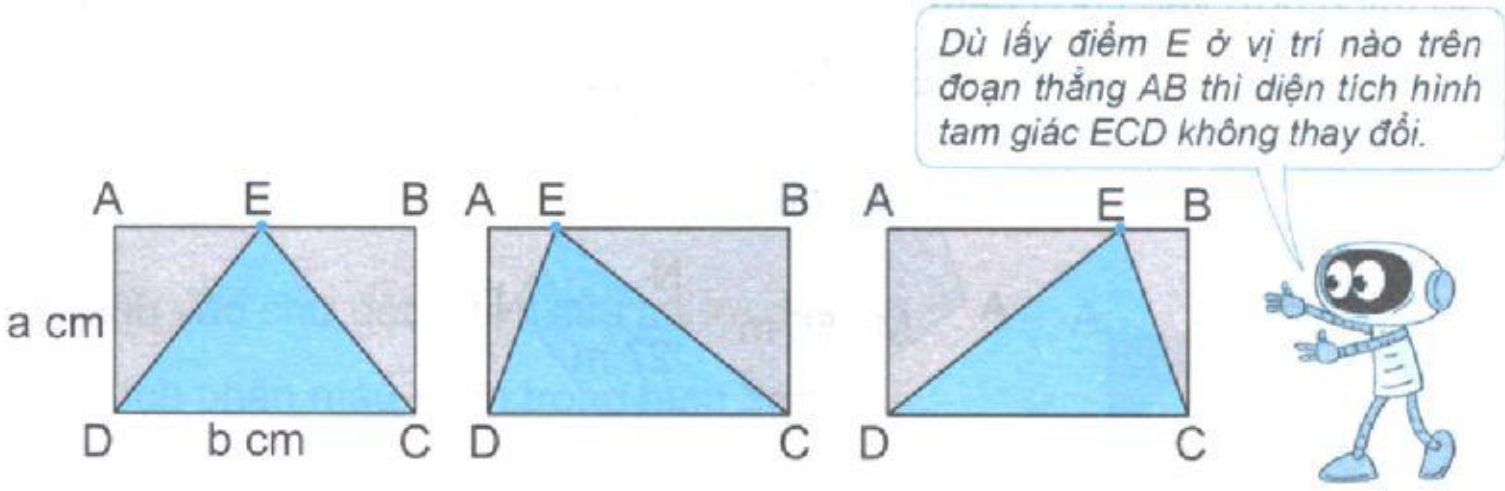
.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho hình dưới đây.



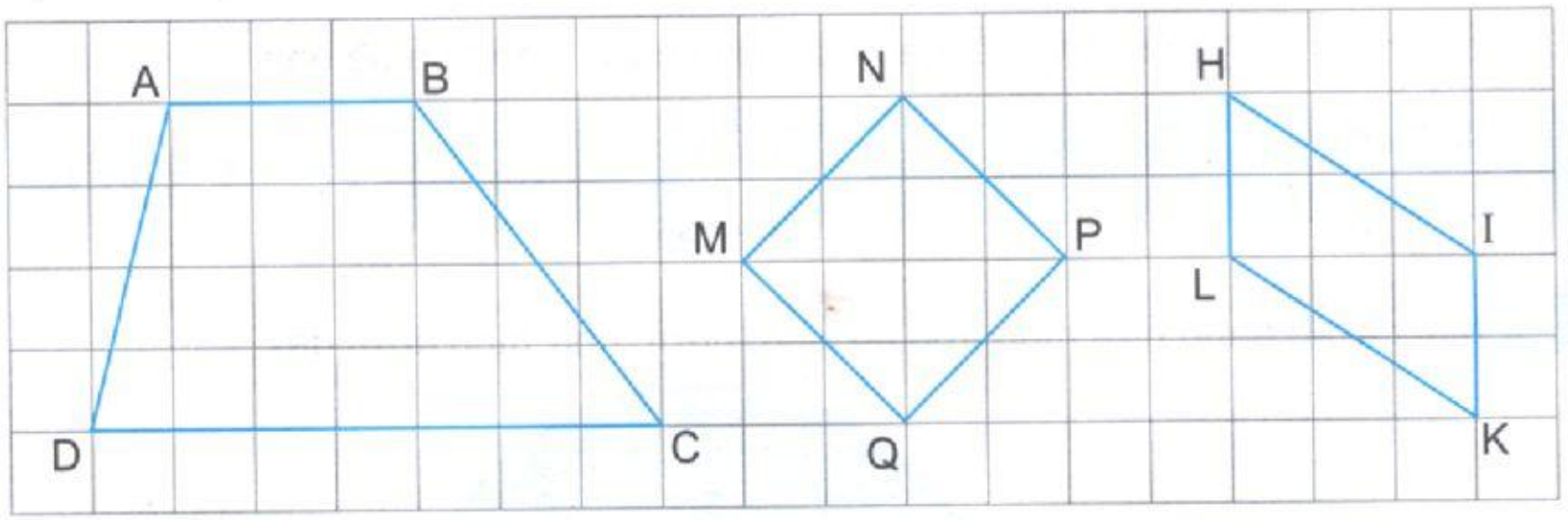
Bạn Rô-bốt nói đúng hay sai.

A. Bạn Rô-bốt nói đúng.

B. Bạn Rô-bốt nói sai.

Tiết 2

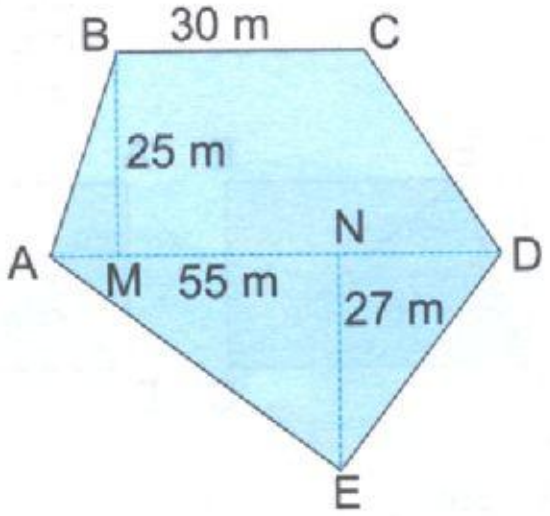
1 a) Vẽ hình (theo mẫu).



b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Biết rằng mỗi ô vuông có cạnh 2,5 cm. Diện tích hình thang ABCD ở câu a là ..... cm^2.

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Bài giải

Diện tích hình thang ABCD là:

$\frac{(55 + 30) \times .....}{.....}$ = ... (m^2)

Diện tích hình tam giác AED là:

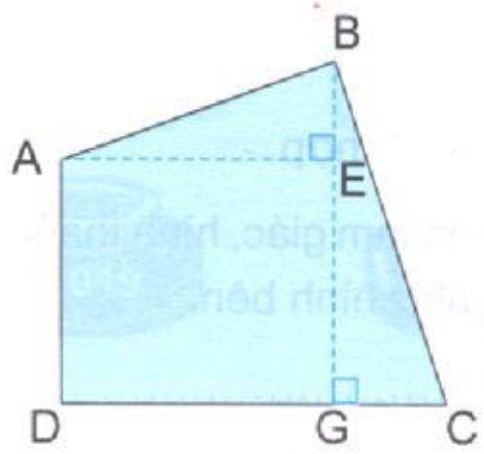
$\frac{55 \times .....}{.....} = ...$ (m^2)

Diện tích mảnh đất ABCDE là:

..... + ... = ... (m^2)

Đáp số: ..... m^2.

3 Tính diện tích mảnh đất có hình dạng như hình sau, biết: AD = 64 m; AE = 72 m; BE = 26 m; GC = 30 m.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

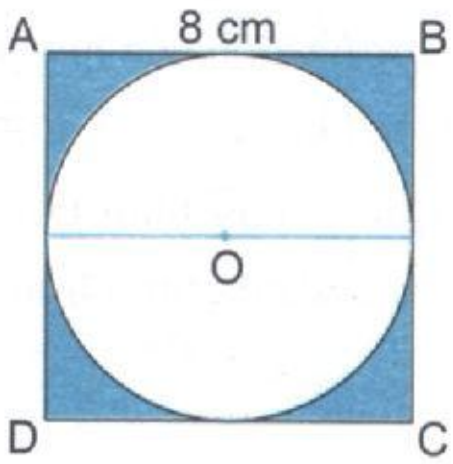
Diện tích phần màu xanh trong hình bên là:

A. 13,76 cm^2

B. 114,24 cm^2

C. 50,214 cm^2

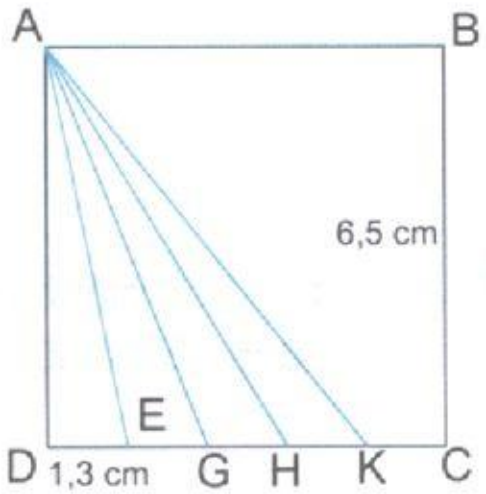
D. 136,96 cm^2



Tiết 3

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho hình vuông ABCD như hình bên và DE = EG = GH = HK = KC = 1,3 cm.

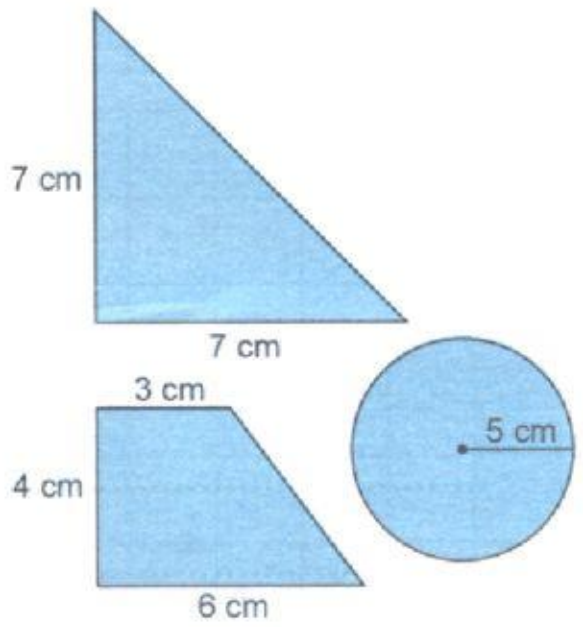


a) Diện tích hình thang ABCK là ..... cm^2.

b) Diện tích hình tam giác AKD gấp ..... lần diện tích hình tam giác ADE.

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bạn Việt dùng đất sét nặn hình tam giác, hình thang và hình tròn với kích thước như hình bên.



Hình có diện tích bé nhất là .....

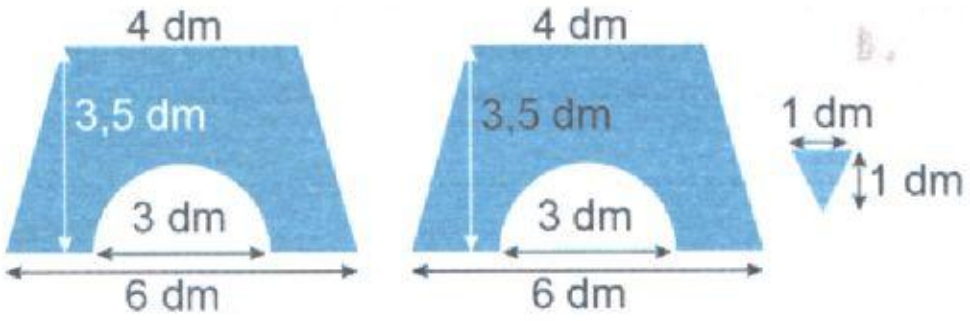
Diện tích là ..... cm^2.

Hình có diện tích lớn nhất là .....

Diện tích là ..... cm^2.

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Một rô-bốt cắt được ba mảnh vải như hình dưới đây.

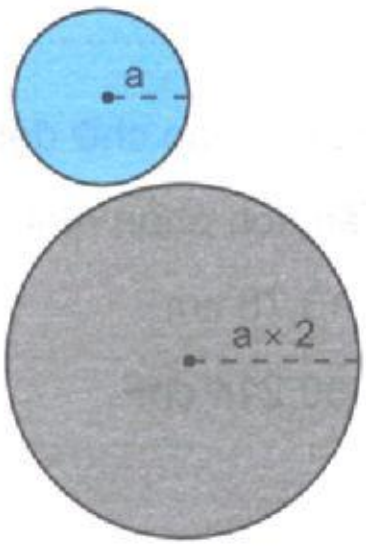


Tổng diện tích ba mảnh vải đó là ..... cm^2.

4 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) Đường kính của hình tròn màu xám gấp hai lần đường kính của hình tròn màu xanh. ☐

b) Chu vi của hình tròn màu xám cũng gấp hai lần chu vi của hình tròn màu xanh. ☐



Bài 30 ÔN TẬP SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Nối số thập phân với cách đọc số thập phân đó.



2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8 mm = ... m

b) 17 ml = ... *l*

c) 500 g = ... kg

d) 6 cm = ... dm

3 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

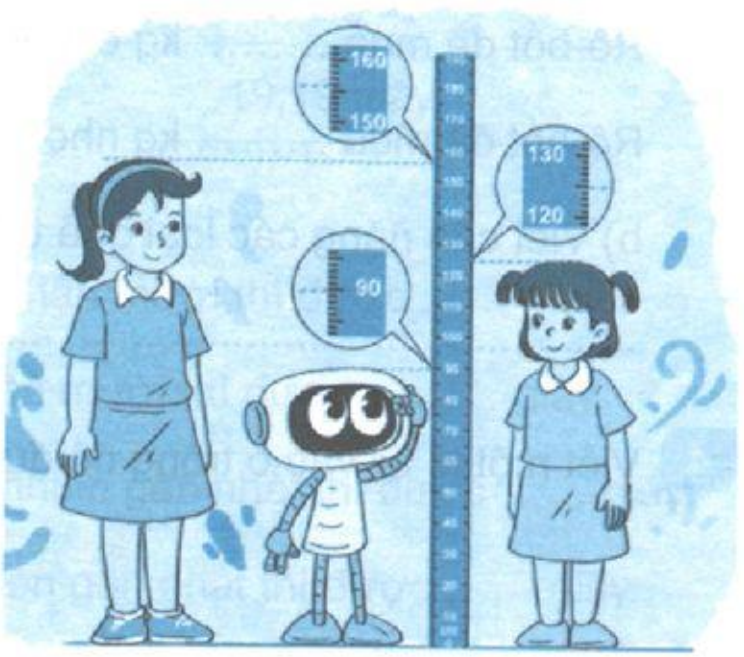
a) Chữ số 3 trong số 2,03 thuộc hàng phần trăm. ☐

b) Chữ số 3 trong số 109,37 thuộc hàng chục. ☐

c) Chữ số 3 trong số 98,213 thuộc hàng phần nghìn. ☐

4 Quan sát hình vẽ và hoàn thành bảng sau.

	Chiều cao (m)	Phần nguyên	Phần thập phân
Rô-bốt			
Mai			
Mi			



Tiết 2

1 >; <; = ?

a) 188,99 ☐ 20,17

b) 70,8 ☐ 70,8

c) 100,10 ☐ 100,1

d) 1,99 ☐ 199

2 Khi so sánh hai số 17,1 và 9,725, Việt so sánh như sau: "Vì số 17,1 có ba chữ số. Trong khi số 9,725 có tới bốn chữ số nên số 17,1 bé hơn số 9,725". Hãy nhận xét cách so sánh của Việt.

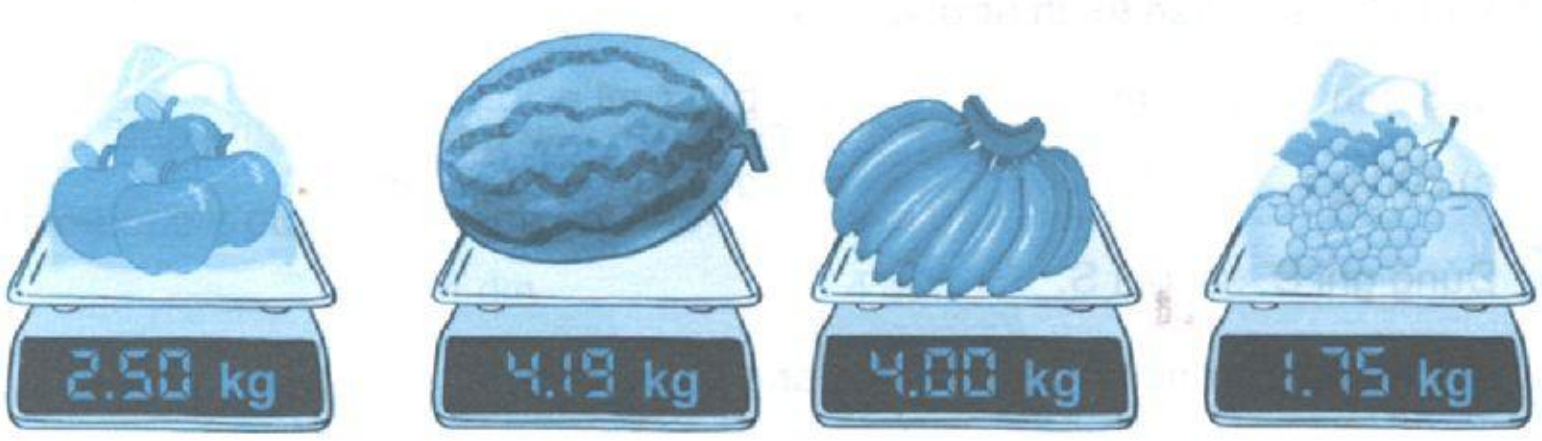
.....

.....

.....

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt vào siêu thị mua các loại quả như sau:



a) Rô-bốt đã mua ..... kg táo.

Rô-bốt đã mua ..... kg dưa hấu.

Rô-bốt đã mua ..... kg chuối.

Rô-bốt đã mua ..... kg nho.

b) Viết cân nặng các loại quả theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

4 Viết một kí tự vào ô trống để được một số lớn hơn 2 nhưng bé hơn 3.

2 ☐ 1

Tiết 3

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 173 cm = ... m

82 dm = ... m

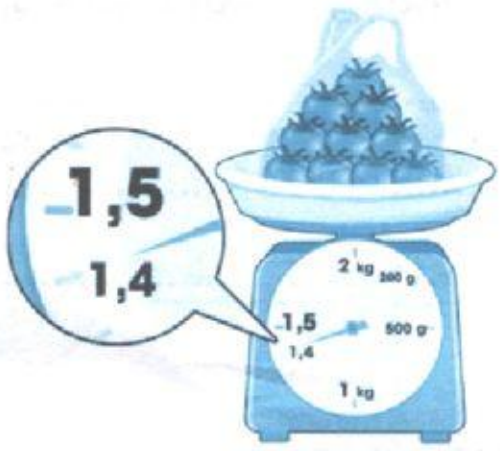
800 kg = ... tấn

b) 3 dm^2 = ... m^2

1 m^2 5 dm^2 = ... m^2

3 dm^2 75 cm^2 = ... dm^2

2 Quan sát hình vẽ và viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.





a) Túi cà chua cân nặng ..... kg.

b) Túi hành tây cân nặng ..... kg.

3 Hãy làm tròn các số thập phân dưới đây đến hàng phần trăm (theo mẫu).

9,548	17,153	100,917	0,105
9,55	.....	.....	.....

4 Tính đến năm 2022, Liên đoàn Điền kinh Quốc tế ghi nhận một số kỉ lục điền kinh như bảng sau:

Cự li	Kỉ lục
Chạy 100 m	9,58 giây
Chạy 200 m	19,19 giây

Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Làm tròn kỉ lục chạy cự li 100 m đến hàng phần mười thì được ..... giây.

Làm tròn kỉ lục chạy cự li 200 m đến hàng phần mười thì được ..... giây.

b) Làm tròn kỉ lục chạy cự li 100 m đến số tự nhiên gần nhất thì được ..... giây.

Làm tròn kỉ lục chạy cự li 200 m đến số tự nhiên gần nhất thì được ..... giây.

Bài 31 ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 7,8 + 11,6

.....

.....

.....

b) 9,12 + 9,21

.....

.....

.....

c) 15,7 + 1,57

.....

.....

.....

d) 9,03 + 3,38

.....

.....

.....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 9,2 + 17,56 + 0,8

= .....

= .....

= .....

b) 92,15 + 7,99 + 0,01

= .....

= .....

= .....

3 Giải ô chữ dưới đây.

7,4	11	19

7,25	19	20,7	19,65

Biết rằng:

Ạ	2,18 + 8 + 0,82
Đ	3,6 + 3,8
Ệ	17 + 3,7

I	16,275 + 2,725
V	2,25 + 3,9 + 1,1
T	11,65 + 8

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt cao 0,9 m. Mi cao hơn Rô-bốt 0,35 m. Mi thấp hơn Mai 0,31 m.

a) Chiều cao của Mi là ..... m.

b) Mai cao hơn Rô-bốt ..... m.

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 76,8 – 1,9 .....

.....

.....

b) 9,63 – 5,275 .....

.....

.....

c) 19,3 – 11 .....

.....

.....

d) 27 – 1,2 .....

.....

.....

2 Viết số thập phân thích hợp vào ô trống.

a) 5,2 → + 2 → ☐ → – 0,01 → ☐

7,9 → + 4 → ☐ → – 0,2 → ☐

b) 5,2 → + 1,99 → ☐

7,9 → + 3,8 → ☐

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Hưởng ứng phong trào kế hoạch nhỏ, các bạn ủng hộ lượng giấy vụn như sau:

Mai: 2,5 kg Nam: 3,25 kg Việt: 2,4 kg

a) Bạn ủng hộ nhiều giấy vụn nhất là: .....

b) Nam ủng hộ nhiều hơn Mai ..... kg giấy vụn.

4 Quan sát hình vẽ dưới đây rồi viết số thập phân thích hợp vào ô trống.



☐ kg



☐ kg

5 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Sử dụng các tấm thẻ sau: [,] [6] [3] [5].

a) Số thập phân lớn nhất có thể lập được là: .....

b) Số thập phân bé nhất có thể lập được là: .....

c) Hiệu của hai số thập phân vừa lập được là: .....

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

a) $1,2 \times 3,5$ b) $3,1 \times 5,7$ c) $0,15 \times 7$ d) $9,3 \times 6$

.....

.....

.....

.....

.....

2 Cho biết $29 \times 37 = 1\,073$. Không thực hiện tính, viết kết quả của mỗi phép tính sau vào chỗ chấm.

$2,9 \times 37 =$ ..... $29 \times 0,37 =$ .....

$2,9 \times 3,7 =$ ..... $0,29 \times 3,7 =$ .....

3 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào ô trống.

a) 2,1 → (× 4) → ☐ → (× 2,5) → ☐

b) 10 → (× 0,16) → ☐ → (× 5) → ☐

4 Mảnh đất nhà chú Năm có dạng hình chữ nhật với chiều dài 7,5 m và chiều rộng 4 m. Hỏi diện tích mảnh đất nhà chú Năm là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 4

1 Đặt tính rồi tính.

a) 6,52 : 2 b) 72 : 15 c) 2,52 : 2,1 d) 42 : 1,4

....

....

....

.....

2 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Số bị chia	16,5	27	9,45	
Số chia	11	5		3,5
Thương	1,5		2,7	2,16

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Để trang trí lớp nhân ngày kỉ niệm thành lập trường, lớp 5A cần chuẩn bị các sợi dây kim tuyến dài 1,2 m. Biết rằng cuộn dây kim tuyến dài 12,6 m. Lớp 5A có thể cắt được nhiều nhất ..... sợi dây kim tuyến như vậy.

4 Bác Bình có 6 kg 750 g nấm tươi. Bác muốn đóng gói số nấm này thành 9 hộp như nhau. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu ki-lô-gam nấm?

Bài giải

.....

.....

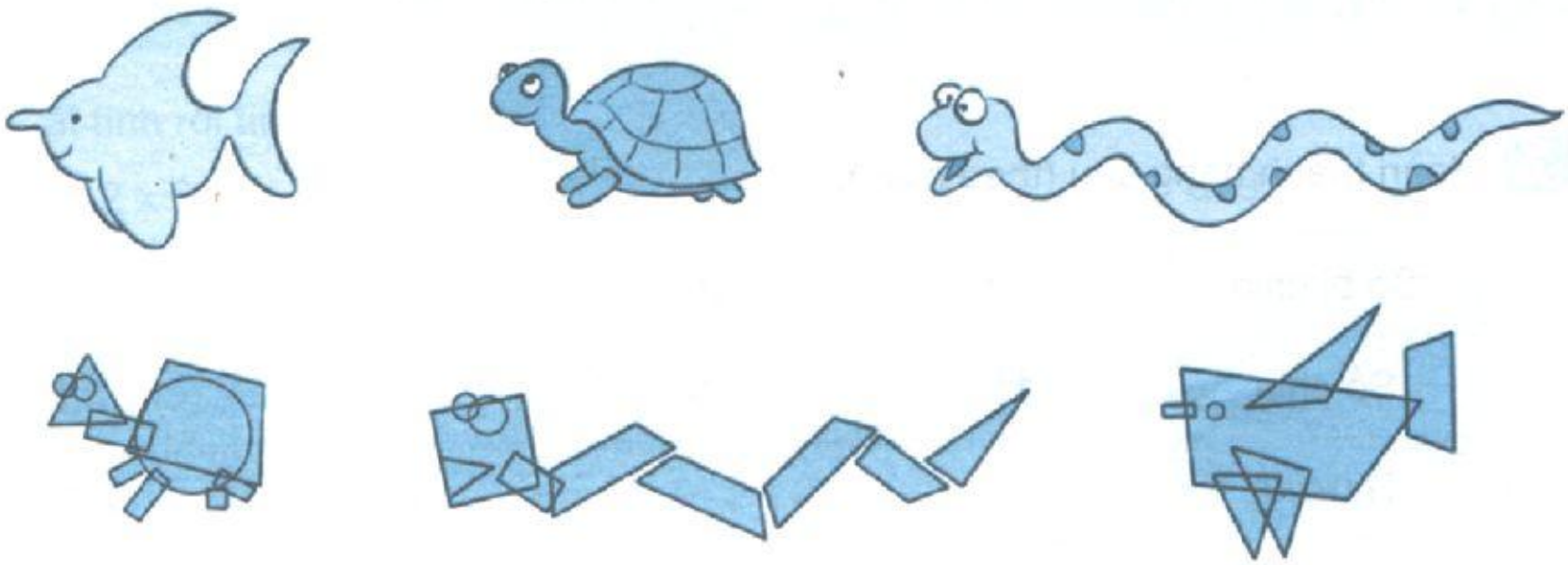
.....

.....

Bài 32 ÔN TẬP MỘT SỐ HÌNH PHẲNG

Tiết 1

1 Rô-bốt phác họa một số nhân vật bằng các hình cơ bản như dưới đây.

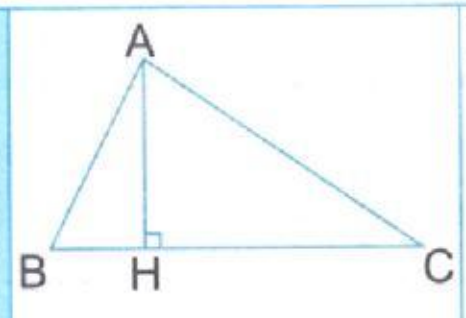
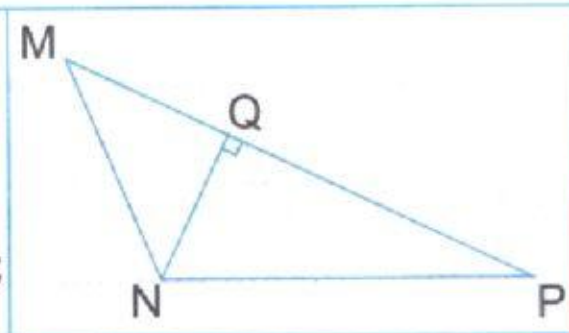
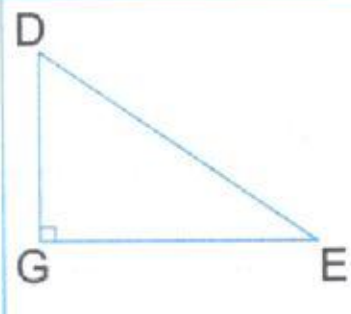


a) Nối hình phác họa với nhân vật thích hợp.

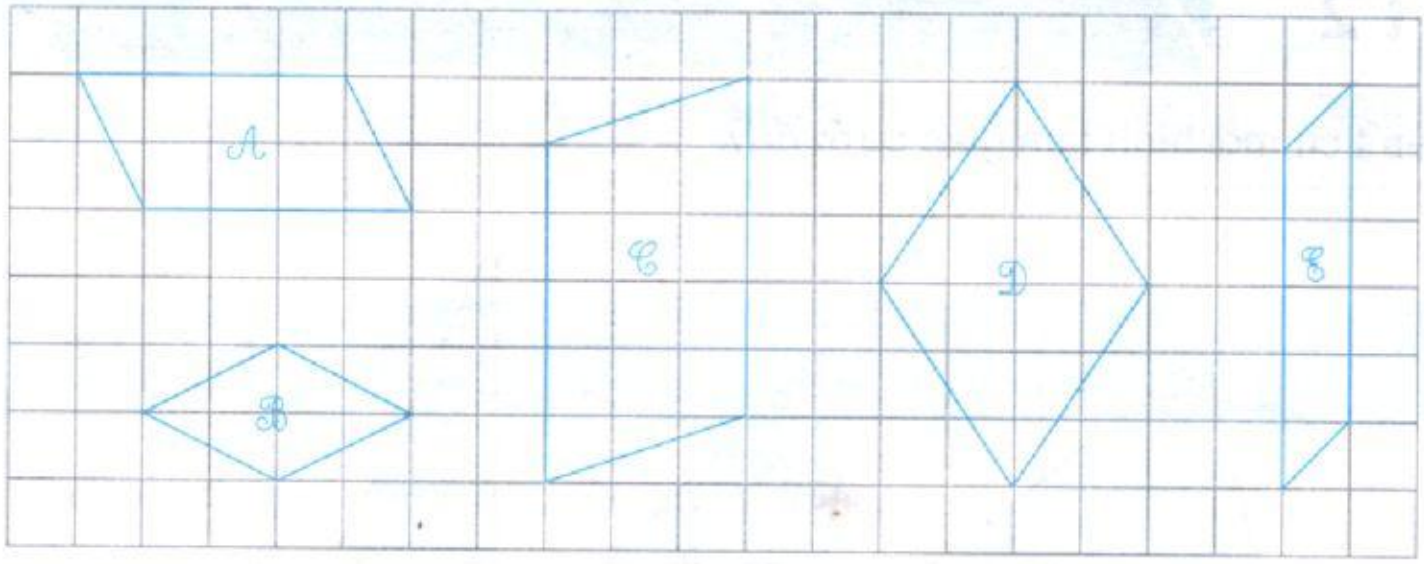
b) Hoàn thành bảng sau.

Nhân vật	Hình cơ bản được sử dụng
Cá	
Rùa	
Rắn	

2 Hoàn thành bảng sau.

Hình			
Đường cao			
Đáy			

3 a) Vẽ các hình bình hành và các hình thoi (theo mẫu).



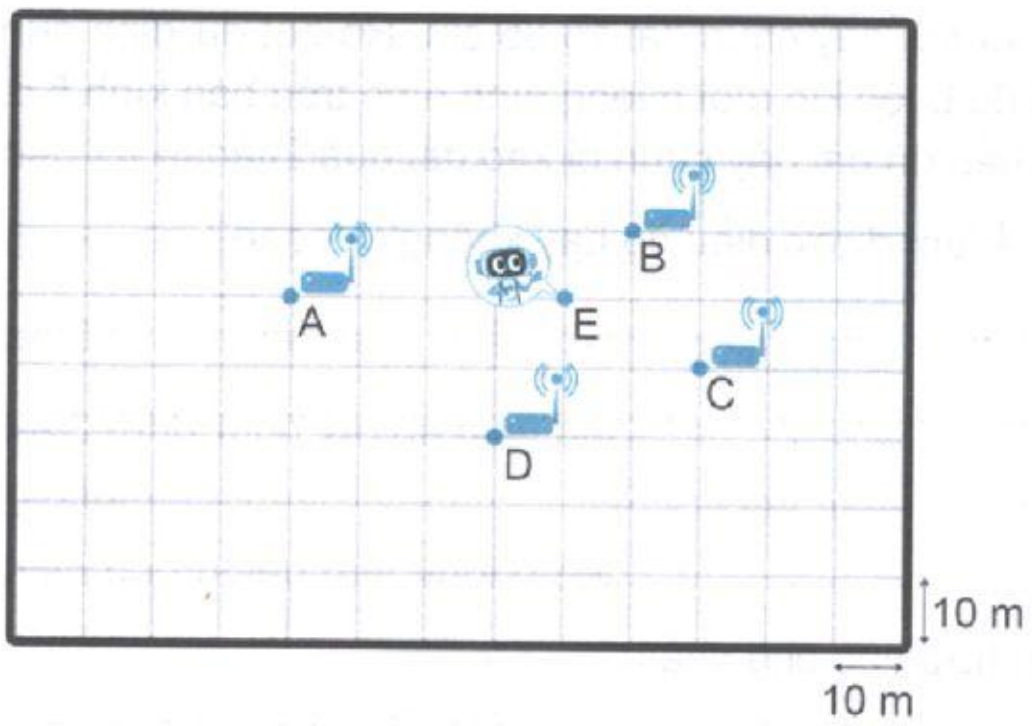
b) Tô màu xanh vào các hình bình hành đã vẽ.

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mỗi bộ phát sóng có thể truyền sóng trong một khu vực như sau:

Hình tròn tâm A bán kính 30 m; Hình tròn tâm B bán kính 20 m;

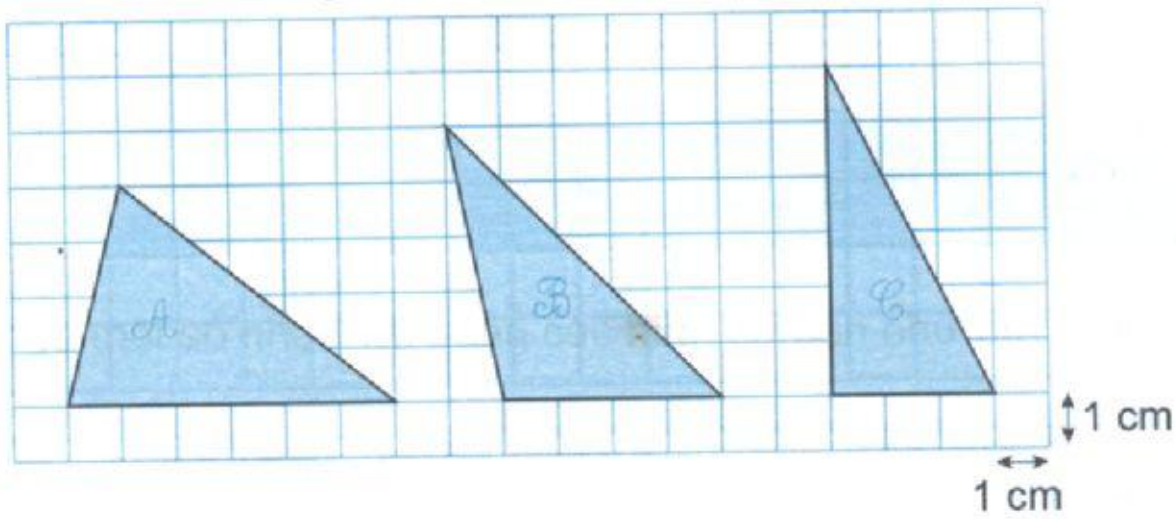
Hình tròn tâm C bán kính 20 m; Hình tròn tâm D bán kính 20 m.



Rô-bốt đứng ở vị trí E thì có thể nhận được sóng từ bộ phát sóng .....

Tiết 2

1 Tính diện tích mỗi hình tam giác dưới đây.



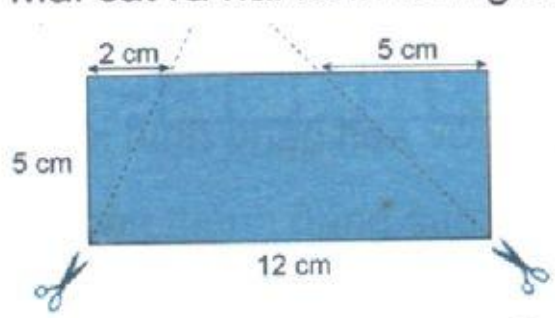
.....

.....

.....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mai cắt ra hai hình tam giác vuông từ một tờ giấy hình chữ nhật như sau.





a) Phần còn lại của tờ giấy là hình .....

b) Diện tích của phần tờ giấy còn lại là ..... cm^2.

3 Viết câu trả lời vào chỗ chấm.

Rô-bốt có một sợi dây chun dài 15,85 cm. Rô-bốt dự định dùng sợi chun đó cùng với túi bóng để buộc kín một miệng bình hình tròn bán kính 5 cm. Biết rằng sợi dây chun bị đứt nếu độ dài dây chun bị kéo dài quá 2 lần.

Rô-bốt có thể làm được điều đó hay không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

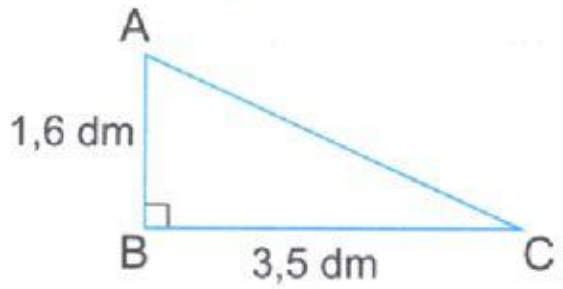
4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Mặt hồ có dạng là một nửa hình tròn. Biết rằng bán kính đo được là 60 m. Diện tích mặt hồ là ..... m^2.

Bài 33 ÔN TẬP DIỆN TÍCH, CHU VI MỘT SỐ HÌNH PHẲNG

Tiết 1

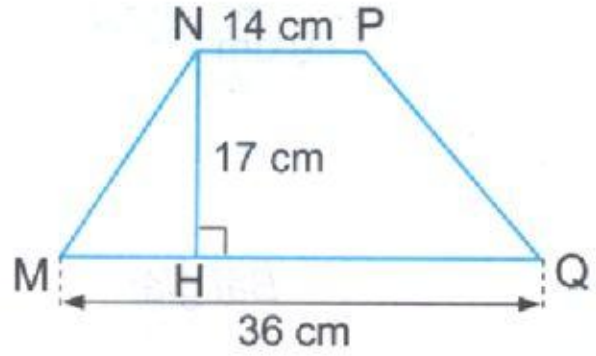
1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Diện tích của hình tam giác ABC là:

A. 2,3 dm^2 B. 5,6 dm^2 C. 2,8 dm^2 D. 2,8 m^2

2 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

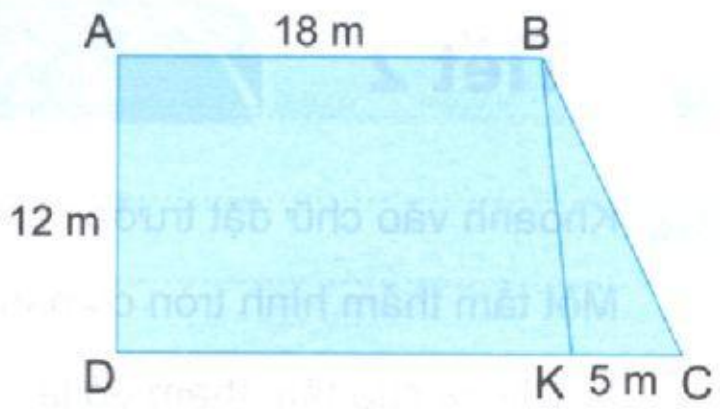


Diện tích hình thang MNPQ là:

a) 850 cm^2. ☐

b) 425 cm^2. ☐

3 Mảnh đất của bác Tư dạng hình thang vuông có chiều cao 12 m, đáy bé 18 m và đáy lớn bằng $\frac{4}{3}$ đáy bé. Bác Tư đã dành phần đất hình tam giác BKC (như hình vẽ) để hiến đất mở rộng đường. Hỏi:



a) Bác Tư đã hiến bao nhiêu mét vuông đất để mở rộng đường?

b) Phần đất còn lại có diện tích bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

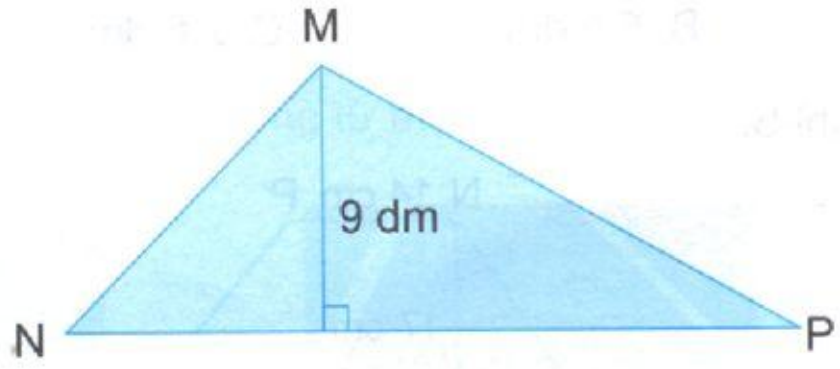
.....

.....

.....

.....

4 Chú Ba cắt được một mảnh tôn hình tam giác MNP có diện tích là 72 dm^2 và chiều cao là 9 dm (như hình vẽ). Tính độ dài đáy NP của hình tam giác đó.



Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một tấm thảm hình tròn có bán kính 3 dm.

a) Chu vi của tấm thảm đó là:

A. 9,42 dm B. 18,84 dm C. 188,4 dm D. 28,26 dm

b) Diện tích của tấm thảm đó là:

A. 2 826 dm^2 B. 2,826 dm^2 C. 28,26 dm^2 D. 18,84 dm^2

2 Bánh xe lăn tay dành cho người khuyết tật có đường kính là 50 cm. Hỏi người đi xe đó sẽ đi được bao nhiêu mét nếu bánh xe lăn trên mặt đất 1 000 vòng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Mai đo được đường kính của một mặt bàn hình tròn là 1,4 m. Tính diện tích của mặt bàn đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Một biển báo cấm đi ngược chiều là hình tròn có bán kính 35 cm; phần hình chữ nhật màu trắng (như hình vẽ) có chiều dài 50 cm, chiều rộng 12 cm. Tính diện tích phần còn lại của tấm biển đó.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

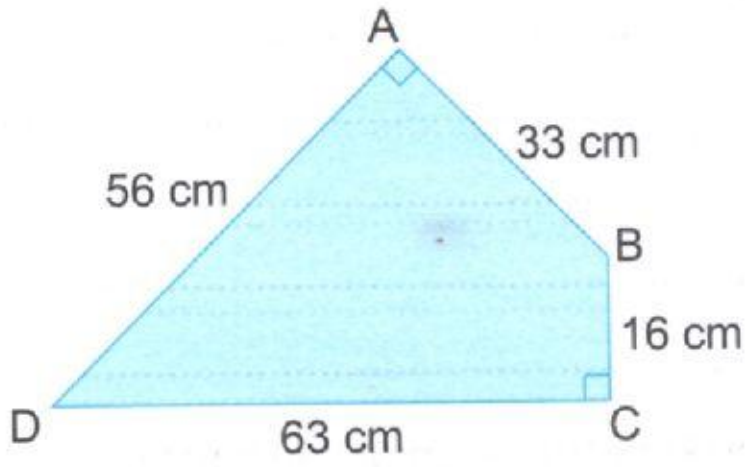
.....

.....

.....

Tiết 3

1 Tính diện tích mảnh bìa hình tứ giác ABCD có kích thước như hình dưới đây. Biết rằng các góc đỉnh A và đỉnh C là góc vuông.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

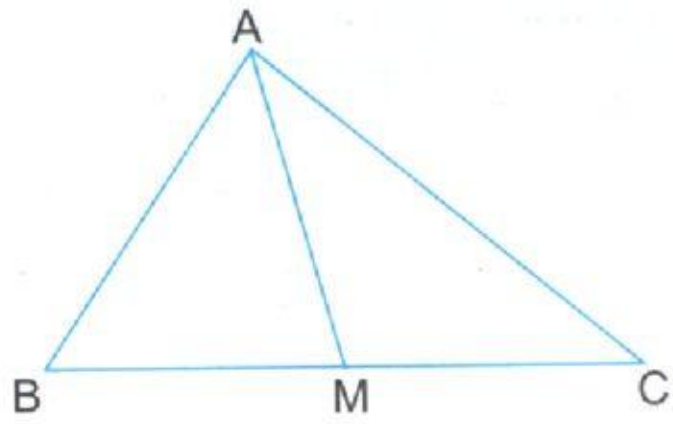
.....

.....

.....

2 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Cho hình tam giác ABC và M là trung điểm của đoạn thẳng BC.



a) Diện tích hình tam giác ABM bé hơn diện tích hình tam giác ACM. ☐

b) Diện tích hình tam giác ABM bằng hơn diện tích hình tam giác ACM. ☐

3 Một thửa ruộng dạng hình thang có độ dài hai đáy là 56 m và 34 m, chiều cao là 20 m. Người ta thu hoạch trên thửa ruộng đó, cứ 100 m^2 thu được 70 kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu được bao nhiêu tấn thóc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

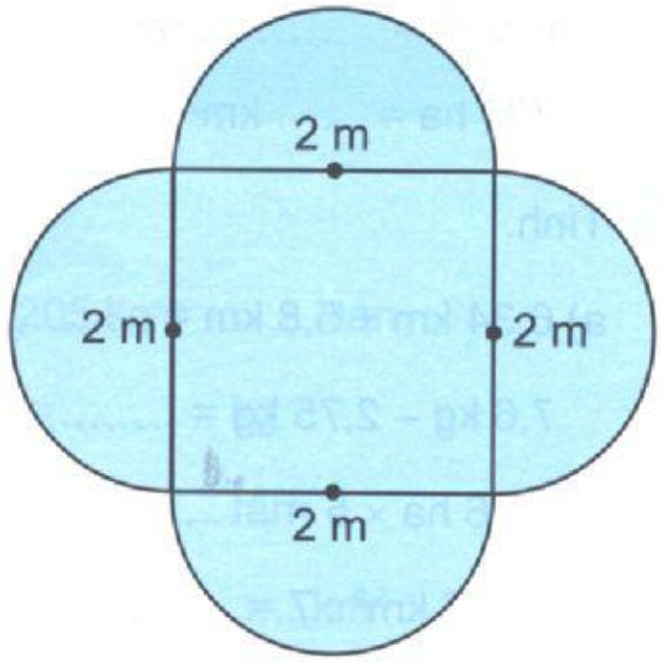
.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Một bồn hoa có hình dạng và kích thước như hình vẽ bên.



Diện tích của bồn hoa là:

A. 6,28 m^2

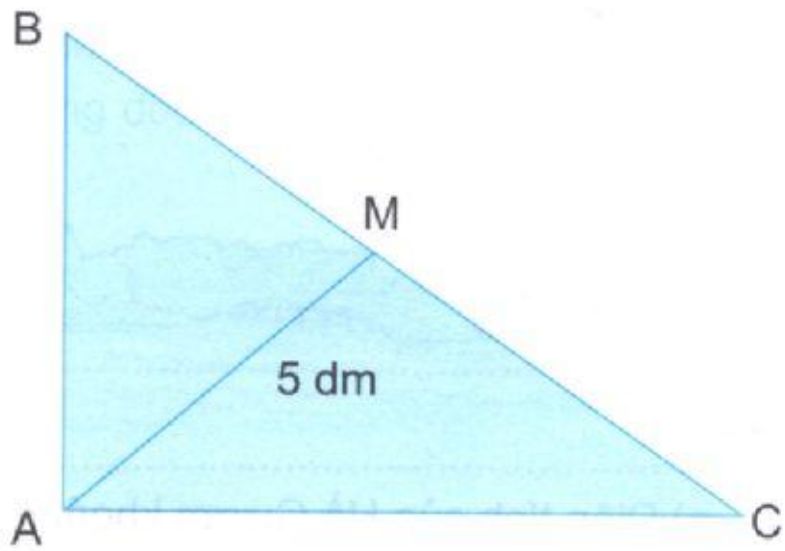
B. 10,28 m^2

C. 7,14 m^2

D. 16,56 m^2

b) Cho hình dưới đây, biết chu vi hình tam giác ABM là 16 dm, chu vi hình tam giác ACM là 18 dm và độ dài cạnh AM là 5 dm.

Chu vi hình tam giác ABC là:



A. 34 dm

B. 29 dm

C. 24 dm

D. 23 dm

Bài 34 ÔN TẬP ĐO LƯỜNG

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 28 m 15 cm = ... cm

13,7 m = ... dm

9,02 km = ... m

b) 4 km^2 37 ha = ... ha

6,5 ha = ... m^2

700 ha = ... km^2

4 kg 500 g = ... g

3,42 tạ = ... kg

6,35 tấn = ... kg

5 dm^2 24 cm^2 = ... cm^2

2,75 m^2 = ... dm^2

90 000 m^2 = ... ha

2 Tính.

a) 6,34 km + 5,8 km = ...

7,6 kg – 2,75 kg = ...

b) 28,6 ha × 5 = ...

93,17 km^2 : 7 = ...

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Theo Bách khoa toàn thư, diện tích của Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm) khoảng 0,12 km^2.



a) Diện tích của Hồ Gươm khoảng ..... ha.

b) Diện tích của Hồ Gươm khoảng ..... m^2.

4 Khu đất xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi trẻ em dạng hình chữ nhật có chiều dài 300 m, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Hỏi diện tích khu đất đó là bao nhiêu mét vuông, bao nhiêu héc-ta?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 m 360 mm = ... m

634 cm = ... m

750 m = ... km

b) 5 m^2 18 dm^2 = ... m^2

236 dm^2 = ... m^2

80 mm^2 = ... cm^2

6 tấn 205 kg = ... tấn

565 g = ... kg

3 540 kg = ... tấn

48 km^2 9 ha = ... km^2

345 ha = ... km^2

52 ha = ... km^2

2 Đường từ nhà Hùng đến trường gồm đoạn đường xuống dốc dài 650 m và đoạn đường lên dốc dài gấp đôi đoạn đường xuống dốc. Hỏi đường từ nhà Hùng đến trường dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Một khu sinh thái có diện tích 128 ha. Trong đó, $\frac{7}{8}$ diện tích là rừng đặc chủng, còn lại là khu vui chơi và dịch vụ. Hỏi diện tích khu vui chơi và dịch vụ là bao nhiêu héc-ta, bao nhiêu ki-lô-mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{5}{6}$ giờ = ... phút

b) $\frac{7}{12}$ phút = ... giây

c) $\frac{4}{5}$ thế kỉ = ... năm

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Biết diện tích hồ Trị An ở Đồng Nai khoảng 323 km^2. Vậy diện tích của hồ Trị An khoảng:

A. 3 230 ha

B. 32 300 ha

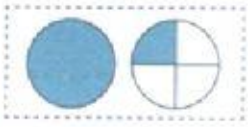
C. 3 023 ha

D. 3 203 ha

Bài 35 ÔN TẬP CHUNG

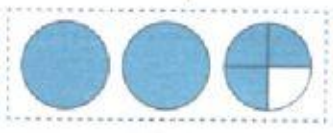
Tiết 1

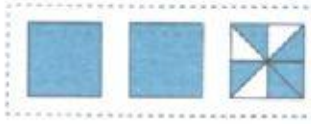
1 a) Viết rồi đọc hỗn số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây (theo mẫu).

Mẫu: 

Viết: $1\frac{1}{4}$

Đọc: Một và một phần tư

 ....

 ....

b) Chuyển hỗn số thành phân số (theo mẫu).

Mẫu: $3\frac{2}{5} = \frac{3\times5+2}{5} = \frac{17}{5}$.

$5\frac{2}{5}$ = ... $4\frac{7}{10}$ = ... $6\frac{13}{100}$ = ...

c) Chuyển phân số thành số thập phân (theo mẫu).

Mẫu: $\frac{31}{25} = \frac{124}{100} = 1{,}24$.

$\frac{96}{50}$ = ... $\frac{327}{300}$ = ... $\frac{204}{125}$ = ...

2 Tính.

a) $\frac{5}{7} + \frac{3}{4}$ = ... b) $\frac{4}{9} + \frac{2}{7}$ = ...

c) $\frac{4}{5} - \frac{2}{3}$ = ... d) $\frac{5}{9} - \frac{3}{8}$ = ...

3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{5}{7} + \frac{8}{11} + \frac{2}{7}$

= .....

= .....

= .....

b) $\frac{2}{7} \times \frac{4}{9} + \frac{2}{7} \times \frac{5}{9}$

= .....

= .....

= .....

4 Trong một đợt thu gom giấy vụn, lớp 5A đã thu gom được 45 kg giấy vụn, lớp 5B đã thu gom được số giấy vụn bằng $\frac{2}{3}$ số giấy vụn của lớp 5A, lớp 5C thu gom được ít hơn lớp 5B là 15 kg. Biết 1 kg giấy vụn làm được 15 cuốn vở tái chế. Hỏi số giấy vụn của cả ba lớp làm được bao nhiêu cuốn vở tái chế?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Hoàn thành các bảng sau.

a)

Số gồm	Viết là
Một trăm hai mươi ba đơn vị, bốn phần mười, năm phần trăm, bảy phần nghìn	
Sáu mươi bảy đơn vị, năm mươi hai phần trăm	
Tám trăm linh ba đơn vị, bốn trăm năm mươi lăm phần nghìn	
Mười chín đơn vị, năm phần trăm	

b)

Số	Đọc là
35,471	
24,607	
0,026	
5,004	

2 a) >; <; = ?

• 5,099 ☐ 5,1 • 6,321 ☐ 6,3209 • 102,30 ☐ 102,3000

b) Viết các số 5,1; 6,321; 5,099; 6,3209 theo thứ tự từ bé đến lớn.

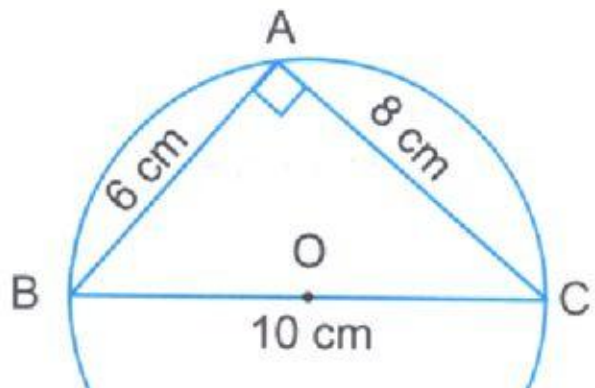
.....

3 Đặt tính rồi tính.

a) 34,28 + 19,45	b) 68,72 – 39,24	c) 17,32 × 14	d) 75,52 : 16
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
		.....	.....
		.....	

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho hình tam giác vuông ABC và hình tròn tâm O với kích thước như hình vẽ bên.



a) Diện tích hình tam giác vuông ABC là ..... cm^2.

b) Diện tích hình tròn tâm O là ..... cm^2.

c) Chu vi hình tròn tâm O là ..... cm.

5 Có 6 kg đường chia đều vào 12 túi. Hỏi:

a) 8 túi đường như vậy có bao nhiêu ki-lô-gam đường?

b) Nếu 1 kg đường loại đó giá 17 000 đồng thì mua 10 túi đường như vậy hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số gồm: Ba mươi lăm đơn vị, hai phần mười, không phần trăm, sáu phần nghìn viết là:

A. 35,26 B. 35,026 C. 35,206 D. 35,260

b) Chữ số 8 trong số thập phân nào dưới đây ở hàng phần trăm?

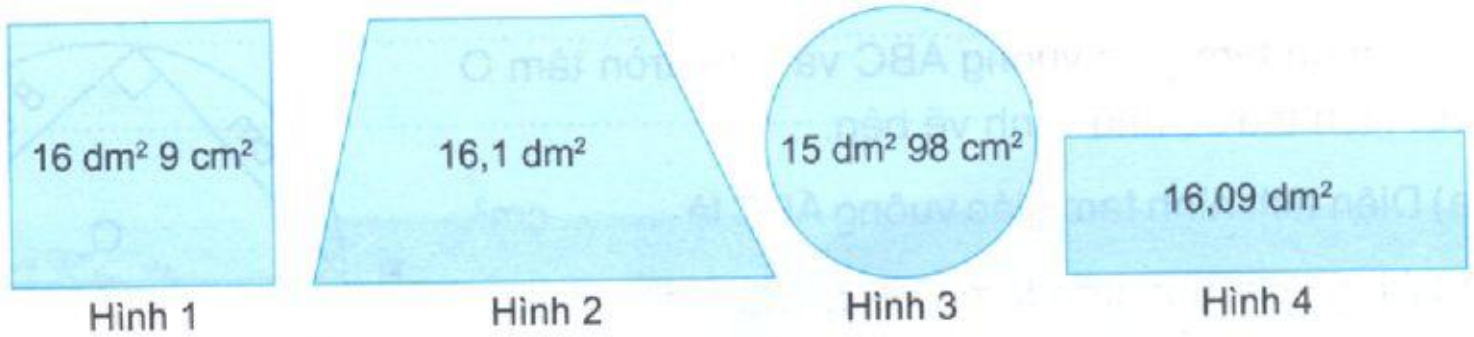
A. 38,025 B. 30,812 C. 32,081 D. 12,308

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số thích hợp với dấu "?" của 1 052 ha = ? km^2 là:

A. 0,1052 B. 1,052 C. 10,52 D. 105,2

b) Diện tích các miếng bìa được ghi như hình vẽ dưới đây.

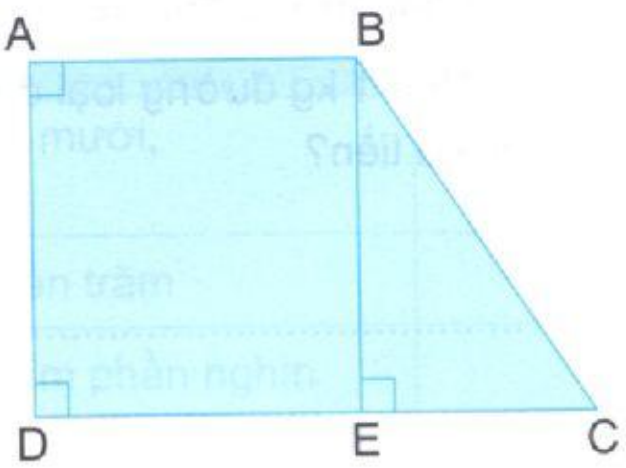


Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4

Hình có diện tích lớn nhất là:

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

3 Cho hình thang vuông ABCD có đáy lớn hơn đáy bé 40 cm, chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy và bằng 80 cm. Đoạn thẳng BE vuông góc với CD chia hình thang thành hình chữ nhật ABED và hình tam giác BCE. Tính:



a) Diện tích hình tam giác BCE.

b) Chu vi hình chữ nhật ABED.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) $(64,2 - 36,6) : 1,2 + 13,15$

= .....

= .....

= .....

b) $12,5 \times 3,6 + 12,5 \times 2,4$

= .....

= .....

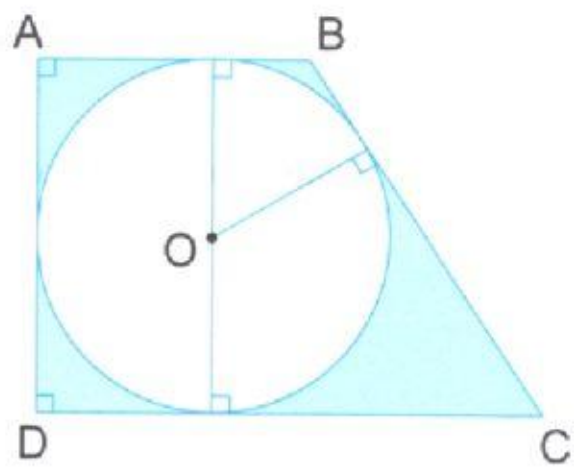
= .....

5 Rô-bốt đã vẽ hình thang ABCD và hình tròn tâm O (như hình vẽ).

Biết AB = 16 cm, CD = 28 cm, AD = $\frac{5}{7}$ CD. Tính:

a) Chu vi hình tròn.

b) Diện tích phần đã tô màu.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:
Phó Tổng biên tập TRẦN QUANG VINH
Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập nội dung: BÙI THU TRANG
Thiết kế sách: NGUYỄN HỒNG SƠN
Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG
Sửa bản in: PHẠM THỊ TÌNH – NGUYỄN DUY LONG
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.

VỞ THỰC HÀNH TOÁN 5 - TẬP MỘT
Mã số: G1LH5T001H24 - TTS

In 30.000 cuốn (QĐ 010TK), khổ 19 x 26,5cm.
In tại Công ty Cổ phần in Hồng Hà.
Địa chỉ: Số 4, ngõ 346, phường Cổ Nhuế 2, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Cơ sở in: Lô I7-6 KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, P. Tân Hồng, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Số ĐKXB: 655-2024/CXBIPH/14-500/GD.
Số QĐXB: 1106/QĐ-GD-HN ngày 16/04/2024.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2024.
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-42102-9.
Tập hai: 978-604-0-42103-6.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP. HÀ NỘI

Địa chỉ: Nhà D, tầng 2, Khu VP Vinaconex I,
289A Khuất Duy Tiến, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.6253 4301 | **Fax:** 024 6265 7741
Email: info@sachgiaoducthanoi.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.35121533 (số máy lẻ 118) - 0904893398 | **Fax:** 024.35123278
Email: kinhdoanh.heps@gmail.com | **Website:** http://xbgdhn.vn/

VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU



ISBN 978-604-0-42102-9

9 786040 421029

Giá: 45.000đ